

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM



SỔ TAY HƯỚNG DẪN
GIÁM SÁT AN TOÀN KHAI THÁC
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2351/QĐ-CHK ngày 10/10/2019
của Cục Hàng không Việt Nam)*

Ban hành lần thứ 2

Hà Nội, tháng 10/2019

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
1. Mục đích.....	1
2. Phạm vi áp dụng.....	1
3. Căn cứ pháp lý và tài liệu viện dẫn.....	2
4. Quy định về sửa đổi, bổ sung tài liệu.....	3
5. Thuật ngữ viết tắt.....	3
CHƯƠNG II	5
QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM	5
1. Hệ thống giám sát an toàn Cục HKVN.....	5
2. Trách nhiệm của Cục HKVN liên quan đến việc kiểm tra, giám sát an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay.....	6
3. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng không liên quan đến việc kiểm tra, giám sát an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay.....	9
4. Trách nhiệm của Phòng QLCHKSB - Cục HKVN.....	10
5. Trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân.....	14
6. Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay.....	14
CHƯƠNG III	17
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY	17
1. Nguyên tắc chung.....	17
2. Sơ đồ tổng quan về hoạt động kiểm tra.....	17
3. Kế hoạch, chế độ và tần suất kiểm tra an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay.....	19
4. Giám sát an toàn khai thác tại sân bay.....	20
5. Kiểm tra và đánh giá an toàn (Inspection and Audit).....	20
CHƯƠNG IV	22
QUY TRÌNH TỔ CHỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỂ CẤP/CẬP LẠI/SỬA ĐỔI/THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY (TRỪ CÁC SÂN BAY CHUYÊN DÙNG)	22
1. Quy định chung.....	22
2. Quy trình cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay lần đầu.....	24
3. Nội dung kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế đối với cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay lần đầu.....	34
4. Cấp lại, đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không sân bay.....	48
CHƯƠNG V	50
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ DANH MỤC KHÔNG ĐÁP ỨNG	50
1. Mục đích.....	50
2. Phạm vi danh mục không đáp ứng.....	50
3. Phân loại miễn trừ theo danh mục không đáp ứng.....	51
4. Quy trình chấp thuận miễn trừ/nhân nhượng theo danh mục không đáp ứng.....	51
CHƯƠNG VI	55
KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TẠI SÂN BAY	55
1. Kiểm tra các điều kiện đưa vào khai thác công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng CHKSB.....	55
2. Kiểm tra các điều kiện đóng cửa tạm thời công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.....	65
3. Kiểm tra, chấp thuận việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay.....	73

4. Kiểm tra, chấp thuận tài liệu khai thác sân bay	82
CHƯƠNG VII.....	91
KIỂM SOÁT, BẢO ĐẢM VIỆC TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH.....	91
1. Hành động để kiểm soát việc tuân thủ quy định, tiêu chuẩn	91
2. Vi phạm	91
3. Hành động thực thi	91
4. Hành động hành chính.....	92
5. Hành động pháp lý.....	93
CHƯƠNG VIII	94
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁM SÁT VIÊN AN TOÀN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY	94
1. Mục đích:	94
2. Chương trình đào tạo	94
3. Nội dung và thời hạn đào tạo.....	94
4. Giáo viên đào tạo	96
5. Tài liệu đào tạo	96
6. Khung đào tạo giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay.....	96
7. Hồ sơ tài liệu giám sát viên	100
8. Yêu cầu về nhân sự.....	100
PHỤ LỤC A – Mẫu văn bản.....	110
PHỤ LỤC A1: Mẫu văn bản triển khai kế hoạch kiểm tra đánh giá an toàn khai thác cảng hàng không sân bay	110
PHỤ LỤC A2: Văn bản chấp thuận các nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác	113
PHỤ LỤC B: Mẫu báo cáo kết quả kiểm tra	114
PHỤ LỤC C: Danh mục các checklist kiểm tra cấp giấy chứng nhận khai thác sân bay	117
PHỤ LỤC D: Danh mục các checklist kiểm tra các điều kiện đảm bảo an toàn hoạt động thi công, đưa công trình vào khai thác	119
PHỤ LỤC E: Chương trình đào tạo giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay – Bản tóm tắt kinh nghiệm	120

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. MỤC ĐÍCH

Sổ tay Hướng dẫn giám sát an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay cung cấp thông tin và hướng dẫn cho các cơ quan chức năng, lực lượng giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay thuộc Cục Hàng không Việt Nam (Cục HKVN), Cảng vụ Hàng không và lực lượng kiểm tra, giám sát an toàn nội bộ của người khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm công tác kiểm tra, cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay, giám sát việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, các quy định, quy trình khai thác và cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay; kiểm tra, giám sát hệ thống an toàn cảng hàng không, sân bay.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

2.1. Sổ tay Hướng dẫn giám sát an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm những thông tin và hướng dẫn quá trình kiểm tra an toàn được áp dụng cho tất cả các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, cung cấp dịch vụ tại các cảng hàng không, sân bay có hoạt động hàng không dân dụng ở Việt Nam.

2.2. Cục HKVN, Cảng vụ hàng không chịu trách nhiệm đối với việc triển khai, kiểm tra, giám sát, đảm bảo duy trì các tiêu chuẩn kỹ thuật cảng hàng không, sân bay. Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay được Cục HKVN bổ nhiệm phải chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao để đảm bảo rằng nội dung của sổ tay này đang được thực hiện có hiệu quả nhằm đáp ứng các mục tiêu sau đây:

- Kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn sân bay, các quy định về bảo đảm an toàn khai thác có hiệu quả;
- Giám sát mức độ tuân thủ các quy trình, quy định;
- Xác định đầy đủ và hiệu quả của cuốn sổ tay thông qua việc thiết lập pháp luật, quy định, thanh tra và kiểm tra;
- Đảm bảo tất cả những người được bổ nhiệm làm giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay được đào tạo và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ;
- Đảm bảo phạm vi các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được kiểm tra;
- Xem xét và đánh giá lại các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho

cảng hàng không, sân bay và đánh giá mức độ rủi ro, uy hiếp an toàn đối với hành vi vi phạm theo định kỳ.

3. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU VIỆN DẪN

3.1. Căn cứ pháp lý

- Luật hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014.

- Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

- Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ về Quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam;

- Nghị định 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay;

- Quyết định số 44/2009/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

- Quyết định số 33/2012/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng không dân dụng;

- Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 của Bộ Giao thông vận tải về quy định việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam;

- Thông tư số 19/2017/ TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về về quản lý và bảo đảm hoạt động bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư 04/2018/TT-BGTVT ngày 04/1/2018 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về việc bảo đảm kỹ thuật nhiên liệu hàng không tại Việt Nam;

- Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 01 tháng 08 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không dân dụng;

- Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng;
- Quyết định số 220/QĐ-CHK ngày 25/01/2014 của Cục HKVN ban hành Quy chế báo cáo an toàn hàng không.

3.2. Tài liệu viện dẫn:

- Phụ ước 14, Phụ ước 19 Công ước Chicago;
- Sổ tay cấp chứng chỉ sân bay (Doc 9774 –AN/969) của ICAO;
- Sổ tay quản lý an toàn (Doc 9859-AN/460) của ICAO;
- Sổ tay thiết kế sân bay (Doc 9157);
- Sổ tay dịch vụ cảng Hàng không (Doc 9137);
- Sổ tay giám sát an toàn (Doc 9734);
- Sổ tay kiểm tra an toàn (Doc 9735)
- Sổ tay sân bay (Doc 9981)
- Sổ tay hướng dẫn thanh tra khai thác và kiểm tra cấp giấy chứng nhận khai thác (Doc 8335).

4. QUY ĐỊNH VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TÀI LIỆU

4.1. Mỗi trang của tài liệu được xem là duy nhất và quá trình sửa đổi, bổ sung sẽ được tiến hành bất cứ lúc nào để phản ánh và cập nhật những thay đổi cần thiết.

4.2. Các đơn vị được phân phối tài liệu có trách nhiệm trong việc rà soát các vấn đề cần sửa đổi bổ sung trong tài liệu, báo cáo Cục HKVN xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

4.3. Những nội dung bổ sung, sửa đổi được Cục HKVN phê duyệt sẽ được gửi tới các đơn vị liên quan dưới hình thức gửi lại trang ghi nhận các tu chỉnh, kèm theo các trang sửa đổi bổ sung mới đã được người có thẩm quyền ký ghi rõ ngày, tháng, năm, số lần sửa đổi.

5. THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

- AAT (Aerodrome Audit Team): Tổ kiểm tra, đánh giá an toàn khai thác cảng của Cục Hàng không Việt Nam.
- AMD (Airport Management Department): Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay (ghi tắt trong tài liệu là QLCHKSB).
- AI (Aerodrome Inspector): Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng

không, sân bay (ghi tắt trong tài liệu là GSV).

- ACN (Aircraft Classification Number): Chỉ số phân cấp tàu bay.
- AIP (Aeronautical Information Publication): Tập thông báo tin tức hàng không.
- AIS (Aeronautical Information Services): Cơ sở cung cấp dịch vụ thông báo tin tức hàng không.
- ANS (Air Navigation Services): Dịch vụ dẫn đường hàng không.
- ASDA (Accelerate - Stop Distance Available): Cự ly có thể dừng khẩn cấp.
- CAT (Category): Cấp
- CHC: Cát hạ cánh.
- CNV: Chướng ngại vật.
- DME (Distance Measuring Equipment): Thiết bị đo khoảng cách.
- ICAO (International Civil Aviation Organization): Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.
- ILS (Instrument Landing System): Hệ thống hạ cánh bằng thiết bị.
- LDA (Landing Distance Available): Cự ly hạ cánh có thể.
- NOTAM (Notice To Airmen): Điện văn thông báo tin tức hàng không.
- OLS (Obstacle Limitation Surface): Bề mặt giới hạn chướng ngại vật.
- PCN (Pavement Classification Number): Chỉ số phân cấp mặt đường.
- POFZ (Precision Obstacle Free Zone): Khu vực không được phép có chướng ngại vật.
- TODA (Take - Off Distance Available): Cự ly cất cánh có thể.
- TORA (Take - Off Run Available): Cự ly chạy đà có thể.
- VOR (Very High Frequency Omnidirectional Radio Range): Đài dẫn đường đa hướng sóng cực ngắn.
- WGS (World Geodetic System): Hệ thống đo đạc toàn cầu.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM

1. HỆ THỐNG GIÁM SÁT AN TOÀN CỤC HKVN

1.1. Giới thiệu khái quát

Cục HKVN là nhà chức trách hàng không của Việt Nam, quốc gia thành viên ICAO, có trách nhiệm xây dựng và vận hành hệ thống giám sát an toàn hàng không phù hợp với các quy định của ICAO tại Tài liệu Doc 9734, Doc 8335 và điều kiện, quy mô phát triển thực tế của ngành hàng không dân dụng Việt Nam.

1.2. Sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Cục HKVN

Cục HKVN thiết lập tổ chức hệ thống giám sát an toàn hàng không phù hợp với quy định của ICAO tại Tài liệu Doc 9734, Doc 9981 và Tài liệu Doc 8335 để thực hiện công tác giám sát an toàn hàng không phù hợp với các quy định của ICAO.

Chức năng và nhiệm vụ của Cục HKVN với vai trò là nhà chức trách hàng không được quy định tại Nghị định 66/2016/NĐ-CP.

Cục HKVN có trách nhiệm tuyển dụng, bổ nhiệm các giám sát viên an toàn hàng không trên các lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, quản lý hoạt động bay, quản lý cảng hàng không sân bay cho hệ thống giám sát an toàn hàng không để đảm bảo thực hiện tốt chức năng giám sát an toàn trên cơ sở đáp ứng các quy định của ICAO. Các giám sát viên an toàn này được cấp thẻ kiểm tra an toàn hàng không và được phép tiếp cận không hạn chế tới các khu vực của sân bay, cơ sở khai thác, đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý bay để thực hiện công tác kiểm tra việc tuân thủ các quy định về an toàn hàng không.

Cục HKVN thiết lập hệ thống giám sát và đảm bảo an toàn hàng không theo nguyên tắc tập trung từ Cục trưởng, Phó Cục trưởng phụ trách an toàn khai thác cảng và hệ thống cơ quan giúp việc về phê chuẩn, giám sát an toàn trên từng lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực quản lý hoạt động bay và quản lý cảng hàng không, sân bay tới các Cảng vụ hàng không có trách nhiệm thực hiện công tác giám sát thường xuyên việc tuân thủ các quy định an toàn hàng không tại các cảng hàng không, sân bay.

1.3. Hệ thống giám sát an toàn

- Phòng Quản lý hoạt động bay: Cơ quan tham mưu cho Cục HKVN chịu trách nhiệm giám sát an toàn về lĩnh vực quản lý hoạt động bay, bao gồm hệ thống

đèn, điện, tĩnh không, chương trình an toàn đường cất hạ cánh, hệ thống cảnh báo xâm nhập khu bay.

- Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay (QLCHKS): Cơ quan tham mưu cho Cục HKVN chịu trách nhiệm giám sát an toàn về lĩnh vực quản lý cảng hàng không, sân bay

- Cảng vụ hàng không: Cảng vụ hàng không là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay theo quy định; thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch được Cục Hàng không Việt Nam giao.

1.4. Các bộ phận cấu thành Chương trình An toàn quốc gia Việt Nam (SSPV)

ASMRC – Hội đồng kiểm soát rủi ro an toàn hàng không (mô tả chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức tại phần 3.5.1 Chương trình An toàn Quốc gia lĩnh vực hàng không dân dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1189/QĐ-BGTVT ngày 7/5/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt Chương trình An toàn Quốc gia lĩnh vực HKDD).

ASICA – Bộ phận thu thập và phân tích dữ liệu an toàn hàng không (mô tả chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức tại phần 1.3.2 Chương trình An toàn Quốc gia lĩnh vực hàng không dân dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1189/QĐ-BGTVT ngày 7/5/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt Chương trình An toàn Quốc gia lĩnh vực HKDD).

ASST – Nhóm tiêu chuẩn hóa an toàn hàng không (mô tả chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức tại phần 1.1.1 Chương trình An toàn Quốc gia lĩnh vực hàng không dân dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1189/QĐ-BGTVT ngày 7/5/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt Chương trình An toàn Quốc gia lĩnh vực HKDD).

2. TRÁCH NHIỆM CỦA CỤC HKVN LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC KIỂM TRA, GIÁM SÁT AN TOÀN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Trách nhiệm của Cục HKVN về an toàn với vai trò là nhà chức trách hàng không được quy định tại Nghị định 66/2015/NĐ-CP gồm:

- Tổ chức, vận hành hệ thống giám sát bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không đáp ứng tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

- Phê duyệt, chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức, vận hành hệ thống quản lý an toàn hàng không, an ninh hàng không của cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không đáp ứng tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

- Tổ chức đánh giá, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không. Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện quản lý chứng ngại vật hàng không theo quy định của pháp luật.

- Bổ nhiệm giám sát viên trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, chất lượng dịch vụ hàng không theo tiêu chuẩn do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

- Ban hành chỉ thị, huấn lệnh để đảm bảo việc tuân thủ các quy định về an toàn hàng không, an ninh hàng không và duy trì hoạt động đồng bộ của dây chuyền vận chuyển hàng không trong các hoạt động sau đây:

- + Khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay;
- + Khai thác cảng hàng không, sân bay;
- + Bảo đảm hoạt động bay;
- + Vận chuyển hàng không;
- + Hoạt động hàng không chung.

- Thực hiện các biện pháp khẩn cấp, bao gồm:

+ Quyết định việc tạm ngừng hoạt động bay tại sân bay trong trường hợp cần thiết vì lý do thiên tai hoặc khẩn nguy sân bay;

+ Đình chỉ hoạt động của người khai thác tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không; đình chỉ chuyến bay; đình chỉ hoạt động của tàu bay, phương tiện, thiết bị chuyên ngành hàng không trong trường hợp uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không;

+ Đình chỉ hoạt động của nhân viên hàng không trong trường hợp vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không hoặc cản trở hoạt động giao thông hàng không;

+ Chỉ đạo các đơn vị ngành hàng không thực hiện các biện pháp khẩn cấp khác để phục vụ quốc phòng, an ninh, khẩn nguy quốc gia.

- Kiểm soát việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay của Cảng vụ hàng không; triển khai quyết định đóng cảng hàng không, sân bay của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Giám sát việc quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng hàng không, bao gồm:

+ Duy trì đủ năng lực, điều kiện quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng hàng không;

+ Thực hiện phương án, quy trình xây dựng, cải tạo, khai thác, bảo trì, ngừng hoặc đưa vào khai thác công trình hàng không;

+ Việc kiểm định kỹ thuật phương tiện, thiết bị chuyên ngành hàng không.

- Giám sát bảo đảm hoạt động bay, bao gồm:

+ Tổ chức và quản lý bảo đảm hoạt động bay;

+ Duy trì đủ năng lực, điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

- Giám sát duy trì đủ năng lực, điều kiện khai thác vận chuyển hàng không, cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không của các đơn vị trong ngành hàng không, bao gồm:

+ Hãng hàng không Việt Nam;

+ Doanh nghiệp cảng hàng không;

+ Doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung;

+ Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

- Tổ chức kiểm tra, khảo sát, đánh giá chất lượng dịch vụ chuyên ngành hàng không. Hướng dẫn, chỉ đạo việc quản lý, tổ chức khai thác, bảo đảm an ninh, an toàn hàng không đối với hoạt động hàng không chung tại sân bay chuyên dùng, bãi cất hạ cánh trên mặt đất, dải cất hạ cánh trên mặt nước, vùng trời cho hoạt động hàng không chung sau khi được Bộ Tổng tham mưu cho phép tổ chức khai thác.

- Giám sát việc duy trì đủ điều kiện cấp, công nhận, phê chuẩn giấy phép, giấy chứng nhận, năng định, tài liệu khai thác chuyên ngành hàng không dân dụng.

- Cấp, phê chuẩn, công nhận, gia hạn, thu hồi hoặc đình chỉ hiệu lực của giấy phép, giấy chứng nhận, năng định liên quan đến: Khai thác cảng hàng không, sân bay; Bảo đảm hoạt động bay; An ninh hàng không; Nhân viên hàng không; Lĩnh vực khác theo quy định của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

- Phê chuẩn các tài liệu chuyên ngành hàng không, bao gồm:

+ Tài liệu hướng dẫn khai thác, chương trình bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không; phương án, quy trình xây dựng, cải tạo, bảo trì, ngừng hoặc đưa vào khai thác công trình hàng không;

+ Phương án khai thác, phương thức bay hoạt động hàng không chung;

+ Tài liệu khác theo quy định của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

- Ban hành hoặc công nhận áp dụng quy trình, tiêu chuẩn cơ sở chuyên ngành hàng không dân dụng phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu, tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

- Hướng dẫn việc thực hiện quy định, nghị quyết, tiêu chuẩn, khuyến cáo thực hành của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

- Công bố sự khác biệt về hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng của Việt Nam theo quy định của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

- Ban hành danh mục sân bay dự bị phục vụ cho hoạt động bay dân dụng theo quy định.

- Ban hành quy trình làm thủ tục đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, thư tại cảng hàng không, sân bay theo quy định.

- Công bố, phát hành trong nước và quốc tế các ấn phẩm, tài liệu, thông tin liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng, bao gồm:

+ Tập thông báo tin tức hàng không (AIP);

+ Phát hành bản tin quốc tế về hàng không (NOTAM);

+ Thông tri hàng không (AIC).

- Tiếp nhận, xử lý, trao đổi và cung cấp các thông tin, tài liệu cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hàng không dân dụng.

3. TRÁCH NHIỆM CỦA CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC KIỂM TRA, GIÁM SÁT AN TOÀN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Cảng vụ hàng không là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm thực hiện công tác giám sát thường xuyên việc tuân thủ các quy định an toàn hàng không tại các cảng hàng không, sân bay được quy định của Luật HKDD, Nghị định 102/2015/NĐ-CP, Thông tư 17/2016/TT-BGTVT. Liên quan đến hoạt động kiểm tra, giám sát an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về:

+ Việc thực hiện quy hoạch và kế hoạch phát triển CHK, SB;

+ Tiêu chuẩn an toàn hàng không, an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay và trong khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay;

- + Trật tự công cộng, bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay;
- + Khai thác vận chuyển hàng không tại cảng hàng không, sân bay;
- + Khai thác cảng hàng không, sân bay, trang bị, thiết bị kỹ thuật cảng hàng không, sân bay;
- + Cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay tại cảng hàng không, sân bay;
- + Sử dụng đất cảng hàng không, sân bay.

- Phối hợp với doanh nghiệp cảng hàng không thực hiện phương án khẩn nguy, cứu nạn, xử lý sự cố và tai nạn tàu bay xảy ra trong khu vực cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.

- Quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay.

- Đình chỉ việc xây dựng, cải tạo công trình, lắp đặt trang bị, thiết bị, trồng cây trong khu vực cảng hàng không, sân bay; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc xây dựng, cải tạo công trình, lắp đặt trang bị, thiết bị, trồng cây trong khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay vi phạm quy hoạch cảng hàng không, sân bay, quy định về quản lý chương ngại vật, gây uy hiếp an toàn cho hoạt động bay tại cảng hàng không, sân bay.

- Xử lý hành vi vi phạm pháp luật theo thẩm quyền.

- Chuyển giao hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết vụ việc phát sinh tại cảng hàng không, sân bay.

- Đình chỉ thực hiện chuyến bay; yêu cầu tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay; khám xét, tạm giữ tàu bay; thực hiện lệnh bắt giữ tàu bay; đình chỉ hoạt động của thành viên tổ bay không đáp ứng yêu cầu về an toàn hàng không, an ninh hàng không.

4. TRÁCH NHIỆM CỦA PHÒNG QLCHKS - CỤC HKVN

- Là Phòng đầu mối trực thuộc Cục HKVN triển khai các nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay trên toàn hệ thống mạng CHKS toàn quốc.

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát an toàn khai thác tại các cảng hàng không, sân bay theo các điều kiện đã cấp GCN khai thác CHKS và tiêu chuẩn khai thác hiện hành với tần suất tối thiểu 02 năm/lần với CHK quốc tế và 03 năm/lần với CHK nội địa, hoặc đột xuất theo chỉ đạo của Lãnh đạo Cục HKVN.

- Trưởng phòng QLCHKS là người chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục

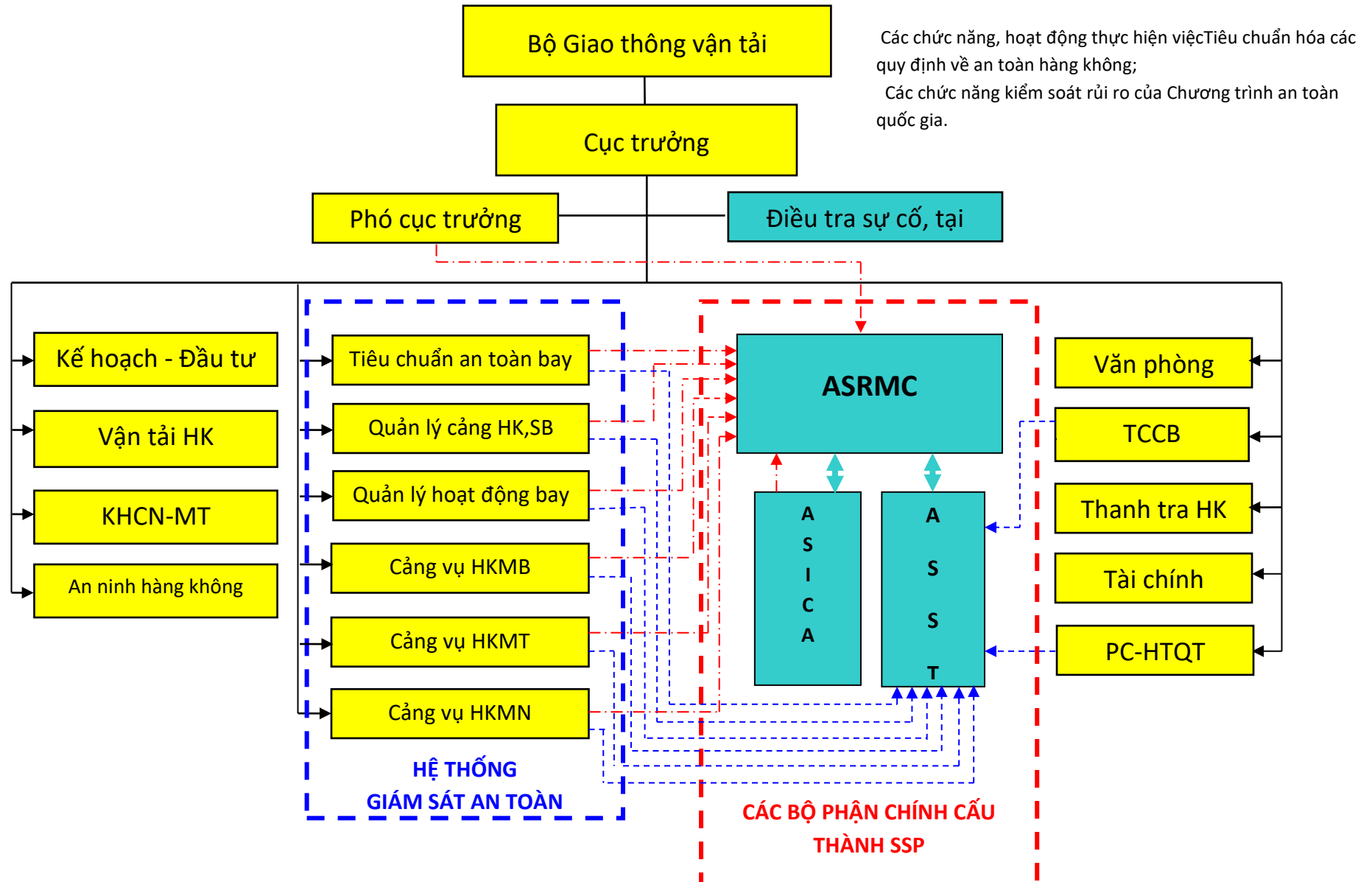


**SỔ TAY HƯỚNG DẪN
GIÁM SÁT AN TOÀN KHAI THÁC
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

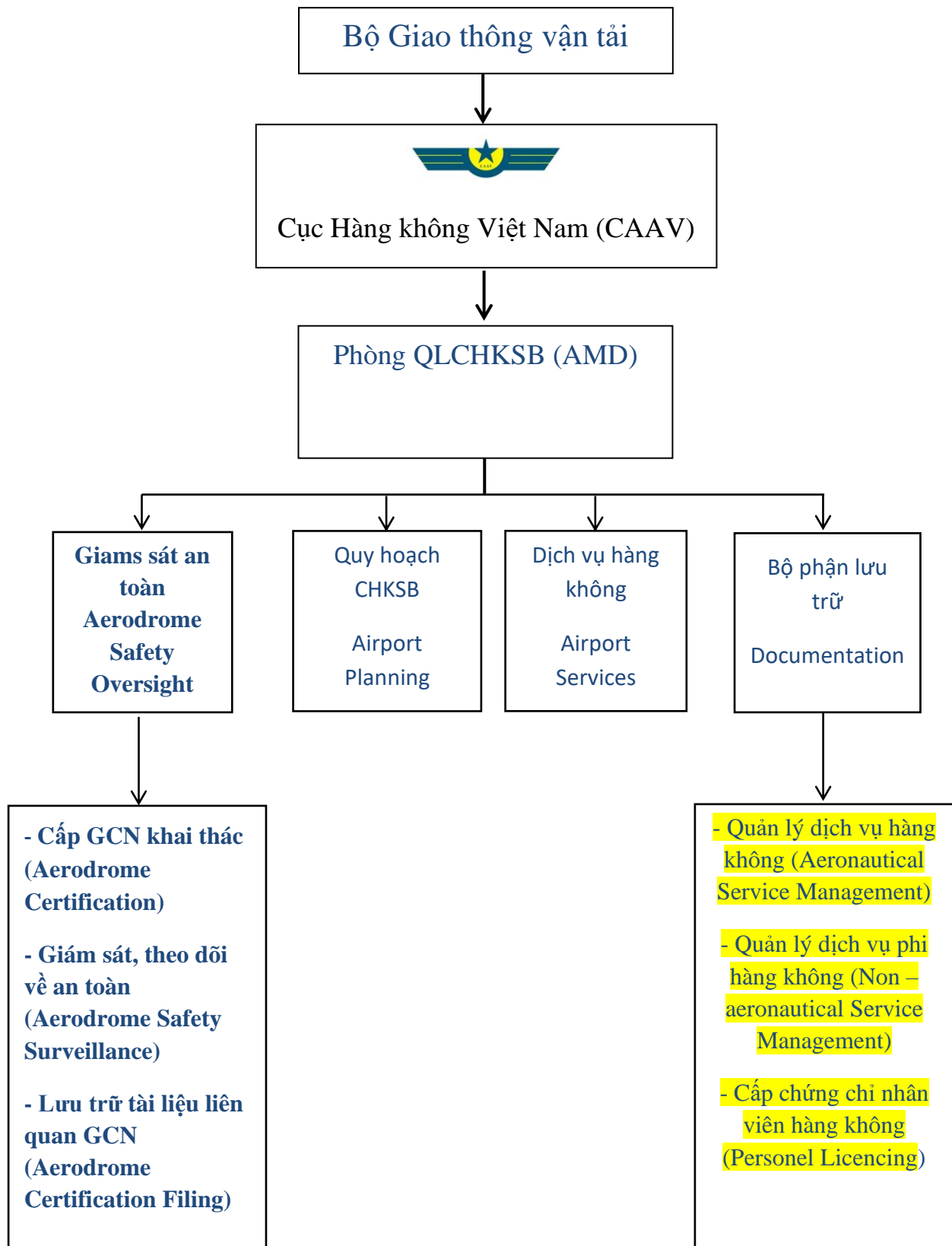
Ký hiệu: AC001
Lần ban hành: 02
Ngày hiệu lực:

HKVN về kết quả cấp GCN khai thác cảng hàng không, sân bay; thống kê, báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của các giám sát viên an toàn khai thác cảng HKSB trực thuộc Cục HKVN.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỆ THỐNG GIÁM SÁT AN TOÀN CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM



SƠ ĐỒ THỐNG GIÁM SÁT AN TOÀN CỦA PHÒNG QLCHKSQB



5. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN

- Duy trì các điều kiện hoạt động, khai thác tại cảng hàng không, sân bay theo quy định; thực hiện hệ thống kiểm tra giám sát nội bộ để đảm bảo an toàn khai thác, chất lượng cung cấp dịch vụ;

- Tuân thủ các yêu cầu, quy định về công tác an toàn tại cảng hàng không, sân bay và các hướng dẫn cụ thể của Cục HKVN liên quan đến hoạt động của mình;

- Tuân thủ các yêu cầu, quy định về bảo đảm an ninh hàng không;

- Tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành;

- Lập và lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động của mình theo quy định và các hướng dẫn cụ thể của Cục HKVN;

- Cung cấp giấy tờ, tài liệu, hồ sơ theo yêu cầu của người có thẩm quyền;

- Lưu trữ Giấy chứng nhận được cấp cho tổ chức tại trụ sở chính, giấy phép (nếu có), kết quả kiểm tra nội bộ cùng hồ sơ kèm theo;

- Bố trí phòng họp và phương tiện, thiết bị văn phòng phục vụ việc kiểm tra của đoàn kiểm tra của Cục HKVN.

6. GIÁM SÁT VIÊN AN TOÀN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

6.1. *Bổ nhiệm giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay*

a) Tiêu chuẩn giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay: Thực hiện theo quy định tại Điều 34 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT, cụ thể:

- Tốt nghiệp đại học thuộc chuyên ngành kỹ thuật, xây dựng hoặc pháp luật;

- Có tối thiểu 5 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Có khả năng thành thạo tiếng Anh theo quy định (khả năng đọc, hiểu, nói và nghe);

- Có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện về pháp luật hàng không dân dụng, tiêu chuẩn khai thác cảng hàng không, sân bay, công tác giám sát an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay do Cục HKVN hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện cấp.

b) Cục HKVN bổ nhiệm các giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay là cán bộ, chuyên viên của Cục HKVN và Cảng vụ hàng không đáp ứng các điều kiện tại khoản a mục này để thực hiện chức năng giám sát, bảo đảm an toàn tại cảng hàng không, sân bay. Các giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay phải được Cục HKVN cấp thẻ giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay để thực hiện nhiệm vụ của mình.

c) Thẻ giám sát viên có giá trị trong thời hạn 05 năm.

6.2. Quyền hạn của giám sát viên an toàn khai thác CHKSB

a) Tiến hành giám sát, kiểm định, kiểm tra, giám định, điều tra, kiểm chứng đối với các hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay;

b) Tiếp cận vào bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ khu vực nào có hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay, hoạt động cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát;

c) Yêu cầu bất kỳ người nào đưa ra các tài liệu hoặc vật chứng có liên quan đến sự cố mất an toàn hàng không hoặc phục vụ điều tra vụ việc vi phạm;

d) Kiểm tra và sao chép các giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, nhật ký kỹ thuật, tài liệu hoặc hồ sơ liên quan đến việc quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

đ) Đình chỉ việc cung cấp dịch vụ, hoạt động của nhân viên hàng không tại cảng hàng không, sân bay nhằm phòng ngừa, ngăn chặn khả năng uy hiếp an toàn hàng không, gây cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay, phục vụ điều tra sự cố; lập biên bản về vụ việc, sự cố xảy ra đồng thời báo cáo ngay cho Cục HKVN.

6.3. Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay khi thực hiện nhiệm vụ phải đeo thẻ giám sát viên và phải chịu trách nhiệm về hoạt động của mình

Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay thực hiện quy trình kiểm tra, giám sát, thống kê, báo cáo, cập nhật vào hệ thống theo dõi theo các quy định của tài liệu này.

6.4. Giám sát viên an toàn khai thác CHKSB được quyền bảo lưu kết quả kiểm tra, đánh giá của mình trong trường hợp sau khi trao đổi, họp đoàn kiểm tra nhưng chưa đạt được sự thống nhất. Nội dung bảo lưu kết quả đánh giá của giám sát viên an toàn khai thác CHKSB phải được ghi nhận cụ thể trong báo cáo của đoàn kiểm

tra.

6.5. Nếu một giám sát viên an toàn khai thác CHKSB hoặc nhóm giám sát viên an toàn khai thác CHKSB có lý do để tin rằng họ đang chịu bất kỳ áp lực nào để đánh giá không chính xác hoặc được yêu cầu thực hiện bất kỳ hành động nào trái với các thủ tục được nêu trong tài liệu này, giám sát viên hoặc nhóm giám sát viên báo cáo trưởng đoàn để giải quyết; trường hợp cần thiết báo cáo bằng văn bản cho người đứng đầu CAAV.

6.6. Giám sát viên an toàn khai thác CHKSB được phép sử dụng các công cụ hỗ trợ (toolkit), sử dụng các thiết bị quay phim, chụp ảnh, ghi âm hoặc các thiết bị chuyên dụng khác để thực hiện nhiệm vụ được giao.

6.7. Giám sát viên an toàn khai thác CHKSB có thể phản hồi các nội dung, góp ý theo ý kiến của giám sát viên về toàn bộ quy trình, quá trình, checklist... trong tài liệu này về Phòng QLCHKSB để hoàn thiện các quy định trong tài liệu này, đảm bảo vừa phù hợp với quy định của pháp luật và vừa phù hợp với thực tế.

CHƯƠNG III

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

1. NGUYÊN TẮC CHUNG

Kiểm tra an toàn cảng hàng không, sân bay được thực hiện bởi lực lượng giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay của Cục HKVN, Cảng vụ Hàng không để đánh giá mức độ an toàn thực tế các hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay; đánh giá hệ thống quản lý an toàn cảng hàng không, sân bay; đánh giá việc tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình khai thác và chất lượng cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay đối với các tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận, duy trì điều kiện khai thác, duy trì chất lượng dịch vụ.

2. SƠ ĐỒ TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA

Bước 1: Xem xét sự đầy đủ của hồ sơ (áp dụng đối với các hồ sơ có thủ tục hành chính)

Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định về thủ tục hành chính, cơ quan tiếp nhận hồ sơ xem xét sự đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có văn bản gửi trả lại cơ quan, đơn vị đề nghị bổ sung hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chuyển sang bước 2.

Bước 2: Tiến hành kiểm tra, đánh giá, theo dõi kế hoạch khắc phục các khuyến cáo nếu có trong kết luận kiểm tra, đánh giá

1. Chuẩn bị kiểm tra:

- Thành lập đoàn kiểm tra;
- Xem xét hồ sơ, tài liệu;
- Lập danh mục kiểm tra;
- Chuẩn bị lịch trình kiểm tra;
- Thông báo kế hoạch kiểm tra đến các đơn vị được kiểm tra.



2. Thực hiện các hành động tại đơn vị kiểm tra

- Họp khai mạc;
- Thu thập thông tin;
- Tìm ra các tồn tại, thiếu sót;
- Phân tích các tồn tại, thiếu sót;
- Lập hồ sơ về những tồn tại, thiếu sót;
- Họp kết thúc.



3. Chuẩn bị và gửi báo cáo kiểm tra.

- Chuẩn bị báo cáo;
- Gửi báo cáo.



4. Hoàn thành cuộc kiểm tra

- Lưu giữ hồ sơ kiểm tra.



5. Kế hoạch và hành động khắc phục (nếu có tồn tại, thiếu sót)



6. Xem xét lại sau cuộc kiểm tra

- Kiểm tra và giám sát hành động khắc phục (nếu có tồn tại, thiếu sót cần có hoạt động khắc phục) hoặc đánh giá định kỳ, thường xuyên theo kế hoạch của Cục HKVN

3. KẾ HOẠCH, CHẾ ĐỘ VÀ TẦN SUẤT KIỂM TRA AN TOÀN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

3.1. Kế hoạch kiểm tra: Hàng năm, Cục HKVN, Cảng vụ Hàng không lập kế hoạch kiểm tra an toàn khai thác tất cả các cảng hàng không, sân bay. Việc lựa chọn cảng hàng không, sân bay để thực hiện công tác kiểm tra an toàn khai thác sẽ theo quyết định của lãnh đạo Cục HKVN, lãnh đạo Cảng vụ Hàng không.

3.2. Chế độ kiểm tra: Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất, kiểm tra không báo trước.

3.3. Tần suất kiểm tra:

- Đối với việc kiểm tra định kỳ: Mỗi một cảng hàng không, sân bay phải được kiểm tra về công tác an toàn khai thác tối thiểu là 02 lần/năm đối với CHKQT và 03 năm/lần đối với CHK nội địa (trừ sân bay chuyên dùng)

- Đối với việc kiểm tra đột xuất:

+ Trong những tình huống nhất định, hoặc sau khi xảy ra các sự cố, tai nạn, Cục HKVN, Cảng vụ Hàng không có thể tiến hành kiểm tra đột xuất các cảng hàng không về công tác an toàn khai thác tại các cảng hàng không, sân bay.

+ Theo đề nghị của người khai thác cảng hàng không, sân bay hay tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

+ Theo đề nghị của người khai thác công trình liên quan đến việc đưa vào khai thác, ngừng khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

- Đối với việc kiểm tra không thông báo trước: Vì lý do đảm bảo an toàn Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không (theo yêu cầu của Cục HKVN hoặc Cảng vụ hàng không) có thể tiến hành kiểm tra công tác an toàn tại cảng hàng không mà không cần báo trước cho đối tượng được kiểm tra.

3.4. Thông báo kế hoạch kiểm tra:

- Đối với chế độ kiểm tra định kỳ và đột xuất phải thông báo trước 3 ngày làm việc cho đối tượng được kiểm tra biết về: Thời gian, thành phần đoàn kiểm tra, nội dung và phạm vi kiểm tra.

- Đối với chế độ kiểm tra không thông báo trước: Không thông báo trước cho

đơn vị được kiểm tra, tuy nhiên khi tiến hành kiểm tra, giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay phải thông báo về nội dung, phạm vi kiểm tra và nêu rõ lý do cho đối tượng được kiểm tra biết và đưa kế hoạch kiểm tra đột xuất được Lãnh đạo Cục HKVN hoặc Cảng vụ hàng không phê duyệt.

3.5. Cách thức kiểm tra:

Tùy thuộc vào chế độ kiểm tra, mục đích, nội dung và phạm vi kiểm tra có thể tiến hành trình tự theo các bước (hoặc có thể lược bỏ một số bước) được trình bày trong Chương IV.

4. GIÁM SÁT AN TOÀN KHAI THÁC TẠI SÂN BAY

4.1. Giám sát an toàn hàng không theo nghĩa rộng có nghĩa là tổng phạm vi hoạt động do Cục HKVN thực hiện để đánh giá rằng các hoạt động của sân bay được tiến hành đến mức an toàn nhất có thể. Giám sát an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay theo Giấy chứng nhận là thành phần trong hệ thống giám sát an toàn hàng không.

4.2. Đầu mối của hệ thống giám sát an toàn hàng không lĩnh vực an toàn khai thác sân bay là Phòng QLCHKSB theo chức năng nhiệm vụ được Cục trưởng giao.

4.3. Trong hướng dẫn này, hoạt động giám sát an toàn được giới hạn trong các quy trình kiểm tra và đánh giá vì chúng có thể được áp dụng cho hoạt động chứng nhận và giám sát của giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay.

5. KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ AN TOÀN (INSPECTION AND AUDIT)

5.1. Có sự khác biệt giữa mục tiêu và đối tượng giữa kiểm tra và kiểm tra đánh giá.

5.2. Kiểm tra (Inspection) là việc thực hiện so sánh có hệ thống và độc lập về cách thức mà một sân bay tiêu chuẩn đang được thực hiện. Căn cứ vào quy định, tiêu chuẩn khai thác, người kiểm tra tiến hành quan sát hoạt động, hành động, cơ sở, thiết bị hoặc tài liệu cụ thể để xác minh liệu các quy trình và yêu cầu được thiết lập và tuân thủ hay không?, các tiêu chuẩn áp dụng có được đáp ứng không? so sánh kết quả thực hiện của tổ chức, cá nhân có liên quan với các quy định, tiêu chuẩn khai thác không? từ đó xác định kết quả thực hiện đó có đảm bảo, đáp ứng được so với quy định, tiêu chuẩn khai thác hay không.

5.3. Kiểm tra đánh giá (Audit) được thực hiện toàn diện hơn, tập trung vào các vấn đề hệ thống, phức tạp hơn và tốn thời gian hơn kiểm tra. Kiểm tra đánh giá tập trung vào việc xác định mối liên hệ giữa quy định hiện hành và người tổ chức thực

hiện các quy định đó, từ đó đưa ra các câu hỏi như: làm như thế nào (how), tại sao (why), ai là người có trách nhiệm tổ chức, thực hiện (who), đôi khi bao gồm cả các câu hỏi What.

5.4. Kiểm tra và kiểm tra giám sát an toàn hàng không được thực hiện bởi nhân viên của Cục HKVN, Cảng vụ hàng không và giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay. Những nhân viên này trải qua quá trình đào tạo và được Cục HKVN chứng nhận, phê chuẩn làm giám sát viên an toàn khai thác sân bay.

CHƯƠNG IV

QUY TRÌNH TỔ CHỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỀ CẤP/CẤP LẠI/SỬA ĐỔI/THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY (TRỪ CÁC SÂN BAY CHUYÊN DÙNG)

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Mục đích

- Nội dung của Chương này quy định, hướng dẫn các nội dung liên quan đến quy trình trình đề nghị, thẩm định, phê duyệt việc cấp, cấp lại, sửa đổi, thu hồi Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay; kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất nhằm xác định cảng hàng không, sân bay duy trì điều kiện của Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Quy định này:

+ Xác định các quy trình và thủ tục mà nhân viên, giám sát viên an toàn khai thác cảng của CAAV phải tuân thủ khi xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

+ Xác định rõ ràng trách nhiệm, nhiệm vụ của nhân viên CAAV, giám sát viên an toàn khai thác cảng của CAAV.

- Việc tuân thủ các tiêu chuẩn và thủ tục tại tài liệu này nhằm đảm bảo rằng:

+ Việc cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay được xử lý thống nhất, hiệu quả.

+ Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay và nhân viên của CAAV thực hiện đúng quy trình, thủ tục, không tự thực hiện theo kinh nghiệm hay bảng biểu mẫu được lập riêng cho từng đợt kiểm tra, giám sát, cấp giấy chứng nhận.

1.2. Tổ chức hệ thống cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay của Cục HKVN

- Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay là cơ quan chức năng trực thuộc Cục HKVN được giao tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

- Trên cơ sở đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay của đơn vị và theo đề xuất của Phòng Quản lý cảng HKSB, Cục trưởng Cục HKVN

thành lập một Tổ kiểm tra, đánh giá an toàn khai thác cảng - AAT.

- Tổ AAT bao gồm:

+ Tổ trưởng: Lãnh đạo Phòng QLCHKSB - AMD (là giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay).

+ Thành viên của Tổ AAT bao gồm các giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay; đại diện các chuyên gia từ Phòng Quản lý hoạt động bay hoặc bất kỳ bộ phận khác trực thuộc Cục HKVN, Cảng vụ hàng không.

- AAT có trách nhiệm thực hiện các quy trình cấp giấy chứng nhận theo quy định. AAT chịu trách nhiệm về tất cả các cuộc kiểm tra liên quan đến cấp, cấp lại, sửa đổi, thu hồi giấy chứng nhận; kiểm tra đánh giá định kỳ, đột xuất xác nhận của tình trạng khai thác của sân bay.

- Theo nhiệm vụ được Lãnh đạo Cục HKVN giao cho Phòng QLCHKSB, Lãnh đạo Phòng QLCHKSB giao tổ trưởng AAT triển khai, xử lý theo quy trình và phân công cho 01 giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay tiếp nhận hồ sơ, triển khai các công việc liên quan đến cấp Giấy chứng nhận và liên hệ các bộ phận hỗ trợ.

- Tất cả tài liệu liên quan đến quy trình cấp giấy chứng nhận sân bay hoặc kiểm tra, đánh giá sẽ được AAT lưu giữ trong quá trình này theo quy định chung của Phòng QLCHKSB.

- AAT có trách nhiệm cập nhật vào Sổ đăng bạ, hồ sơ lưu trữ cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay của Phòng QLCHKSB.

- Phòng QLCHKSB có trách nhiệm theo dõi chung việc duy trì điều kiện khai thác theo giấy chứng nhận, kế hoạch và kết quả khắc phục các khuyến cáo, yêu cầu của Cục HKVN trong danh mục không đáp ứng hoặc theo kết quả kiểm tra, đánh giá về an toàn của Cục HKVN liên quan lĩnh vực quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

1.3. Sơ đồ thành phần và chức năng của Tổ kiểm tra, đánh giá an toàn khai thác cảng – AAT

Sơ đồ Tổ kiểm tra, đánh giá an toàn khai thác cảng – AAT được thể hiện chi tiết tại mục 4 Chương II.

2. QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY LẦN ĐẦU

2.1. Trình hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

Tổ chức có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận:

- Nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 39 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT.

- Nộp phí theo quy định khi nhận được thông báo thu phí từ CAA.

2.2. Quy trình cấp mới Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

Quy trình kiểm tra hệ thống an toàn về cơ bản bao gồm các bước như sau:

2.2.1. Công tác chuẩn bị cho cuộc kiểm tra

- Thành lập Tổ AAT
- Xem xét hồ sơ, tài liệu;
- Lập danh mục kiểm tra;
- Chuẩn bị lịch trình kiểm tra;
- Thông báo kế hoạch kiểm tra cho các đơn vị được kiểm tra.

2.2.1.1. Thành lập Đoàn kiểm tra:

a) Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, Phòng Quản lý cảng HKSB trình Lãnh đạo Cục xem xét, thành lập tổ AAT theo quy định của “Phần 1 – Quy định chung” trong Chương này.

b) Trách nhiệm của các thành viên Tổ AAT:

- Tuân thủ các quy định, quy trình kiểm tra;
- Đưa ra các yêu cầu kiểm tra (nếu cần thiết);
- Lập kế hoạch và chuẩn bị cho cuộc kiểm tra;
- Thực hiện việc kiểm tra;
- Đối chiếu tài liệu trong khi kiểm tra;
- Báo cáo kết quả kiểm tra;
- Ghi chép những vấn đề phát hiện thấy vào cơ sở dữ liệu kiểm tra của các tổ

chức hoạt động được kiểm tra tại cảng hàng không, sân bay;

- Đảm bảo các hành động khắc phục và phòng ngừa được theo dõi đến khi hoàn thành;

- Bảo quản tất cả các tài liệu liên quan đến cuộc kiểm tra;

- Duy trì độ tin cậy, xử lý các thông tin mật thận trọng.

c) Trách nhiệm của Tổ trưởng: Ngoài trách nhiệm trên, Tổ trưởng còn phải có trách nhiệm sau:

- Phân công trách nhiệm cho thành viên trong đoàn;

- Chuẩn bị thời gian biểu của tổ AAT;

- Giải quyết tất cả các vấn đề liên quan đến chương trình và hướng dẫn trước cuộc kiểm tra;

- Tiến hành khai mạc cuộc kiểm tra (nếu có);

- Chỉ đạo và hỗ trợ đoàn kiểm tra trong suốt quá trình kiểm tra;

- Đưa ra và giải quyết các vấn đề với lãnh đạo các đơn vị trong suốt quá trình kiểm tra;

- Đảm bảo rằng các vấn đề được phát hiện phải có đầy đủ căn cứ và phải được ghi nhận;

- Dự thảo báo cáo kiểm tra;

- Tiến hành cuộc họp kết thúc đợt kiểm tra;

- Đưa ra các vấn đề phát hiện được, nhận dạng các yếu tố liên quan, nêu các hành động cần khắc phục và ngăn ngừa.

d) Tổ trưởng AAT chỉ định một GSV để thụ lý hồ sơ đề nghị của tổ chức (Tổ trưởng AAT có thể tự thực hiện khi được yêu cầu).

đ) GSV xác định phí và làm thông báo thu cho người đề nghị.

e) GSV gửi hồ sơ cho các GSV khác và nhân viên khác của CAA đề nghị cứu.

g) GSV báo cáo kế hoạch thẩm định hồ sơ tài liệu và kế hoạch kiểm tra thực tế lên tổ trưởng AAT, kế hoạch bao gồm cả việc đề xuất các chuyên gia, nhân viên khác của CAA tham gia nếu có.

h) Phòng QLCHKSB báo cáo Lãnh đạo Cục phê chuẩn kế hoạch của AAT.

2.2.1.2. Xem xét hồ sơ, tài liệu:

a) AAT tổ chức thẩm định hồ sơ.

b) Tùy thuộc vào phạm vi hoạt động của các tổ chức được cấp Giấy chứng nhận khai thác hoặc cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay mà yêu cầu các tổ chức đó cung cấp những tài liệu cần thiết để xem xét. Thông thường, các tài liệu dưới đây cần được xem xét trước khi mỗi cuộc kiểm tra được tiến hành:

- Tài liệu chứng minh về bộ máy tổ chức, đội ngũ nhân viên được cấp chứng chỉ phù hợp, đáp ứng yêu cầu chuyên môn, khai thác tại cảng hàng không, sân bay;

- Các quy trình khai thác, các quy trình tác nghiệp liên quan đến đối tượng kiểm tra; Hệ thống quản lý an toàn; Kế hoạch khẩn nguy cảng hàng không, sân bay (đối với cảng hàng không, sân bay),

- Các quy định, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đối tượng kiểm tra;

- Sơ đồ vị trí, các mô tả về phạm vi và lĩnh vực hoạt động của tổ chức được kiểm tra;

- Sổ theo dõi đối với các phương tiện và thiết bị;

- Các báo cáo của các lần kiểm tra trước đây;

- Các thông tin có trong bảng câu hỏi trước khi kiểm tra (nếu có).

c) Mục đích của việc xem xét này là để xác định tình trạng của các hồ sơ, tài liệu của đơn vị được kiểm tra và để xác định phạm vi chính cần được xem xét và phân tích khi triển khai kiểm tra thực tế. Cần có sự quan tâm đặc biệt đối với các hạng mục không phù hợp được phát hiện. Việc xem xét này cũng sẽ hỗ trợ để lập các danh mục kiểm tra.

d) Bảng câu hỏi trước khi kiểm tra để cung cấp các thông tin hữu ích về đối tượng được kiểm tra. Bảng câu hỏi này sẽ được lập và chuyển đến cho các tổ chức được kiểm tra để họ chuẩn bị tài liệu và giải trình trước các nội dung mà đoàn kiểm tra yêu cầu hoặc sẽ kiểm tra.

2.2.1.3. Chuẩn bị danh mục kiểm tra thực tế

a) Trường hợp thẩm định hồ sơ đạt yêu cầu, GSV chuẩn bị danh mục kiểm tra

thực tế.

b) Mục đích của danh mục kiểm tra là giúp thành viên kiểm tra không bỏ sót các khoản mục kiểm tra; giúp thành viên kiểm tra tiến hành theo trình tự logic của công việc; yêu cầu thành viên kiểm tra phải tìm hiểu và chuẩn bị kỹ nội dung kiểm tra; được sử dụng để ghi lại các nhận xét; được sử dụng để quản lý thời gian; là một trong những tài liệu hồ sơ kiểm tra.

c) Danh mục kiểm tra cung cấp một hệ khung cho việc kiểm tra từ đó cho phép tiến hành kiểm tra một cách tiêu chuẩn và phù hợp. Tiêu chuẩn hóa việc tiến hành kiểm tra nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng, đáng tin cậy. Ngoài ra, điều này cũng mang đến một mức độ rõ ràng cho tất cả các tổ chức được kiểm tra.

d) Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo các thành viên của đoàn kiểm tra lập và thông qua danh mục kiểm tra và phân phối đến các thành viên của đoàn trước cuộc kiểm tra. Danh mục kiểm tra mẫu được xây dựng tổng thể hoặc cho từng lĩnh vực của cảng hàng không, sân bay và được đính kèm tại Phụ lục C trong tài liệu này. Tuy nhiên do quy mô, đặc điểm và điều kiện khai thác của các cảng hàng không, sân bay có thể có sự khác biệt, vì vậy trước khi kiểm tra các hạng mục của cảng hàng không nào đó cần phải lập danh mục kiểm tra cụ thể đối với từng hạng mục của cảng hàng không đó.

2.2.1.4. Chuẩn bị lịch trình kiểm tra

a) Tổ trưởng AAT báo cáo Trưởng phòng QLCHKSB thống nhất kế hoạch kiểm tra thực tế và Phòng QLCHKSB báo cáo Lãnh đạo Cục phê chuẩn kế hoạch kiểm tra thực tế cho AAT.

b) Khi xây dựng lịch trình kiểm tra, AAT cần phải xem xét các yếu tố sau:

- Các khu vực/các hoạt động/các đơn vị được kiểm tra;

- Xác định các đối tượng cần được phỏng vấn;

- Xác định các yêu cầu của cuộc kiểm tra, bao gồm: Hội họp, phỏng vấn, xem xét hồ sơ tài liệu, kiểm tra thực tế tại cơ sở, quan sát các thao tác đối với các nhân viên khi đang thực hiện nhiệm vụ, thảo luận với nhân viên vận hành;

- Ước lượng thời gian cần thiết để hoàn thành các hoạt động được dự kiến trước.

- Lên kế hoạch họp tuyên bố và kết thúc;

- Dự phòng thời gian cho việc xem xét các hồ sơ, tài liệu không nhận được trước

cuộc kiểm tra;

- Dự phòng thời gian cho việc chậm trễ và các tình huống xảy ra ngoài dự kiến.

2.2.1.5. Thông báo kế hoạch kiểm tra: Trước ngày thực hiện kiểm tra, GSV thông báo cho tổ chức được kiểm tra về thời gian, địa điểm, nội dung và phạm vi của cuộc kiểm tra theo kế hoạch đã được Lãnh đạo Cục HKVN phê duyệt.

2.2.2. Thực hiện kiểm tra thực tế tại cảng hàng không, sân bay

2.2.2.1. Mục đích

- Mục đích của giai đoạn tiến hành kiểm tra là để thu thập thông tin, sau đó so sánh và đánh giá sự phù hợp của các thông tin thu thập được với các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến việc quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và các thông tin chứa trong các hồ sơ, tài liệu của đối tượng được kiểm tra. Cụ thể bao gồm:

a) Kiểm tra các thông số kỹ thuật của cơ sở hạ tầng và thiết bị của sân bay, liên quan đến các yêu cầu kỹ thuật và quy trình hoạt động, khai thác.

b) Rà soát lại tài liệu khai thác sân bay và các tài liệu liên quan khác; đánh giá, chấp nhận các nội dung trong tài liệu.

c) Xác minh các quy trình khai thác, bộ máy tổ chức và tiêu chuẩn người đứng đầu các bộ phận của người đề nghị cấp giấy chứng nhận, SMS dựa trên tài liệu khai thác sân bay.

2.2.2.2. Các thông tin có thể thu thập bằng cách:

a) Quan sát;

b) Xem xét tài liệu;

c) Phỏng vấn chính thức và không chính thức.

2.2.2.3. Họp khai mạc

Hoạt động đầu tiên khi bắt đầu kiểm tra là việc tiến hành cuộc họp khai mạc. Mục đích của cuộc họp là để:

a) Thiết lập sự trao đổi giữa AAT và đại diện của tổ chức được kiểm tra;

b) Đảm bảo việc hiểu tường tận đối với mục đích của cuộc kiểm tra;

c) Giải thích việc kiểm tra sẽ được tiến hành như thế nào;

- d) Thảo luận với tổ chức được kiểm tra về những yêu cầu của AAT;
- đ) Làm rõ và xác nhận lại về lịch trình kiểm tra;
- e) Giải quyết các vấn đề quan tâm khác.

2.2.2.4. Xác định bằng chứng của sự phù hợp của các quy trình khai thác với tài liệu khai thác sân bay và các quy định đảm bảo an ninh, an toàn khác theo quy định của pháp luật

a) GSV có thể xác định các bằng chứng để đánh giá sự phù hợp thông qua việc quan sát. Việc quan sát hoạt động của các thiết bị, các hành động và các quy trình khai thác hình thành nên nguồn chứng cứ chính. Các chứng cứ này là cần thiết để xác định việc hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay có tuân thủ hoặc không tuân thủ các quy định, quy trình và tiêu chuẩn đã được phê duyệt.

b) Ngoài các bằng chứng trên, AAT cần phải thu thập thêm các chứng cứ từ việc đánh giá từng quy trình, trang thiết bị, cơ sở vật chất thông qua việc quan sát và thảo luận để xác định việc tuân thủ đối với các yêu cầu, các quy định, các tiêu chuẩn đã được phê duyệt (nếu cần thiết).

c) Nếu thấy có sự không phù hợp thì đưa ra các cơ sở, các lập luận để chứng minh sự không phù hợp đó và lập hồ sơ về sự không phù hợp đó (gồm các chú thích trong danh mục kiểm tra, các hình ảnh minh họa...).

d) Khi tiến hành quan sát quá trình làm việc của những người đang thực thi công việc tại đơn vị được kiểm tra phải đảm bảo không làm ảnh hưởng tới hoạt động của họ, không làm bất cứ điều gì phá vỡ tiến trình công việc, hoặc lôi kéo sự tập trung của nhân viên ra khỏi nhiệm vụ chính của họ.

đ) Ở những nơi thích hợp, có thể xem các quy trình kỹ thuật đang được thực hiện và quan sát các thực hành công việc có liên quan. Xem xét các trang thiết bị và phương tiện được sử dụng, các hướng dẫn công việc được cung cấp và môi trường làm việc.

e) Nhận biết các nội dung theo danh mục không đáp ứng trong tài liệu khai thác sân bay. Nhận biết sự không phù hợp khác nếu có, thảo luận về sự không phù hợp này với đại diện của đơn vị và tổ AAT để bổ sung vào danh mục không đáp ứng.

g) GSV phải thực hiện kiểm tra theo đúng danh mục kiểm tra đã được lập, lưu giữ các thông tin quan sát được.

2.2.2.5. Phỏng vấn

a) Một nhân tố quan trọng khác của cuộc kiểm tra là việc phỏng vấn các nhân sự được lựa chọn từ các tổ chức hoạt động tại cảng hàng không. Vị trí và chức danh công việc của người được phỏng vấn sẽ xác định loại hình và phạm vi của các câu hỏi được đặt ra đối với người được phỏng vấn. Tốt nhất là phỏng vấn các đại diện cấp cao trước tiên, rồi sau đó là các cuộc phỏng vấn với các chức danh quản lý và các nhân sự chủ chốt như được xác định trong kế hoạch kiểm tra. Việc phỏng vấn này có thể được mở rộng đến các nhân viên riêng biệt nếu thấy cần thiết.

b) Khi phỏng vấn được hỏi bằng các câu hỏi mở dựa trên danh mục kiểm tra. Dựa vào thông tin nhận được, có thể hỏi những câu hỏi có chuyên môn sâu hơn nếu thấy cần thiết. Tránh hỏi các câu hỏi mà có thể trả lời bằng một từ đơn giản là “có” hoặc “không”. Cố gắng tập trung hỏi sâu vào những gì đang diễn ra, chứ không phải những gì có thể xảy ra trong tương lai.

c) Các cuộc phỏng vấn chính thức cần phải được tổ chức cẩn trọng. Mục tiêu của các cuộc phỏng vấn chính thức là để tiếp xúc trực tiếp với các đại diện chủ chốt của các tổ chức hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay để thảo luận các vấn đề hiện tại. Việc quan sát tại hiện trường thường được diễn ra trước các cuộc phỏng vấn vì thế kiểm tra viên đã thấy được tình trạng và có thể đã chú ý đến những sự sai biệt hoặc có tính chất khác thường của hệ thống. Bất kỳ sự sai khác nào cũng đều phải được đưa ra cho phía được kiểm tra biết trong các cuộc phỏng vấn sau đó. Địa điểm tổ chức cuộc phỏng vấn cũng quan trọng. Việc chọn các văn phòng của cá nhân thường là lựa chọn tốt nhất, vì việc phỏng vấn tại môi trường làm việc bình thường có thể tạo ra một bầu không khí cởi mở và làm giảm sự căng thẳng giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn. Theo nguyên tắc, kiểm tra viên phải là người đi đến gặp người được kiểm tra. Điều này tốt hơn việc gặp gỡ các cá nhân tại văn phòng của kiểm tra viên và giúp tránh đi cảm giác của một cuộc thẩm vấn.

2.2.2.6. Xác định các nội dung, vấn đề không phù hợp (các phát hiện) trong khi kiểm tra và cần đưa vào danh mục không đáp ứng

a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác CHKSB cần đánh giá, lập danh mục không đáp ứng để đưa vào tài liệu khai thác sân bay.

b) Việc đánh giá, lập danh mục không đáp ứng được tuân thủ quy định tại Chương V.

c) AAT kiểm tra thực tế, xác định, so sánh danh mục không đáp ứng được lập trong tài liệu khai thác sân bay với các quy định, quy trình, tiêu chuẩn khai thác; phát hiện các quy trình, quy định không phù hợp khác nếu có để bổ sung vào danh mục không đáp ứng. Danh mục không đáp ứng phải có hành động khắc phục, do vậy nó phải được thể hiện bằng các bằng chứng hoặc các chứng cứ rõ ràng về sự không phù hợp, như hình ảnh minh họa hoặc danh mục kiểm tra đã được thực hiện.

2.2.2.7. *Họp kết thúc*

Mục tiêu và các hoạt động của họp kết thúc sau khi kiểm tra là để:

- Xem xét lại mục đích của cuộc kiểm tra và nó được tiến hành như thế nào;
- Lưu danh sách những người tham dự cuộc họp;
- Trình bày sự không phù hợp (các phát hiện) trong cuộc kiểm tra;
- Các phát hiện phải được giải thích, thảo luận làm rõ;
- Xác nhận các hành động khắc phục (Nếu có thể) và thống nhất khung thời gian để thực hiện chúng;
- Nêu yêu cầu trong báo cáo kết luận kiểm tra cùng với khung thời gian thực thi;
- Tiếp thu, xử lý các kiến nghị, đề xuất của đơn vị được kiểm tra.

2.2.3. *Báo cáo kiểm tra, giám sát*

2.2.3.1. Báo cáo kiểm tra là một hệ thống tài liệu chính thức nhằm báo cáo các kết quả kiểm tra đến lãnh đạo và đơn vị được kiểm tra. Báo cáo phải ghi nhận một cách chính xác tất cả những gì đã diễn ra trong suốt cuộc kiểm tra, nó phải phản ánh được tinh thần chung của cuộc kiểm tra và không chứa đựng điều gì bất ngờ.

2.2.3.2. *Báo cáo kiểm tra, giám sát của giám sát viên an toàn khai thác cảng*

Sau khi kết thúc kiểm tra, giám sát và lập báo cáo kiểm tra, mỗi giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay phải hoàn thành, ký tên và gửi báo cáo kiểm tra, đánh giá của mình cho tổ trưởng AAT. Trường hợp kiểm tra theo từng nhóm nhiều hơn 01 giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay thì toàn bộ các giám sát viên trong nhóm đều phải ký tên trước khi gửi tổ trưởng AAT.

Báo cáo kiểm tra được tính hợp trong các checklist kiểm tra, trường hợp cần thiết các GSV có thể làm báo cáo riêng để gửi tổ trưởng AAT. Báo cáo kiểm tra phải

cung cấp các đánh giá của giám sát viên về kết quả kiểm tra.

2.2.3.3. Trách nhiệm của Tổ trưởng tổ AAT là phải xây dựng báo cáo kiểm tra của tổ AAT dựa trên cơ sở sự xác nhận và thống nhất trong cuộc họp kết thúc (thống nhất bằng Biên bản cuộc họp). Tổ trưởng phải ký báo cáo và thay mặt tổ AAT báo cáo kết quả kiểm tra thực tế với Trưởng phòng QLCHKSB và Lãnh đạo Cục HKVN.

2.2.3.4. Trường hợp có các yêu cầu cần khắc phục, Phòng QLCHKSB soạn thảo văn bản và trình Lãnh đạo Cục HKVN thông báo kết quả kiểm tra kèm các yêu cầu khắc phục đến các tổ chức được kiểm tra sau khi kết thúc kiểm tra tại đơn vị. Trường hợp không có các yêu cầu khắc phục, AAT triển khai các thủ tục cấp Giấy chứng nhận khai thác CHKSB cho người đề nghị.

2.2.4. Kế hoạch khắc phục

2.2.4.1. Sau khi nhận văn bản thông báo của Cục HKVN về kết quả kiểm tra thực tế kèm các phát hiện sự không phù hợp, người đề nghị cấp GCN khai thác CHKSB phải thực hiện quy trình đánh giá để đưa vào danh mục không đáp ứng, đồng thời đưa ra Kế hoạch thực hiện khắc phục.

2.2.4.2. Kế hoạch thực hiện khắc phục phải liệt kê chi tiết các biện pháp, dự kiến thời gian để khắc phục tất cả các phát hiện về sự không phù hợp và đưa ra giải pháp để ngăn chặn sự không phù hợp đó tái diễn trong tương lai.

2.2.4.3. Việc không đưa ra Kế hoạch thực hiện khắc phục, hoặc không tuân thủ thời hạn theo kế hoạch thực hiện khắc phục, hoặc không thực hiện các biện pháp được đề ra trong Kế hoạch thực hiện khắc phục, nhà chức trách hàng không sẽ đưa ra các biện pháp xử lý theo quy định hiện hành.

2.2.4.4. Kế hoạch thực hiện khắc phục tối thiểu phải chứa đựng các nội dung sau:

- Các yếu tố cần thiết phải cải thiện;
- Các hành động khắc phục;
- Xác định người chịu trách nhiệm cho việc thực thi và hoàn thành hoạt động khắc phục;
- Khung thời gian cho việc hoàn thành.

2.2.4.5. Trong trường hợp đơn vị được kiểm tra không thực hiện các hành động khắc phục liên quan đến các phát hiện mà đoàn kiểm tra đưa ra vì họ không đồng ý

với kết luận của đoàn kiểm tra, thì đơn vị được kiểm tra phải báo cáo Cục trưởng CAAV bằng văn bản, trong văn bản báo cáo phải nêu rõ các lý do, các bằng chứng không đồng ý với kết luận của đoàn kiểm tra. Cục trưởng Cục HKVN sẽ xem xét và đưa ra quyết định cụ thể.

2.2.4.6. Sau khi đơn vị được kiểm tra thông báo đã hoàn tất kế hoạch khắc phục. Đoàn kiểm tra có thể sẽ tiến hành kiểm tra lại (nếu thấy cần thiết), để đảm bảo rằng các phát hiện đã được xử lý triệt để đáp ứng theo các quy định, quy trình và tiêu chuẩn khai thác hiện hành.

2.2.4.7. Phòng Quản lý cảng HKSB và Phòng Quản lý hoạt động bay là đơn vị thường trực được giao theo dõi, khắc phục các nội dung chưa đáp ứng liên quan đến an toàn khai thác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng và nhiệm vụ được Cục trưởng giao.

2.2.5. Cấp Giấy chứng nhận khai thác CHKSB

2.2.5.1. AAT soạn thảo dự thảo quyết định cấp giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối cấp giấy chứng nhận, đề xuất Lãnh đạo Phòng QLCHKSB xem xét, quyết định và báo cáo Lãnh đạo CAA cấp hoặc từ chối chấp giấy chứng nhận

2.2.5.2. AAT gửi văn thư CAA ban hành và gửi quyết định hoặc văn bản cho tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận và các cơ quan có liên quan theo đường văn thư.

2.2.5.3. Sau khi cấp giấy chứng nhận, GSV soạn thảo văn bản trình tổ trưởng AAT thông qua, báo cáo Trưởng phòng QLCHKSB phê duyệt và gửi Phòng Quản lý hoạt động bay đề nghị thông báo tin tức hàng không trên AIP theo quy định.

2.2.6. Lưu trữ hồ sơ kiểm tra

2.2.6.1. Tất cả tài liệu có liên quan đến cuộc kiểm tra phải được lưu trữ trong hồ sơ của đơn vị được kiểm tra sau khi hoàn tất cuộc kiểm tra. Tối thiểu, các tài liệu phải bao gồm:

- Bản sao công văn thông báo kế hoạch kiểm tra;
- Lịch trình kiểm tra;
- Các danh mục kiểm tra đã hoàn chỉnh;
- Tất cả các ghi nhận, các bằng chứng do đoàn kiểm tra thu thập được;
- Hồ sơ các cuộc phỏng vấn;

- Hồ sơ các cuộc họp khai mạc và kết thúc;
- Bản sao Kế hoạch thực hiện khắc phục;
- Phản hồi sau kiểm tra từ đơn vị được kiểm tra.

2.2.6.2. GSV lưu hồ sơ liên quan đến quá trình giải quyết thủ tục cấp giấy chứng nhận theo quy định lưu trữ chung của CAA.

2.2.6.3. GSV cập nhật Sổ đăng bạ Cảng hàng không, sân bay do Phòng QLCHKSB quản lý.

2.2.6.4. GSV đưa sân bay vào hệ thống theo dõi và kiểm tra giám sát định kỳ theo quy định.

2.2.6.5. Phòng Quản lý cảng HKSB có trách nhiệm thiết lập và duy trì một cơ sở dữ liệu kiểm tra chứa đựng tất cả các phát hiện thu thập được từ các cuộc kiểm tra của tất cả các đơn vị được kiểm tra. Cơ sở dữ liệu này sẽ được sử dụng để theo dõi, giám sát liên tục đối với hoạt động khai thác tại cảng hàng không.

3. NỘI DUNG KIỂM TRA HỒ SƠ, KIỂM TRA THỰC TẾ ĐỐI VỚI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY LẦN ĐẦU

3.1. Mục đích

3.1.1. Mục đích của phần này là liệt kê các quy trình chính được thực hiện khi cấp Giấy chứng nhận lần đầu.

3.1.2. Danh mục được liệt kê tại Phụ lục C này có thể được mở rộng theo các yêu cầu cụ thể khi thẩm định, kiểm tra, đánh giá để cấp Giấy chứng nhận.

3.1.3. Căn cứ vào các checklist Phụ lục C, các giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay, các phòng chức năng hoặc đơn vị trực thuộc Cục Hàng không Việt Nam được giao nhiệm vụ có thể sử dụng checklist quy định tại chương này hoặc rà soát, điều chỉnh checklist cho phù hợp với nội dung kiểm tra, đánh giá, thẩm định.

3.2. Nội dung, phương pháp đánh giá

3.2.1. Cơ sở hạ tầng và các thiết bị hỗ trợ mặt đất - Ground Aids

Khi cấp giấy chứng nhận lần đầu, đánh giá kỹ thuật về hạ tầng và thiết bị hỗ trợ mặt đất gồm:

a) Giới hạn bề mặt chướng ngại vật:

(a.1) OLS:

- (i) Các bề mặt giới hạn chướng ngại vật được xác định;
- (ii) Danh mục các vật thể vượt bề mặt giới hạn chướng ngại vật
- (iii) Các nội dung liên quan đến đánh dấu và chiếu sáng chướng ngại vật vượt OLS. Khu vực giới hạn hoạt động được thiết lập, đảm bảo phù hợp với chướng ngại vật được đánh dấu, chiếu sáng.

(a.2) Khu vực không giới hạn bề mặt (OFZ):

- (i) Các bề mặt này được xác định khi cần thiết và tùy vào từng sân bay cụ thể;
- (ii) Không một vật thể nào vi phạm OLS trừ các trang thiết bị dẫn đường hàng không và phải đảm bảo tính dễ gãy

(a.3) Chướng ngại vật trên các khu vực gần đường cất hạ cánh hoặc đường lăn (khu vực dải bay, khoảng trống, đoạn dừng, khu vực an toàn cuối đường cất hạ cánh – RESA, dải lăn, khu vực thiết bị đo độ cao, khu vực ngưỡng tiếp cận) tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và khai ;

b) Đặc tính kỹ thuật:

(b.1) Đặc tính, thông số kỹ thuật của sân bay được tuân thủ theo các yêu cầu của Thông tư 17/2016/TT-BGTVT và các văn bản quy phạm pháp luật và tiêu chuẩn, quy chuẩn khác có liên quan, các quy định trong Annex 14 của ICAO, Hướng dẫn an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay của Cục Hàng không Việt Nam.

(b.2) Đặc tính, thông số kỹ thuật của sân bay được xác định trong tài liệu khai thác sân bay, bao gồm đầy đủ các ký hiệu cho từng hạng mục công trình trong khu vực di chuyển để Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra sự phù hợp của đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ và các đặc tính kỹ thuật liên quan;

(b.3) Đường cất hạ cánh:

- (i) Các đặc tính kỹ thuật:
 - Sự tuân thủ quy định hiện hành và các ký hiệu theo quy định;
 - Các đặc tính kèm theo (ví dụ như độ ma sát, chỉ số PCN);
- (ii) Các cự ly công bố;

(iii) Các khu vực gần đường cất hạ cánh (lề đường cất hạ cánh, dải bay, khoảng trống, đoạn dừng, Resa, dải lăn, khu vực thiết bị đo độ cao, khu vực ngưỡng tiếp cận) được xác thiết lập, xác định theo quy định và các ký hiệu, chiều dài, chiều rộng, loại mặt đường, sức chịu tải, độ dốc, khu vực san gạt và các vật thể trong khu vực sân bay;

(iv) Các khoảng cách theo quy định phù hợp với cấp sân bay công bố;

(b.4) Đường lăn:

(i) Thông số kỹ thuật (độ dốc, bán kính cong, độ mở chiều rộng đường lăn, độ dốc dọc và ngang, bán kính cua đối với đường lăn thoát nhanh, loại bề mặt, sức chịu tải) được xác định cho mỗi đường lăn phù hợp với cấp sân bay công bố;

(ii) Lề đường lăn, dải lăn được xác định phù hợp với cấp sân bay công bố, bao gồm: chiều dài, loại bề mặt, sức chịu tải và chướng ngại vật nếu có;

(iii) Đường lăn trên cao nếu có phù hợp với cấp sân bay công bố;

(iv) Các khoảng cách, cự ly phù hợp với cấp sân bay công bố;

(b.5) Đường công vụ:

Chiều rộng của đường, vị trí dừng được thiết lập trên đường công vụ tại các điểm giao nhau và khoảng cách đến đường cất hạ cánh được xác định phù hợp với cấp sân bay công bố;

(b.6) Vị trí dừng, vị trí dừng lên đường cất hạ cánh và vị trí dừng trung gian

Vị trí dừng, vị trí dừng lên đường cất hạ cánh và vị trí dừng trung gian được thiết lập phù hợp với cấp sân bay công bố

c) Hệ thống điện

(c.1) Hệ thống cung cấp điện chính cho sân bay;

(c.2) Thời gian chuyển đổi của hệ thống điện đáp ứng các yêu cầu;

(c.3) Nguồn điện thứ cấp, dự phòng;

(c.4) Các phản hồi, báo cáo của bộ phận dịch vụ bảo đảm hoạt động bay - ATS về tình trạng các thiết bị hỗ trợ mặt đất khi được yêu cầu;

d) Hệ thống dẫn đường:

(d.1) Sơn tín hiệu

(i) Tất cả hệ thống sơn tín hiệu

- Các khu vực và vị trí yêu cầu phải có sơn tín hiệu;
- Các yêu cầu về số và vị trí sơn tín hiệu;
- Kích thước và màu sắc sơn tín hiệu;

(ii) Các yêu cầu bổ sung nếu thấy cần thiết

- Sơn tín hiệu đường cất hạ cánh (sơn hướng đường cất hạ cánh, ngưỡng, tìm đường, giới hạn hai bên theo chiều rộng của đường, khu vực hạ cánh, khu vực sân quay đầu);
- Sơn tín hiệu đường lăn (tìm đường lăn, tìm đường dẫn vào, đường lăn, giới hạn hai bên theo chiều rộng của đường, vị trí chờ trên đường lăn, vị trí giao nhau);
- Sơn tín hiệu sân đỗ tàu bay;
- Sơn tín hiệu chỉ dẫn bắt buộc;
- Sơn tín hiệu thông báo nếu có;
- Sơn tín hiệu vị trí chờ trên đường công vụ;
- Sơn tín hiệu vị trí kiểm tra đài VOR;
- Sơn tín hiệu bề mặt, khu vực đóng cửa, không sử dụng;

(d.2) Biển báo

(i) Tất cả các biển báo

- Tại vị trí bắt buộc theo yêu cầu;
- Tại các vị trí khác theo yêu cầu;
- Kích thước và màu sắc theo yêu cầu;
- Hệ thống chiếu sáng biển báo theo yêu cầu;
- Độ dễ gãy theo yêu cầu;

(ii) Các yêu cầu bổ sung khác nếu cần thiết

- Biển báo chỉ dẫn bắt buộc (biển báo hướng đường cất hạ cánh, vị trí dừng chờ lên đường cất hạ cánh, vị trí chờ theo tiêu chuẩn hệ thống CAT I, II, III và

biển báo cấm);

- Biển báo chỉ dẫn thông tin (biển chỉ hướng di chuyển, biển chỉ vị trí, biển chỉ đường cất hạ cánh dừng khai thác, biển chỉ lối ra khỏi đường cất hạ cánh, biển chỉ cất cánh tại giao điểm, biển chỉ khoảng cách, biển chỉ vị trí dừng trên đường công vụ, biển chỉ vị trí kiểm tra đài VOR, biển chỉ dẫn nhận biết sân bay);

(d.3) Hệ thống đèn

(i) Không nên có bất kỳ đèn khác đèn phục vụ bay tại khu vực di chuyển vì nó có thể gây ra các nguy hiểm cho sự an toàn của tàu bay;

(ii) Tất cả các đèn hàng không:

- Được hiển thị, chiếu sáng khi yêu cầu;
- Được lắp đặt đúng vị trí theo yêu cầu và đảm bảo số lượng theo yêu cầu;
- Có các màu sắc và cường độ sáng đạt yêu cầu;
- Tuân thủ các mức độ/cấp khai thác hoặc bảo trì theo quy định;
- Đảm bảo độ dễ gây theo yêu cầu;

(iii) Các yêu cầu bổ sung khác nếu cần thiết

- Hệ thống đèn tiếp cận;
- Hệ thống đèn dẫn vào đường cất hạ cánh;
- Hệ thống chỉ dẫn hiển thị độ dốc tiếp cận bằng mắt (VASIS hoặc PAPI);
- Đèn đường cất hạ cánh (đèn tim, đèn , đèn nhận biết ngưỡng, đèn nhận biết hết đường cất hạ cánh, đèn ngưỡng đường cất hạ cánh và đèn cánh 2 bên - wing bar, đèn khu vực hạ cánh, đèn đoạn dừng, đèn khu vực sân quay đầu);
- Đèn đường lăn (đèn tim đường lăn, đèn lề đường lăn, đèn điểm dừng trên đường lăn, đèn báo cấm vào, đèn báo vị trí giao nhau, đèn nhận biết đường lăn thoát nhanh);
- Đèn bảo vệ đường CHC;
- Đèn vị trí chờ trên đường công vụ;
- Đèn báo khu vực đóng cửa, không sử dụng;
- Đèn hiệu hàng không;

- Đèn cảnh báo chướng ngại vật;

(d.4) Mốc đánh dấu

(i) Tất cả các mốc đánh dấu:

- Được đặt tại vị trí theo yêu cầu;
- Được đặt theo yêu cầu tại các vị trí khác và số lượng cụ thể;
- Các màu sắc theo yêu cầu;
- Độ dễ gãy theo yêu cầu;

(ii) Các yêu cầu bổ sung khác nếu cần thiết;

- Các điểm đánh dấu đường lăn (điểm đánh dấu cạnh đường lăn, điểm đánh dấu tim đường lăn);
- Các vạch đánh dấu cạnh đường cất hạ cánh không chịu tải;
- Các điểm đánh dấu ranh giới;
- Các điểm đánh dấu cạnh của đoạn dừng;
- Các vạch đánh dấu cạnh cho đường cất hạ cánh bị bao phủ bởi tuyết;
- Đánh dấu khu vực không hoạt động, không sử dụng;

(d.5) Các thiết bị chỉ hướng

Thiết bị chỉ báo hướng gió:

- Vị trí lắp đặt thiết bị;
- Tuân thủ các yêu cầu về vị trí và đặc điểm;
- Được chiếu sáng khi sử dụng vào ban đêm.

3.2.2. Dịch vụ khẩn nguy sân bay

Bao gồm các nội dung liên quan đến cung cấp dịch vụ RFF sau:

a) Mức độ bảo vệ:

(a.1) Mức độ bảo vệ của sân bay được xác định theo quy định và công bố trên AIP;

(a.2) Người khai thác cảng hàng không, sân bay có quy trình để đánh giá lại thường xuyên lưu lượng khai thác tại sân bay và kế hoạch nâng cấp mức độ bảo vệ

của sân bay theo tần suất, lưu lượng khai thác của tàu bay.

(a.3) Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải cung cấp đầy đủ các thông số cần thiết về hệ thống, trang thiết bị RFF cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay các thông tin cập nhật trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về mức độ bảo vệ;

b) Nhân viên RFF

(b.1) Số lượng nhân viên RFF phù hợp với mức độ bảo vệ RFF của sân bay được công bố;

(b.2) Việc đào tạo tất cả nhân viên RFF là đầy đủ và được giám sát;

(b.3) Có cơ sở vật chất và các trang thiết bị đào tạo, có thể bao gồm các thiết bị mô phỏng để huấn luyện về cháy tàu bay;

(b.4) Các quy trình để nhân viên RFF thực hiện được cập nhật đầy đủ thông tin liên quan đến RFF.

c) Trách nhiệm

(c.1) Dịch vụ RFF được cung cấp với bản đồ cập nhật về khu vực chịu trách nhiệm, bao gồm cả các đường tiếp cận;

(c.2) Thời gian đáp ứng tuân theo quy định hiện hành và được kiểm tra thường xuyên. Việc kiểm tra này nên được chính thức hóa trong các thủ tục RFF;

(c.3) Dịch vụ RFF có các thủ tục mô tả phản hồi này và đảm bảo rằng trong trường hợp xảy ra sự cố / tai nạn, một báo cáo được viết và nộp;

(c.4) Hệ thống thông tin liên lạc được cung cấp giữa trạm cứu hỏa, tháp điều khiển và các phương tiện RFF;

d) Thiết bị khẩn nguy

(d.1) Số lượng xe RFF phù hợp với cấp sân bay công bố và loại tàu bay lớn nhất khai thác, tần suất khai thác;

(d.2) Dịch vụ RFF có quy trình mô tả việc bảo trì các phương tiện RFF và đảm bảo rằng việc bảo trì này được giám sát chính thức;

(d.3) Các loại và số lượng chữa cháy, bao gồm cả nguồn dự trữ, phù hợp với quy định hiện hành;

(d.4) Quần áo bảo hộ và thiết bị hô hấp được cung cấp đầy đủ về chất lượng và

số lượng theo quy định; thiết bị hô hấp được kiểm tra chính xác và số lượng của chúng được giám sát chính thức;

(d.5) Thiết bị cứu hộ cụ thể được cung cấp đủ số lượng và chủng loại khi khu vực dịch vụ RFF bao gồm cả các khu vực có nước;

(d.6) Bất kỳ thiết bị nào khác theo yêu cầu của quy định hiện hành được cung cấp với số lượng đầy đủ.

3.2.3. Quản lý nguy cơ, rủi ro từ động vật hoang dã

Các kiểm tra sau đây về quản lý nguy cơ, rủi ro từ động vật hoang dã có thể là kiểm tra thực tế hoặc kiểm tra quy trình của người khai thác cảng hàng không, sân bay:

a) Các trang thiết bị cần thiết được cung cấp;

b) Hàng rào được đảm bảo theo yêu cầu;

c) Người khai thác cảng hàng không, sân bay ban hành quy trình mô tả các hành động để giảm sự xuất hiện của động vật hoang dã tại sân bay, bao gồm:

(c.1) Quy định người chịu trách nhiệm về những hành động đó và đào tạo của họ;

(c.2) Cách thức và thời điểm các hành động này được thực hiện, bao gồm việc viết báo cáo và nộp các báo cáo liên quan đến hành động đó;

(c.3) Thiết bị được sử dụng để thực hiện các hành động này;

(c.4) Các kết quả khảo sát, phân tích vùng lân cận sân bay và các hành động phòng ngừa được thực hiện sau đó để ngăn chặn động vật hoang dã;

(c.5) Giám sát các hành động này, bao gồm cả việc đánh giá về các loại động vật hoang dã xuất hiện tại khu vực sân bay, khu vực lân cận sân bay;

(c.6) Công tác phối hợp với ATS;

d) Người khai thác cảng hàng không, sân bay có quy trình:

(c.1) Ghi lại và phân tích các sự cố tại sân bay liên quan đến động vật hoang dã;

(c.2) Thu thập xác của động vật hoang dã;

(c.3) Theo dõi các hành động khắc phục được thực hiện sau đó; và

(c.4) Báo cáo Cục Hàng không Việt Nam các nội dung liên quan đến động vật

hoang dã theo quy định.

3.2.4. Xác minh thực tế quy trình khai thác sân bay và SMS sân bay

3.2.4.1. Xác minh thực tế các quy trình khai thác của người khai thác cảng hàng không, sân bay

Xác minh thực tế các quy trình của người khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm những nội dung sau đây:

a) Dữ liệu sân bay và báo cáo:

(a.1) Tính đầy đủ, chính xác và toàn vẹn của dữ liệu được báo cáo và để phục vụ việc thông báo tin tức hàng không theo AIP bao gồm:

i) Các dữ liệu tổng thể, bao gồm tình trạng của khu vực di chuyển và cơ sở hạ tầng kèm theo;

ii) Kiểm tra tính hợp của số liệu;

iii) Đường truyền dữ liệu;

iv) Các thay đổi đối với dữ liệu đã ban hành;

v) Kiểm tra thông tin sau khi dữ liệu được ban hành;

vi) Cập nhật các thông tin sau khi hoàn thành việc xây dựng công trình hạ tầng hoặc lắp đặt trang thiết bị tại sân bay và đưa vào khai thác;

(a.2) Công tác phối hợp, liên lạc với ATS;

(a.3) Công tác phối hợp, liên lạc với các dịch vụ thông tin hàng không;

(a.4) Công tác phối hợp, cung cấp số liệu để công bố các thông tin cần thiết trong ấn phẩm hàng không;

(a.5) Thông tin được công bố phù hợp với tình hình thực tế của sân bay;

b) Kiểm soát việc tiếp cận, ra vào khu vực di chuyển của sân bay:

(b.1) Các điểm kiểm soát có kiểm tra an ninh hàng không đối với tất cả các điểm, vị trí, cổng, barrie ra vào khu vực di chuyển;

(b.2) Quy trình mô tả việc kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra vào khu vực hạn chế trong sân bay.

c) Kế hoạch khẩn sân bay:

(c.1) Kế hoạch khẩn nguy sân bay được cập nhật phù hợp với hiện trạng của sân bay và các quy định hiện hành;

(c.2) Các nội dung thực hành, diễn tập khẩn nguy định kỳ theo quy định;

(c.3) Quy trình được mô tả các nhiệm vụ trong kế hoạch khẩn cấp;

(c.4) Người khai thác cảng hàng không, sân bay thường xuyên xác minh thông tin trong kế hoạch khẩn cấp, bao gồm việc cập nhật danh sách người, đơn vị và hệ thống thông tin liên lạc trong kế hoạch khẩn nguy;

(c.5) Quy định vai trò và trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay có liên quan trong các trường hợp khẩn nguy;

(c.6) Quy định, mô tả sự tham gia và phối hợp với các cơ quan khác trong các trường hợp khẩn nguy;

(c.7) Các yêu cầu tối thiểu của thiết bị khẩn nguy, bao gồm một trung tâm khẩn nguy được trang bị đầy đủ và sở chỉ huy di động;

d) Khẩn nguy cứu nạn - RFF:

(d.1) Kiểm tra các yếu tố của dịch vụ RFF trong 3.2.2 b);

(d.2) Các nội dung kiểm tra thực tế đối với người khai thác cảng hàng không, sân bay chỉ bao gồm việc xác minh công tác triển khai kịp thời, tức thì các hành động theo kế hoạch khẩn nguy;

(d.3) Nếu xác minh thực tế cho thấy sự sai lệch so với hồ sơ, chúng phải được báo cáo trong kết quả kiểm tra thực tế và thông báo lại cho người khai thác cảng hàng không, sân bay để chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện.

đ) Kiểm tra khu vực di chuyển:

(đ.1) Quy trình phối hợp với ATS để kiểm tra khu vực di chuyển;

(đ.2) Mô tả quá trình kiểm tra, nếu được thực hiện bởi người khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm:

(i) Tần suất và phạm vi;

(ii) Báo cáo, truyền thông tin (gửi báo cáo, thông tin) và lưu trữ;

(iii) Các hành động đã được thực thi và kiểm tra, theo dõi;

(đ.3) Kiểm tra, đánh giá và báo cáo thông số kỹ thuật bề mặt đường cất hạ cánh

khi đường cất hạ cánh bị ướt hoặc bị bao phủ bởi bụi bẩn/vật liệu khác và công tác phối hợp với ATS, thông báo tin tức hàng không theo quy định.

e) Bảo trì khu vực di chuyển:

(e.1) Một quy trình định kỳ đo các đặc điểm ma sát bề mặt đường cất hạ cánh, đánh giá và công bố kết quả đo ma sát định kỳ;

(e.2) Đảm bảo có một kế hoạch bảo trì dài hạn, bao gồm việc quản lý các hệ số ma sát bề mặt đường cất hạ cánh, sức chịu tải, hệ thống hỗ trợ bằng mắt, hàng rào, hệ thống thoát nước và hệ thống điện và các công trình nhà cửa, công trình khác trong khu vực di chuyển;

g) Kiểm soát tuyết, băng và các điều kiện khí tượng nguy hiểm khác:

(g.1) Tại sân bay mà điều kiện thời tiết có tuyết và băng:

(i) Người khai thác cảng hàng không, sân bay có kế hoạch kiểm soát tuyết và băng, bao gồm các phương tiện và quy trình được sử dụng cũng như trách nhiệm và tiêu chí để đóng và mở lại đường cất hạ cánh;

(ii) Quy trình phối hợp thường xuyên, liên tục để loại bỏ tuyết và băng giữa người khai thác cảng hàng không, sân bay và ATS;

(g.2) Đối với các tình huống khí tượng nguy hiểm khác có thể xảy ra tại sân bay (như giông bão, gió bề mặt mạnh và gusts, bão cát), người khai thác cảng hàng không, sân bay cần có các quy trình mô tả các hành động cần thực hiện và quy trình khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế và hoặc tạm ngừng khai thác đường cất hạ cánh;

(g.3) Quy trình phối hợp giữa người khai thác cảng hàng không, sân bay với nhà cung cấp dịch vụ khí tượng để được thông báo về bất kỳ điều kiện khí tượng quan trọng nào;

h) Hệ thống dẫn đường bằng mắt và hệ thống điện của sân bay::

(h.1) Người khai thác cảng hàng không, sân bay và người khai thác công trình chịu trách nhiệm bảo trì các thiết bị hỗ trợ bằng mắt và hệ thống điện, các quy trình được mô tả:

(i) Các nhiệm vụ - thường xuyên và khẩn cấp, bao gồm kiểm tra thường xuyên thiết bị hỗ trợ chiếu sáng và không chiếu sáng, và bảo trì nguồn điện cung cấp cho thiết bị;

- (ii) Báo cáo, gửi báo cáo và lưu trữ các báo cáo;
- (iii) Giám sát các hành động tiếp theo;
- (iv) Phối hợp với ATS;

(h.2) Quy trình, quy định trong việc phối hợp giữa người khai thác cảng hàng không, sân bay và người khai thác công trình để thực hiện các nội dung tại mục 1 phần h trong trường hợp người khai thác công trình không phải là người khai thác cảng hàng không, sân bay;

(h.3) Đánh dấu chướng ngại vật được phát hiện và thông báo;

i) Đảm bảo an toàn trong hoạt động khai thác bình thường của sân bay:

Khi thực hiện công việc trên sân bay:

(i.1) Quy trình thông báo các thông tin cần thiết cho các bên liên quan;

(i.2) Đánh giá các rủi ro trong hoạt động khai thác;

(i.3) Vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan, bao gồm mối quan hệ của họ và việc phối hợp thực thi các biện pháp an toàn;

(i.4) Giám sát an toàn trong quá trình thực hiện công việc;

(i.5) Mở lại, đưa vào khai thác kết cấu hạ tầng, thiết bị trong sân bay;

(i.6) Công tác phối hợp với ATS;

k) Quản lý sân đỗ tàu bay:

(k.1) Một quy trình để đảm bảo phối hợp với ATS;

(k.2) Việc sử dụng tàu bay tại các vị trí đỗ tàu bay đã được xác định;

(k.3) Giới hạn an toàn sân đỗ tàu bay được thiết lập;

(k.4) Hướng dẫn an toàn chung cho các hoạt động trong khu vực sân đỗ tàu bay;

(k.5) Vị trí đỗ và đẩy lùi tàu bay;

l) Quản lý an toàn sân đỗ tàu bay:

(l.1) Quy trình kiểm tra khu vực sân đỗ (xem k);

(l.2) Sự phối hợp với các bên khi ra vào sân đỗ tàu bay

m) Phương tiện trên khu vực di chuyển :

(m.1) Một quy trình để đảm bảo các phương tiện hoạt động trên khu vực di chuyển của sân bay là được phép;

(m.2) Nhân viên điều khiển phương tiện, thiết bị được đào tạo phù hợp;

(m.3) Quy trình phối hợp, kiểm soát của người khai thác cảng hàng không, sân bay đối với nhân viên điều khiển phương tiện, thiết bị ra vào khu vực di chuyển của các đơn vị khác có liên quan.

n) Quản lý nguy cơ, rủi ro từ động vật hoang dã.

Kiểm tra về quản lý nguy cơ, rủi ro từ động vật hoang dã có thể bao gồm kiểm tra kỹ thuật trên cơ sở hồ sơ sẵn có hoặc kiểm tra thực tế các quy trình của người khai thác cảng hàng không, sân bay:

(n.1) Nếu các khu vực, phạm vi kiểm soát động vật hoang dã chưa được kiểm tra, xác định trong quá trình kiểm tra hồ sơ, tiến hành kiểm tra thực tế các điểm được liệt kê trong 2.3 c của Chương này;

(n.2) Nếu các nội dung trên đã xác định trong quá trình kiểm tra hồ sơ, thì tiến hành kiểm tra việc thực hiện kịp thời kế hoạch hành động khắc phục;

(n.3) Nếu kiểm tra thực tế cho thấy sự sai lệch so với hồ sơ, phải đưa vào báo cáo để thông báo cho người khai thác cảng hàng không, sân bay biết và chỉnh sửa, hoàn thiện lại;

o) Chương ngại vật:

(o.1) Quy trình, thủ tục để đảm bảo rằng đã triển khai lập, ban hành bản đồ giới hạn bề mặt chương ngại vật tại sân bay - OLS;

(o.2) Quy trình giám sát chương ngại vật, trong đó mô tả các đợt kiểm tra, tần suất kiểm tra, lưu trữ hồ sơ và theo dõi;

(o.3) Quy trình đánh giá, kiểm soát để đảm bảo rằng các chương ngại vật không gây nguy hiểm cho an toàn bay;

p) Di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển:

Kế hoạch để di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển, trong đó mô tả vai trò và trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay, sự phối hợp cần thiết với các cơ quan khác và các phương tiện sẵn có hoặc có thể được cung cấp;

q) Khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế

(q.1) Quy trình phối hợp giữa người khai thác cảng hàng không, sân bay và ATS, bao gồm cả việc nhận biết cả về tình trạng của cả (low visibility procedure LVP) và sự sụt giảm của thiết bị hỗ trợ bằng mắt;

(q.2) Quy trình mô tả các hành động được thực hiện khi LVP (kiểm soát phương tiện, xác định phạm vi hình ảnh nếu cần thiết);

3.2.4.2. Kiểm tra thực tế hệ thống SMS

a) Tối thiểu, các nội dung được đưa ra khi cấp Giấy chứng nhận lần đầu là:

(a.1) Chính sách an toàn: một chính sách an toàn đã được xác nhận bởi người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm để phản ánh các cam kết của tổ chức về an toàn;

(a.2) Cơ cấu tổ chức của người khai thác cảng hàng không, sân bay: người khai thác cảng hàng không, sân bay đã bổ nhiệm người đứng đầu để điều hành và người quản lý an toàn đủ tiêu chuẩn theo quy định;

b) Đánh giá tính độc lập của người quản lý an toàn so với bất kỳ nhiệm vụ vận hành nào liên quan đến an toàn sân bay.

c) Đánh giá năng lực và thẩm quyền của người khai thác cảng hàng không, sân bay để đảm bảo cam kết quản lý và trách nhiệm an toàn tại sân bay. Điều này đạt được thông qua thẩm quyền của người đứng đầu điều hành khai thác sân;

(c.1) Trách nhiệm và nhiệm vụ: người khai thác cảng hàng không, sân bay phải chính thức xác định trách nhiệm của mỗi nhân viên về an toàn;

(c.2) Đào tạo: người khai thác cảng hàng không, sân bay phải chính thức tổ chức, theo dõi đào tạo của nhân viên và các đối tác, đảm bảo rằng việc đào tạo về SMS là đầy đủ, và có thể triển khai các hành động liên quan đến SMS khi cần thiết;

(c.3) Báo cáo tai nạn và sự cố: người khai thác cảng hàng không, sân bay có quy trình đảm bảo rằng:

(i) Các sự cố được báo cáo bởi nhân viên và các đối tác, cơ quan có liên quan, bao gồm mô tả các hành động tại chỗ để có thể báo cáo;

(ii) Các sự cố được phân tích kịp thời và các hành động được thực hiện sau đó, công tác giám sát các hành động đó;

(iii) Các báo cáo và phân tích sự cố được lưu trữ;

(iv) Công tác báo cáo sự cố cho cơ quan quản lý nhà nước và nhà chức trách hàng không theo quy định;

(v) Công tác phối hợp với các bên liên quan khác;

(c.4) Các nguy cơ hiện hữu tại sân bay: một quy trình để xác định, phân tích và đánh giá các mối nguy hiểm đối với hoạt động của tàu bay và đưa ra các biện pháp giảm thiểu phù hợp;

(c.5) Đánh giá rủi ro và quản lý các thay đổi: kiểm tra quy trình của người khai thác cảng hàng không, sân bay để đảm bảo rằng đối với bất kỳ thay đổi nào tại sân bay, tác động của nó đối với an toàn được phân tích, liệt kê các mối nguy hiểm, rủi ro có thể được tạo ra. Thủ tục này mô tả những người thực hiện phân tích, khi nào và như thế nào các mối nguy hiểm được theo dõi, những hành động sau đó được thực hiện, và các tiêu chí để phân tích. Những đánh giá này được lưu trữ;

(c.6) Các chỉ số an toàn: Người khai thác cảng hàng không, sân bay thiết lập chỉ số an toàn phù hợp với mục tiêu an toàn quốc gia và nhà chức trách hàng không ban hành nếu có; tổ chức thực hiện và giám sát các chỉ số an toàn tại sân bay kèm các tiêu chí cụ thể, để có thể phân tích, đánh giá và phát hiện những thiếu sót tiềm ẩn;

(c.7) Kiểm tra an toàn: Kiểm tra việc người khai thác cảng hàng không, sân bay có chương trình kiểm tra an toàn thực tế, bao gồm chương trình đào tạo cho những người liên quan;

(c.8) Thúc đẩy an toàn: Kiểm tra việc người khai thác cảng hàng không, sân bay ban hành, triển khai một quy trình, kế hoạch hoặc hành động để thúc đẩy vấn đề an toàn tại sân bay.

4. CẤP LẠI, ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG SÂN BAY

4.1. Các trường hợp cấp lại, cấp sửa đổi GCN

Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay được cấp lại, cấp sửa đổi trong các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 39 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT.

4.2. Quy trình kiểm tra, đánh giá cấp lại, cấp sửa đổi GCN

4.2.1. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại, sửa đổi Giấy chứng nhận khai thác CHKSB hợp lệ, Phòng QLCHKSB xem xét giao GSV trực thuộc Phòng

QLCHKSB nghiên cứu.

4.2.2. Trường hợp cấp lại hoặc cấp sửa đổi nội dung GCN khai thác CHKSB với các nội dung ít phức tạp như liên quan đến sự thay đổi tên, địa chỉ, giấy phép kinh doanh... GSV có trách nhiệm soạn thảo dự thảo Quyết định cấp lại Giấy chứng nhận khai thác CHKSB do sửa đổi nội dung để trình Lãnh đạo Phòng QLCHKSB xem xét, trình Lãnh đạo Cục HKVN phê duyệt.

GSV thực hiện quy trình ban hành, thông báo việc cấp lại GCN khai thác CHKSB, thông báo tin tức hàng không, lưu trữ hồ sơ sau khi cấp lại GCN tương tự như trường hợp cấp mới.

4.2.3. Trường hợp nội dung thay đổi GCN khai thác CHKSB liên quan đến đề nghị chuyển đổi người khai thác CHKSB, thay đổi năng lực khai thác của sân bay theo năng lực mới kèm các tài liệu chứng minh, AI báo cáo Trưởng phòng QLCHKSB để thực hiện quy trình thành lập tổ AAT và triển khai đánh giá việc cấp sửa đổi GCN khai thác CHKSB tương tự như quy trình cấp mới GCN khai thác CHKSB.

CHƯƠNG V

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ DANH MỤC KHÔNG ĐÁP ỨNG

1. MỤC ĐÍCH

- Danh mục không đáp ứng được xác định trong tài liệu khai thác sân bay.
- Danh mục không đáp ứng được lập khi đề nghị cấp GCN khai thác CHKSB lần đầu và khi phát hiện việc không đáp ứng các tiêu chuẩn khai thác. Khi phát hiện việc không đáp ứng tiêu chuẩn khai thác, cần phải đánh giá những tác động, ảnh hưởng của việc không đáp ứng đó đến an toàn khai thác và có các giải pháp, biện pháp nhằm giảm thiểu các rủi ro và xây dựng lộ trình khắc phục nếu các nội dung trong danh mục không đáp ứng. Theo đó người khai thác CHKSB phải xây dựng một quy trình đánh giá và trình CAAV để được chấp thuận miễn trừ theo danh mục không đáp ứng.
- Mục đích của quy trình này là hướng dẫn người khai thác CHKSB thực hiện một quy trình đánh giá về miễn trừ để trình CAAV phê chuẩn. CAAV có trách nhiệm đánh giá và phê duyệt miễn trừ.

2. PHẠM VI DANH MỤC KHÔNG ĐÁP ỨNG

- Danh mục không đáp ứng bao gồm là các nội dung miễn trừ (nhân nhượng) liên quan quy định, quy trình khai thác tại sân bay nhưng không đáp ứng tiêu chuẩn khai thác theo quy định.
- Danh mục không đáp ứng tập trung các nội dung chính liên quan đến cơ sở hạ tầng, thiết bị, quy trình vận hành khai thác, bảo trì của:
 - + Hệ thống dẫn đường bằng thiết bị/ không thiết bị.
 - + Các bề mặt giới hạn
 - + Kích thước và khoảng cách hệ thống sân đường, dải bảo hiểm, các cự ly công bố.
 - + Cơ sở hạ tầng liên quan đến khẩn nguy, cứu nạn, an ninh.
 - + Hệ thống biển báo, sơn kẻ, đèn.
 - + Hệ thống điện.
 - + Hệ thống các trang thiết bị bảo đảm hoạt động bay như VOR, ILS, khí

tượng....

+ Quy trình khai thác, vận hành, bảo trì

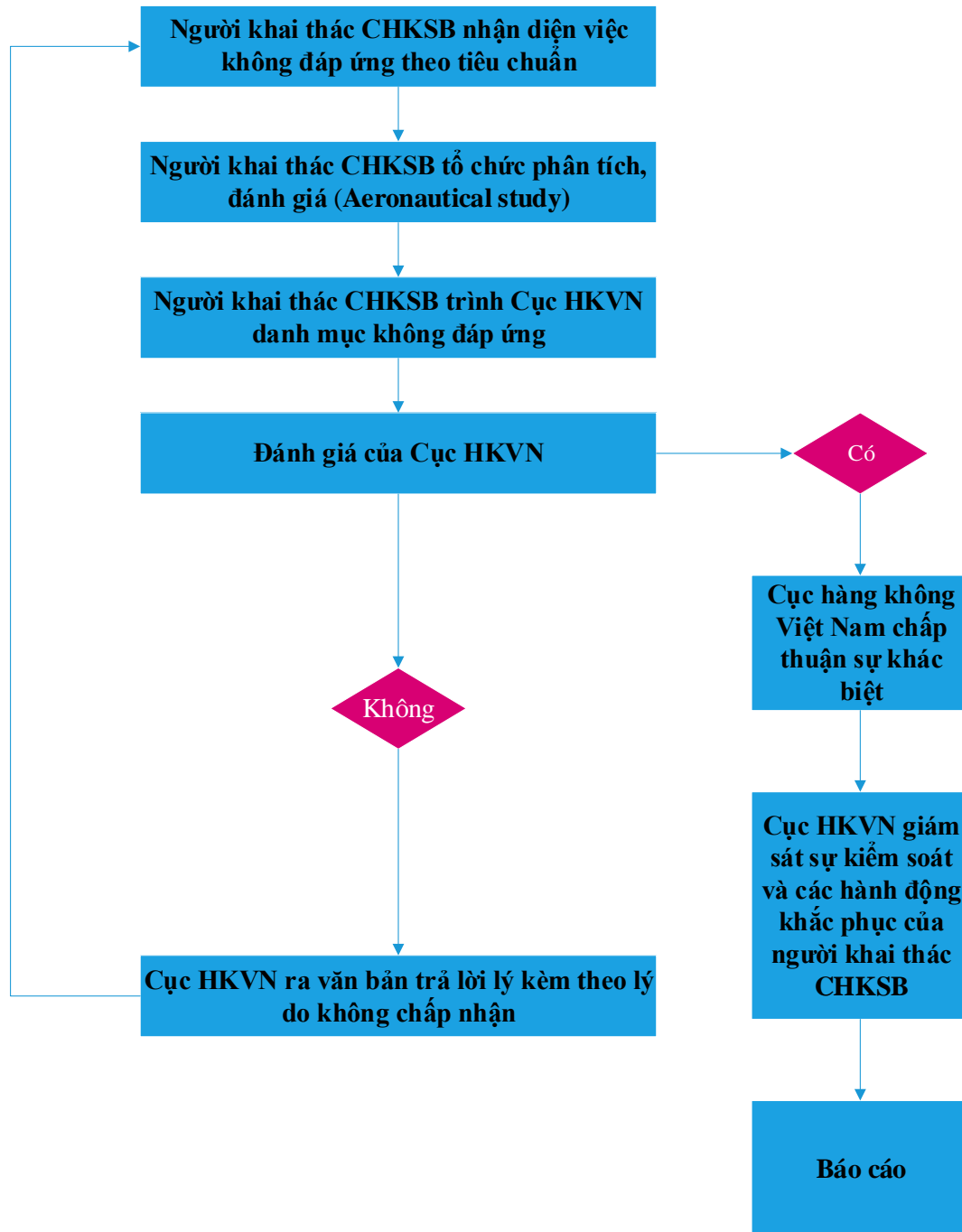
3. PHÂN LOẠI MIỄN TRỪ THEO DANH MỤC KHÔNG ĐÁP ỨNG

Việc miễn trừ theo danh mục không đáp ứng được chia làm 02 loại chính:

- Miễn trừ/nhân nhượng tạm thời có thời hạn: Là việc miễn trừ trong một giai đoạn nhất định trên cơ sở kết quả đánh giá các rủi ro theo quy định SMS và người khai thác CHKSB hoặc đơn vị có liên quan phải tuân thủ quy trình, lộ trình khắc phục đã được CAAV đồng ý.

- Miễn trừ/ nhân nhượng không xác định thời hạn: Là việc miễn trừ không có thời hạn trên cơ sở kết quả đánh giá các rủi ro theo quy định SMS và các yêu cầu về quốc phòng an ninh (tại các sân bay dùng chung dân dụng – quân sự), ví dụ như các công trình dẫn đường phục vụ bay quân sự tại khu bay...

4. QUY TRÌNH CHẤP THUẬN MIỄN TRỪ/NHÂN NHƯỢNG THEO DANH MỤC KHÔNG ĐÁP ỨNG



Người khai thác CHKS tổ chức phân tích, đánh giá, đưa ra các nghiên cứu hàng không đề xuất danh mục không đáp ứng (Aeronautical study)

Bước 1:

Người khai thác CHKS xác định, nhận diện việc không đáp ứng theo tiêu chuẩn khai thác. Trên cơ sở đó, lập bảng thống kê danh mục không đáp ứng.

Bước 2:

- Người khai thác CHKSB phải thực hiện một quy trình phân tích, đánh giá chi tiết về các rủi ro, nguy cơ có thể gặp phải đối với từng hạng mục trong danh mục không đáp ứng theo quy định trong tài liệu SMS. Mỗi một hạng mục trong danh mục không đáp ứng sẽ phải có 01 tài liệu phân tích, đánh giá riêng.

- Việc phân tích, đánh giá phải được thực hiện bởi bộ phận chuyên môn hoặc chuyên gia phù hợp liên quan trực tiếp đến vấn đề an toàn khai thác cảng.

- Quy trình phân tích, đánh giá được quy định chi tiết tại Phụ lục C, Checklist C18

Bước 3: Trình CAAV

- Người khai thác CHKSB trình Cục HKVN phê duyệt danh mục không đáp ứng trong các đợt trình cấp GCN mới hoặc sửa đổi, bổ sung GCN. Việc phê duyệt danh mục không đáp ứng được thực hiện chung cùng quy trình cấp mới hoặc cấp lại GCN. Khi đó danh mục không đáp ứng được thể hiện chi tiết trong tài liệu khai thác sân bay.

- Người khai thác CHKSB có thể trình Cục HKVN phê duyệt danh mục không đáp ứng trong các lần sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay. Việc phê duyệt danh mục không đáp ứng được thực hiện chung cùng quy trình phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác CHKSB.

- Trường hợp CAAV phát hiện và yêu cầu, người khai thác CHKSB phải thực hiện đầy đủ quy trình và trình Cục HKVN phê duyệt danh mục. Khi đó người khai thác CHKSB phải trình Cục HKVN phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay, trong đó nội dung sửa đổi, bổ sung là danh mục không đáp ứng.

- Nội dung trình Cục HKVN phê duyệt danh mục không đáp ứng cần thiết phải bao gồm các nội dung chính sau:

- + Tên và địa chỉ sân bay.
- + Số GCN đã cấp hoặc văn bản phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay gần nhất.
- + Chi tiết danh mục không đáp ứng theo từng hạng mục, lý do tồn tại.
- + Kết quả phân tích, đánh giá chi tiết các ảnh hưởng, rủi ro, nguy cơ theo

SMS của bộ phận hoặc chuyên gia quản lý an toàn của người khai thác CHKSB, bao gồm cả việc ký của người chịu trách nhiệm bộ phận đó và xác nhận của đồng ý, chấp thuận của người có thẩm quyền.

+ Thời gian đề nghị miễn trừ/ nhân nhượng.

+ Kế hoạch hành động để khắc phục, bao gồm các biện pháp tạm thời trước mắt và lâu dài để giảm nguy cơ mất an toàn hoặc khắc phục hoàn toàn các nội dung trong danh mục không đáp ứng.

+ Trong trường hợp người khai thác CHKSB đề nghị nhân nhượng lâu dài không xác định thời hạn nhân nhượng, người khai thác CHKSB phải chỉ ra các biện pháp giảm thiểu được áp dụng để giảm rủi ro phát sinh do việc không đáp ứng tiêu chuẩn an toàn khai thác. Trong trường hợp này, khi có bất kỳ sự lo ngại, nhận được các phản ánh của đơn vị có liên quan đến nguy cơ mất an toàn, người khai thác CHKSB phải đánh giá lại và báo cáo kế hoạch khắc phục.

Bước 4: Đánh giá của Cục HKVN

- CAAV thực hiện việc đánh giá danh mục không đáp ứng theo quy trình đánh giá, thẩm định để phục vụ việc cấp mới, sửa đổi bổ sung GCN hoặc sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay.

- Quy trình nội bộ của CAA để đánh giá Được thực hiện theo quy trình kiểm tra, đánh giá việc cấp mới, sửa đổi bổ sung GCN hoặc sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác theo quy định của văn bản QPPL và quy trình chi tiết trong tài liệu này.

Bước 5: Phê duyệt/chấp thuận của Cục HKVN

- Trường hợp CAAV chấp thuận đề nghị của đơn vị, CAAV thực hiện quy trình phê duyệt theo quy trình đánh giá, thẩm định để phục vụ việc cấp mới, sửa đổi bổ sung GCN hoặc sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay.

- Trường hợp CAAV không chấp thuận, CAAV thông báo cho người đề nghị và nêu rõ lý do.

CHƯƠNG VI

KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TẠI SÂN BAY

1. KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN ĐƯA VÀO KHAI THÁC CÔNG TRÌNH, MỘT PHẦN CÔNG TRÌNH THUỘC KẾT CẤU HẠ TẦNG CHKS

1.1. Mục đích

Kiểm tra để đảm bảo các điều kiện về an ninh, an toàn, tiêu chuẩn khai thác trước khi đưa công trình, một phần công trình vào khai thác.

1.2. Các trường hợp kiểm tra để đưa vào khai thác công trình, một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay

- Các công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Điều 18 Nghị định 102 khi đưa công trình vào khai thác.

- Các công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Điều 45 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT.

- Thủ tục hành chính được quy định tại Điều 45 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT.

1.3. Quy trình kiểm tra, đánh giá đưa vào khai thác công trình, một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay

1.3.1. Các bước tiến hành kiểm tra, đánh giá

- Bước 1: Kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ.

- Bước 2: Đánh giá chi tiết hồ sơ.

- Bước 3: Kiểm tra thực tế nếu cần thiết.

- Bước 4: Báo cáo Lãnh đạo Cục HKVN kết quả kiểm tra

- Bước 5: Ban hành văn bản/quyết định đưa công trình vào khai thác.

- Bước 6: Lưu trữ hồ sơ và theo dõi kế hoạch khắc phục các tồn tại thuộc danh mục không đáp ứng nếu có.

Ghi chú: Trong một số trường hợp, bước 2 và bước 3 có thể được thực hiện cùng một lúc nếu xét thấy nội dung kiểm tra không phức tạp, tính chất cấp bách của việc đưa công trình vào khai thác để giảm áp lực quá tải lên kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

1.3.2. Kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ (bước 1)

a) Giao GSV phụ trách nghiên cứu sự đầy đủ của thành phần hồ sơ, gồm:

- Văn bản đề nghị đưa công trình, một phần công trình, vào khai thác bao gồm đầy đủ các thông tin: vị trí và phạm vi đưa vào sử dụng; thời gian đưa vào sử dụng; các thông số kỹ thuật chính của hạng mục công trình; tuổi thọ công trình;

- Bản sao biên bản nghiệm thu giữa chủ đầu tư và các nhà thầu tư vấn thiết kế, giám sát, thẩm tra, nhà thầu thi công.

- Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư;

- Tài liệu khai thác công trình theo hướng dẫn của Cục HKVN, bao gồm các nội dung chính sau: thông số kỹ thuật của công trình; phương án khai thác, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ hàng không; sơ đồ mặt bằng hạ tầng cung cấp dịch vụ; quy trình bảo trì.

- Biên bản/văn bản/hiệp đồng thống nhất với các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, đơn vị quân sự (nếu có).

- Trường hợp các công trình nằm trong tài liệu khai thác sân bay, người khai thác công trình phải trình tài liệu khai thác sân bay sửa đổi; hoặc lập riêng các quy trình khai thác công trình kèm thông số kỹ thuật của công trình, mặt bằng công trình và các nội dung đề nghị đưa vào trang tu chỉnh của tài liệu khai thác sân bay sau khi được phê duyệt.

- Kết quả đo đạc của đơn vị tư vấn đo đạc có thẩm quyền đối với một số thông số có yêu cầu bắt buộc như PCN, độ ma sát, tọa độ vị trí đỗ, tạo độ và cao độ các điểm trọng yếu sân bay.... (nếu có).

- Các tài liệu khác có liên quan như PCCC, môi trường, quy chế an ninh, chương trình an ninh, giấy phép khai thác thiết bị, giấy kiểm định thiết bị (nếu có)

- Các báo cáo của các lần kiểm tra trước đây liên quan đến an toàn khai thác công trình (nếu có);

- Báo cáo đánh giá sự thay đổi theo quy định về SMS sân bay.

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, GSV soạn thảo văn bản trình Trưởng phòng QLCHKSB xem xét, trả lời đơn vị hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, GSV chuẩn bị các nội dung tiếp theo cho cuộc kiểm tra.

c) GSV phải hoàn thành bảng checklist D3 đối với danh mục hồ sơ, tài liệu có liên quan.

1.3.3. Đánh giá chi tiết hồ sơ (bước 2)

a) Trường hợp thấy hồ sơ phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau, GSV báo cáo Lãnh đạo Phòng QLCHKSĐ để trình thành lập tổ AAT trực thuộc Phòng QLCHKSĐ nếu xét thấy sự vụ có tác động lớn đến các hãng hàng không, các đơn vị cung cấp dịch vụ khác tại sân bay hoặc vấn đề phức tạp về an toàn khai thác.

b) Trách nhiệm của các thành viên Tổ AAT:

Theo quy định phần 1 Chương IV

c) Trách nhiệm của Tổ trưởng:

Theo quy định phần 1 Chương IV

d) GSV phụ trách gửi hồ sơ cho các thành viên của tổ AAT để nghiên cứu, đánh giá.

đ) Tổ trưởng AAT giao nhiệm vụ cho các thành viên tổ chức nghiên cứu, đánh giá; việc đánh giá thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức họp thẩm định. Việc lấy ý kiến hoặc tổ chức họp thẩm định cần mời thêm các đơn vị có liên quan như hãng hàng không, các đơn vị chịu tác động khác nếu có (các cơ quan, đơn vị quân đội, các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không ...).

e) Nội dung đánh giá chi tiết hồ sơ

Quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ tập trung vào các nội dung sau:

- Kiểm tra tính chính xác các thông số kỹ thuật của công trình bằng cách đối chiếu với hồ sơ nghiệm thu công trình, kết quả đo đạc của đơn vị tư vấn đo đạc có thẩm quyền đối với một số thông số có yêu cầu bắt buộc như PCN, độ ma sát, tọa độ vị trí đỗ, tạo độ và cao độ các điểm trọng yếu sân bay...

- Kiểm tra sự phù hợp của thông số kỹ thuật công trình, thông số kỹ thuật thiết bị so với tiêu chuẩn khai thác của Annex 14, quy định của Cục HKVN (như cự ly công bố, các khoảng cách an toàn,...).

- Rà soát các quy trình khai thác của công trình để phù hợp với tiêu chuẩn khai thác, quy trình khai thác chung của cảng hàng không, sân bay.

- Rà soát các khuyến cáo còn tồn tại nếu có trong các tài liệu có liên quan đến

nghiệm thu công trình, PCCC, môi trường, an ninh của cơ quan QLNN có liên quan kèm các bằng chứng người khai thác công trình đã hoàn thành việc khắc phục các khuyến cáo trên.

- Rà soát báo cáo đánh giá sự thay đổi theo quy định về SMS sân bay, đánh giá lại các kết quả của người khai thác công trình liên quan đến nhận diện các mối nguy liên quan đến sự thay đổi, phương án khắc phục kèm theo.

- Đánh giá thời gian đưa công trình vào khai thác có phù hợp với quy trình thông báo tin tức hàng không.

- Rà soát tài liệu có liên quan và xác định các tài liệu cần phải cập nhật, bổ sung đồng bộ.

Thực hiện theo checklist D4

g) Các thành viên AAT báo cáo tổ trưởng tổ AAT kết quả đánh giá. Tổ trưởng tổ AAT có trách nhiệm tổng hợp/chỉ đạo tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ tài liệu kèm kế hoạch kiểm tra thực tế nếu cần thiết cho Lãnh đạo Phòng QLCHKSB, kế hoạch bao gồm cả việc đề xuất các chuyên gia, nhân viên khác của CAA tham gia nếu có. Lãnh đạo Phòng QLCHKSB xem xét, quyết định sự cần thiết phải kiểm tra thực tế để báo cáo Lãnh đạo Cục chấp thuận.

h) Lãnh đạo Phòng QLCHKSB báo cáo Lãnh đạo Cục phê chuẩn kế hoạch của AAT.

1.3.4. Kiểm tra thực tế (bước 3)

1.3.4.1. Mục đích, yêu cầu kiểm tra thực tế

a) Mục đích của danh mục kiểm tra là giúp thành viên kiểm tra không bỏ sót các khoản mục kiểm tra; đối chiếu số liệu thông số kỹ thuật của công trình, thiết bị so với thực tế; thu thập thêm các bằng chứng để củng cố kết quả kiểm tra hồ sơ; đánh giá thực tế các điều kiện về an ninh an toàn khi đưa công trình vào khai thác trong tổng thể khai thác của 01 cảng hàng không.

b) Tiêu chuẩn hóa việc tiến hành kiểm tra nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng, đáng tin cậy. Ngoài ra, điều này cũng mang đến một mức độ rõ ràng cho tất cả các tổ chức được kiểm tra.

c) Việc kiểm tra thực tế phải thực hiện theo danh mục kiểm tra. AAT chuẩn bị danh mục kiểm tra thực tế. Tùy thuộc vào hạng mục công trình, AAT có thể lựa chọn

toàn bộ hoặc một phần các danh mục checklist có sẵn trong tài liệu này kèm các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho việc kiểm tra thực tế; trường hợp cần thiết, AAT có thể bổ sung danh mục checklist. Tuy nhiên việc bổ sung danh mục checklist phải dựa trên cơ sở pháp lý rõ ràng.

1.3.4.2. Chuẩn bị lịch trình kiểm tra:

- a) Khi xây dựng kế hoạch kiểm tra, AAT cần phải xem xét các yếu tố sau:
- Các khu vực/các hoạt động/các đơn vị được kiểm tra;
 - Xác định các đối tượng cần được phỏng vấn;
 - Xác định các yêu cầu của cuộc kiểm tra, bao gồm: Hội họp, phỏng vấn, xem xét hồ sơ tài liệu, kiểm tra thực tế tại cơ sở, quan sát các thao tác đối với các nhân viên khi đang thực hiện nhiệm vụ, thảo luận với nhân viên vận hành;
 - Ước lượng thời gian cần thiết để hoàn thành các hoạt động được dự kiến trước.
 - Lên kế hoạch họp tuyên bố và kết thúc;
 - Dự phòng thời gian cho việc xem xét các hồ sơ, tài liệu không nhận được trước cuộc kiểm tra;
 - Dự phòng thời gian cho việc chậm trễ và các tình huống xảy ra ngoài dự kiến.
 - Chuẩn bị phương tiện, thiết bị để kiểm tra thực tế (máy ảnh, máy ghi âm, máy quay, thước đo....) và các tiêu chuẩn, quy định kèm theo.
 - Chuẩn bị các tài liệu, thông tin có liên quan đến hoạt động khai thác tại CHKSB có thể tác động, ảnh hưởng đến việc xem xét, đưa công trình hoặc một phần công trình vào khai thác.
- b) Thông báo kế hoạch kiểm tra: Trước ngày thực hiện kiểm tra, GSV thông báo cho tổ chức được kiểm tra về thời gian, địa điểm, nội dung và phạm vi của cuộc kiểm tra theo kế hoạch đã được Lãnh đạo Cục HKVN phê duyệt.

1.3.4.3. Thực hiện kiểm tra thực tế tại cảng hàng không, sân bay (thực hiện theo checklist D5, D6, D7)

1.3.4.3.1. Các thông tin có thể thu thập bằng cách:

- a) Quan sát;
- b) Xem xét tài liệu;

c) Phòng vấn chính thức và không chính thức.

1.3.4.3.2. Hợp khai mạc

Hoạt động đầu tiên khi bắt đầu kiểm tra là việc tiến hành cuộc họp khai mạc. Mục đích của cuộc họp là để:

- a) Thiết lập sự trao đổi giữa AAT và đại diện của tổ chức được kiểm tra;
- b) Đảm bảo việc hiểu tường tận đối với mục đích của cuộc kiểm tra;
- c) Giải thích việc kiểm tra sẽ được tiến hành như thế nào;
- d) Thảo luận với tổ chức được kiểm tra về những yêu cầu của AAT;
- đ) Làm rõ và xác nhận lại về lịch trình kiểm tra;
- e) Giải quyết các vấn đề quan tâm khác.

1.3.4.3.3. Xác định bằng chứng của sự phù hợp của các quy trình khai thác với tài liệu khai thác sân bay và các quy định đảm bảo an ninh, an toàn khác theo quy định của pháp luật

- a) Tổ trưởng AAT phân công cụ thể các thành viên của đoàn kiểm tra.
- b) Các thành viên AAT tiến hành kiểm tra thông qua các checklist của AAT, trong đó có sử dụng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ việc kiểm tra.
- c) Ngoài các bằng chứng trên, AAT cần phải thu thập thêm các chứng cứ từ việc đánh giá từng quy trình, trang thiết bị, cơ sở vật chất thông qua việc quan sát và thảo luận để xác định việc tuân thủ đối với các yêu cầu, các quy định, các tiêu chuẩn đã được phê duyệt (nếu cần thiết).
- d) Nếu thấy có sự không phù hợp thì đưa ra các cơ sở, các lập luận để chứng minh sự không phù hợp đó và lập hồ sơ về sự không phù hợp đó (gồm các chú thích trong checklist, các hình ảnh minh họa...).
- đ) Khi tiến hành kiểm tra, quan sát phải đảm bảo không làm ảnh hưởng tới hoạt động của các nhân viên hàng không khác, không làm bất cứ điều gì phá vỡ tiến trình công việc, hoặc lôi kéo sự tập trung của nhân viên ra khỏi nhiệm vụ chính của họ.
- e) Yêu cầu vận hành thử các trang thiết bị của công trình để kiểm tra lại tình trạng hoạt động bình thường của các trang thiết bị.
- g) Nhận biết các nội dung theo danh mục không đáp ứng để đề nghị đưa vào trong tài liệu khai thác sân bay. Nhận biết sự không phù hợp khác nếu có, thảo luận

về sự không phù hợp này với đại diện của đơn vị và tổ AAT để bổ sung vào danh mục không đáp ứng.

h) GSV phải thực hiện kiểm tra theo đúng danh mục kiểm tra đã được lập, lưu giữ các thông tin quan sát được.

1.3.4.3.4. Phỏng vấn

a) Một nhân tố quan trọng khác của cuộc kiểm tra là việc phỏng vấn các nhân sự được lựa chọn từ các tổ chức hoạt động tại cảng hàng không. Vị trí và chức danh công việc của người được phỏng vấn sẽ xác định loại hình và phạm vi của các câu hỏi được đặt ra đối với người được phỏng vấn. Tốt nhất là phỏng vấn các đại diện cấp cao trước tiên, rồi sau đó là các cuộc phỏng vấn với các chức danh quản lý và các nhân sự chủ chốt như được xác định trong kế hoạch kiểm tra. Việc phỏng vấn này có thể được mở rộng đến các nhân viên riêng biệt nếu thấy cần thiết.

b) Khi phỏng vấn được hỏi bằng các câu hỏi mở dựa trên danh mục kiểm tra. Dựa vào thông tin nhận được, có thể hỏi những câu hỏi có chuyên môn sâu hơn nếu thấy cần thiết. Tránh hỏi các câu hỏi mà có thể trả lời bằng một từ đơn giản là “có” hoặc “không”. Cố gắng tập trung hỏi sâu vào những gì đang diễn ra, chứ không phải những gì có thể xảy ra trong tương lai.

c) Các cuộc phỏng vấn chính thức cần phải được tổ chức cẩn trọng. Mục tiêu của các cuộc phỏng vấn chính thức là để tiếp xúc trực tiếp với các đại diện chủ chốt của các tổ chức hoạt động khai thác công trình để thảo luận các vấn đề hiện tại. Việc quan sát tại hiện trường thường được diễn ra trước các cuộc phỏng vấn vì thế kiểm tra viên đã thấy được tình trạng và có thể đã chú ý đến những sự sai biệt hoặc có tính chất khác thường của hệ thống. Bất kỳ sự sai khác nào cũng đều phải được đưa ra cho phía được kiểm tra biết trong các cuộc phỏng vấn sau đó. Địa điểm tổ chức cuộc phỏng vấn cũng quan trọng. Việc chọn các văn phòng của cá nhân thường là lựa chọn tốt nhất, vì việc phỏng vấn tại môi trường làm việc bình thường có thể tạo ra một bầu không khí cởi mở và làm giảm sự căng thẳng giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn. Theo nguyên tắc, GSV phải là người đi đến gặp người được kiểm tra. Điều này tốt hơn việc gặp gỡ các cá nhân tại văn phòng của kiểm tra viên và giúp tránh đi cảm giác của một cuộc thẩm vấn.

1.3.4.3.5. Họp kết thúc

- Mục tiêu và các hoạt động của họp kết thúc sau khi kiểm tra là để:

- Các GSV báo cáo kết quả kiểm tra thực tế tại cuộc họp để thảo luận, thống nhất giữa AAT và đơn vị được kiểm tra.
- Đơn vị được kiểm tra giải trình, tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến.
- Trình bày sự không phù hợp (các phát hiện) trong cuộc kiểm tra;
- Các phát hiện phải được giải thích, thảo luận làm rõ;
- Xác nhận các hành động khắc phục (nếu có thể) và thống nhất khung thời gian để thực hiện chúng;
- Nêu yêu cầu trong báo cáo kết luận kiểm tra cùng với khung thời gian thực thi;
- Tiếp thu, xử lý các kiến nghị, đề xuất của đơn vị được kiểm tra.
- Thảo luận, thống nhất giữa AAT và đơn vị được kiểm tra, bao gồm cả việc bảo lưu ý kiến của đơn vị được kiểm tra cũng như các thành viên của đoàn kiểm tra và lập thành Biên bản kiểm tra thực tế.
- Lưu danh sách những người tham dự cuộc họp;

1.3.5. Báo cáo Lãnh đạo Cục HKVN kết quả kiểm tra (bước 4)

1.3.5.1. Báo cáo kiểm tra là một hệ thống tài liệu chính thức nhằm báo cáo các kết quả kiểm tra đến lãnh đạo Cục HKVN. Báo cáo phải ghi nhận một cách chính xác tất cả những gì đã diễn ra trong suốt cuộc kiểm tra, nó phải phản ánh được tinh thần chung của cuộc kiểm tra và không chứa đựng điều gì sai thực tế hoặc nằm ngoài các nội dung kiểm tra, biên bản kiểm tra.

1.3.5.2. Sau khi kết thúc kiểm tra, giám sát và lập báo cáo kiểm tra, mỗi giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay phải hoàn thành, ký tên và gửi checklist kiểm tra, đánh giá của mình cho tổ trưởng AAT ngay khi kết thúc việc kiểm tra. Trường hợp kiểm tra theo từng nhóm nhiều hơn 01 giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay thì toàn bộ các giám sát viên trong nhóm đều phải ký tên trước khi gửi tổ trưởng AAT.

Báo cáo kiểm tra được tính hợp trong các checklist kiểm tra, trường hợp cần thiết các GSV có thể làm báo cáo riêng để gửi tổ trưởng AAT. Báo cáo kiểm tra phải cung cấp các đánh giá của giám sát viên về kết quả kiểm tra.

1.3.5.3. Trách nhiệm của Tổ trưởng tổ AAT là phải xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra của tổ AAT dựa trên cơ sở sự xác nhận và thống nhất trong cuộc họp kết thúc

(thống nhất bằng Biên bản cuộc họp). Tổ trưởng phải ký báo cáo và thay mặt tổ AAT báo cáo kết quả kiểm tra thực tế kèm các tồn tại với Trưởng phòng QLCHKSB để xem xét thông qua nội dung đề báo cáo Lãnh đạo Cục HKVN. Các tồn tại gồm:

- Các tồn tại có thể khắc phục được ngay trước thời điểm đưa công trình vào khai thác.

- Các tồn tại cần thời gian, lộ trình thực hiện khắc phục đã được thống nhất với AAT tại cuộc kiểm tra (tồn tại thuộc danh mục không đáp ứng)

1.3.5.4. AAT soạn thảo văn bản trình Lãnh đạo Phòng QLCHKSB thông qua nội dung trước khi trình Lãnh đạo Cục HKVN thông qua kết quả kiểm tra và ra thông báo kết quả kiểm tra kèm các yêu cầu lập kế hoạch khắc phục tồn tại (nếu có) đến đơn vị được kiểm tra.

1.3.6. Ra Quyết định đưa công trình vào khai thác (Bước 5)

- Trường hợp không có các yêu cầu khắc phục hoặc đơn vị đã hoàn thành, có báo cáo hoàn thành việc khắc phục và Lãnh đạo Cục thông qua kế hoạch khắc phục các tồn tại thuộc danh mục không đáp ứng, tổ AAT soạn thảo Quyết định trình Lãnh đạo Phòng QLCHKSB xem xét, trình Lãnh đạo Cục HKVN ban hành quyết định đưa công trình vào khai thác.

- GSV phối hợp với cơ quan thông báo tin tức hàng không để thực hiện quy trình thông báo tin tức hàng không theo quy định đối với kết cấu hạ tầng thuộc danh mục công trình phải thông báo tin tức hàng không theo quy định của Pháp luật; triển khai việc lưu trữ hồ sơ và theo dõi kế hoạch khắc phục các tồn tại thuộc danh mục không đáp ứng.

1.3.7. Lưu trữ hồ sơ kiểm tra và theo dõi kế hoạch khắc phục tồn tại trong danh mục không đáp ứng (bước 6)

1.3.7.1. Tất cả tài liệu có liên quan đến cuộc kiểm tra, cấp phép đưa công trình vào khai thác phải được lưu trữ tại Phòng QLCHKSB sau khi hoàn tất cuộc kiểm tra. Tối thiểu, các tài liệu phải bao gồm:

- Hồ sơ đề nghị của đơn vị.

- Kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ.

- Hồ sơ, tài liệu, kết quả kiểm tra thực tế (bao gồm đầy đủ các văn bản triển khai, checklist, các ghi nhận, các bằng chứng do đoàn kiểm tra thu thập được biên

bản, báo cáo... có liên quan)

- Hồ sơ các văn bản báo cáo kết quả khắc phục, kế hoạch khắc phục các tồn tại trong danh mục không đáp ứng.

- Phản hồi sau kiểm tra từ đơn vị được kiểm tra (nếu có).

- Văn bản chấp thuận của Cục HKVN

1.3.7.2. GSV lưu hồ sơ liên quan đến quá trình giải quyết thủ tục đưa công trình vào khai thác vào từng hồ sơ sân bay theo quy định lưu trữ chung của CAA.

1.3.7.3. GSV cập nhật Sổ đăng bạ Cảng hàng không, sân bay do Phòng QLCHKSB quản lý.

1.3.7.4. Phòng Quản lý cảng HKSB có trách nhiệm thiết lập và duy trì một cơ sở dữ liệu kiểm tra chứa đựng tất cả các phát hiện thu thập được từ các cuộc kiểm tra của tất cả các đơn vị được kiểm tra. Cơ sở dữ liệu này sẽ được sử dụng để theo dõi, giám sát liên tục đối với hoạt động khai thác tại cảng hàng không.

1.3.7.5. Theo dõi kế hoạch khắc phục

b) Sau khi nhận văn bản thông báo của Cục HKVN về kết quả kiểm tra thực tế kèm các phát hiện sự không phù hợp, người đề nghị đưa công trình vào khai thác phải thực hiện các giải pháp để khắc phục các tồn tại trong danh mục không đáp ứng theo văn bản thông báo của Cục HKVN.

c) Kế hoạch thực hiện khắc phục phải liệt kê chi tiết các biện pháp, dự kiến thời gian để khắc phục tất cả các phát hiện về sự không phù hợp và đưa ra giải pháp để ngăn chặn sự không phù hợp đó tái diễn trong tương lai.

d) Việc không đưa ra Kế hoạch thực hiện khắc phục, hoặc không tuân thủ thời hạn theo kế hoạch thực hiện khắc phục, hoặc không thực hiện các biện pháp được đề ra trong Kế hoạch thực hiện khắc phục, nhà chức trách hàng không sẽ đưa ra các biện pháp xử lý theo quy định hiện hành.

đ) Kế hoạch thực hiện khắc phục tối thiểu phải chứa đựng các nội dung sau:

- Các yếu tố cần thiết phải cải thiện;

- Các hành động khắc phục;

- Xác định người chịu trách nhiệm cho việc thực thi và hoàn thành hoạt động khắc phục;

- Khung thời gian cho việc hoàn thành.

e) Trong trường hợp đơn vị được kiểm tra không thực hiện các hành động khắc phục liên quan đến các phát hiện mà đoàn kiểm tra đưa ra vì họ không đồng ý với kết luận của đoàn kiểm tra, thì đơn vị được kiểm tra phải báo cáo Cục trưởng CAAV bằng văn bản, trong văn bản báo cáo phải nêu rõ các lý do, các bằng chứng không đồng ý với kết luận của đoàn kiểm tra. Cục trưởng Cục HKVN sẽ xem xét và đưa ra quyết định cụ thể.

g) Sau khi đơn vị được kiểm tra thông báo đã hoàn tất kế hoạch khắc phục. Đoàn kiểm tra có thể sẽ tiến hành kiểm tra lại (nếu thấy cần thiết), để đảm bảo rằng các phát hiện đã được xử lý triệt để đáp ứng theo các quy định, quy trình và tiêu chuẩn khai thác hiện hành.

h) Phòng Quản lý cảng HKSB là đơn vị thường trực được giao theo dõi, khắc phục các nội dung chưa đáp ứng liên quan đến an toàn khai thác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng và nhiệm vụ được Cục trưởng giao.

2. KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN ĐÓNG CỬA TẠM THỜI CÔNG TRÌNH, MỘT PHẦN CÔNG TRÌNH THUỘC KẾT CẤU HẠ TẦNG CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

2.1. Mục đích

Kiểm tra để đảm bảo các điều kiện về an ninh, an toàn khai thác trước khi đóng cửa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay

2.2. Các trường hợp kiểm tra để đóng tạm thời công trình, một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay

- Các công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Điều 19 Nghị định 102 khi đưa công trình vào khai thác.

- Các công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Điều 45 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT.

- Thủ tục hành chính được quy định tại Điều 46 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT.

2.3. Quy trình kiểm tra, đánh giá đóng tạm thời công trình, một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay

2.3.1. Các bước tiến hành kiểm tra, đánh giá

- Bước 1: Kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ.

- Bước 2: Đánh giá chi tiết hồ sơ.
- Bước 3: Kiểm tra thực tế nếu cần thiết.
- Bước 4: Báo cáo Lãnh đạo Cục HKVN kết quả kiểm tra
- Bước 5: Ban hành văn bản/quyết định ngừng khai thác công trình hoặc một phần công trình.
- Bước 6: Lưu trữ hồ sơ và theo dõi kế hoạch khắc phục các tồn tại thuộc danh mục không đáp ứng nếu có.

Ghi chú: Trong một số trường hợp, bước 2 và bước 3 có thể được thực hiện cùng một lúc nếu xét thấy nội dung kiểm tra không phức tạp, tính chất cấp bách của việc ngừng khai thác công trình để đảm bảo an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay

2.3.2. Kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ (bước 1) (Thực hiện theo checklist D8)

a) Giao GSV phụ trách nghiên cứu sự đầy đủ của thành phần hồ sơ, gồm:

- Tờ trình xin phép đóng cửa tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: lý do đóng tạm thời; vị trí và phạm vi đóng tạm thời; thời gian đóng tạm thời;
- Bản sao sơ đồ bản vẽ chi tiết khu vực đóng tạm thời;
- Phương án bảo đảm duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời;
- Biên bản/văn bản/hiệp đồng thống nhất với các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, đơn vị quân sự (nếu có) đối với hạng mục công trình khi tạm ngừng khai thác làm ảnh hưởng đến quy trình, phương án khai thác chung của cảng hàng không.
- Biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời.
- Báo cáo đánh giá sự thay đổi theo quy định về SMS sân bay.

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, GSV soạn thảo văn bản trình Trưởng phòng QLCHKSXB xem xét, trả lời đơn vị hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, GSV chuẩn bị các nội dung tiếp theo cho cuộc kiểm tra.

c) GSV phải hoàn thành bảng checklist đối với danh mục hồ sơ, tài liệu có liên quan.

2.3.3. Đánh giá chi tiết hồ sơ (bước 2) (Thực hiện theo checklist D9)

a) Trường hợp thấy hồ sơ phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau, GSV báo cáo Lãnh đạo Phòng QLCHKSĐ để trình thành lập tổ AAT trực thuộc Phòng QLCHKSĐ nếu xét thấy sự vụ có tác động lớn đến các hãng hàng không, các đơn vị cung cấp dịch vụ khác tại sân bay hoặc vấn đề phức tạp về an toàn khai thác.

b) Trách nhiệm của các thành viên Tổ AAT:

Theo quy định phần 1 Chương IV

c) Trách nhiệm của Tổ trưởng:

Theo quy định phần 1 Chương IV

d) GSV phụ trách gửi hồ sơ cho các thành viên của tổ AAT để nghiên cứu, đánh giá.

đ) Tổ trưởng AAT giao nhiệm vụ cho các thành viên tổ chức nghiên cứu, đánh giá; việc đánh giá thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức họp thẩm định. Việc lấy ý kiến hoặc tổ chức họp thẩm định cần mời thêm các đơn vị có liên quan như hãng hàng không, các đơn vị chịu tác động khác nếu có (các cơ quan, đơn vị quân đội, các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không ...).

e) Nội dung đánh giá chi tiết hồ sơ

Quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ tập trung vào các nội dung sau:

- Đánh giá sự chính xác của phạm vi công trình, các ảnh hưởng/tác động của công trình khi đóng cửa tạm thời đến tiêu chuẩn khai thác.

- Đánh giá sự phù hợp về phương án bảo đảm duy trì hoạt động khai thác chung của cảng hàng không, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn theo quy định, tiêu chuẩn khai thác (ví dụ như sơn kẻ tín hiệu, biển báo, hàng rào, sự phù hợp phương án vận hành khai thác nếu việc ngừng khai thác công trình làm tác động, thay đổi đến phương án vận hành khai thác hiện hữu...).

- Đánh giá thời gian đưa công trình vào khai thác có phù hợp với quy trình thông báo tin tức hàng không.

- Đánh giá các ảnh hưởng đến năng lực khai thác chung của CHK và đưa ra giải pháp khai thác phù hợp (nếu có)

- Xem xét các nội dung trong Biên bản/văn bản/hiệp đồng thống nhất với các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, đơn vị quân sự (nếu có) có các tồn tại, khuyến cáo không và đưa ra các giải pháp khắc phục.

- Rà soát tài liệu có liên quan và xác định các tài liệu cần phải cập nhật, bổ sung đồng bộ đối với các công trình đóng tạm thời trong thời gian dài.

g) Các thành viên AAT báo cáo tổ trưởng tổ AAT kết quả đánh giá. Tổ trưởng tổ AAT có trách nhiệm tổng hợp/chỉ đạo tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ tài liệu kèm kế hoạch kiểm tra thực tế nếu cần thiết cho Lãnh đạo Phòng QLCHKS B.

h) Lãnh đạo Phòng QLCHKS B báo cáo Lãnh đạo Cục phê chuẩn kế hoạch của AAT.

2.3.4. Kiểm tra thực tế (bước 3)

2.3.4.1. Mục đích, yêu cầu kiểm tra thực tế

a) Mục đích của danh mục kiểm tra là giúp thành viên kiểm tra không bỏ sót các khoản mục kiểm tra; đối chiếu số liệu thông số kỹ thuật của công trình, thiết bị so với thực tế; thu thập thêm các bằng chứng để củng cố kết quả kiểm tra hồ sơ; đánh giá thực tế các điều kiện về an ninh an toàn khi ngừng khai thác công trình trong tổng thể khai thác của 01 cảng hàng không.

b) Tiêu chuẩn hóa việc tiến hành kiểm tra nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng, đáng tin cậy. Ngoài ra, điều này cũng mang đến một mức độ rõ ràng cho tất cả các tổ chức được kiểm tra.

c) Việc kiểm tra thực tế phải thực hiện theo danh mục kiểm tra. AAT chuẩn bị danh mục kiểm tra thực tế. Tùy thuộc vào hạng mục công trình, AAT có thể lựa chọn toàn bộ hoặc một phần các danh mục checklist có sẵn trong tài liệu này kèm các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho việc kiểm tra thực tế; trường hợp cần thiết, AAT có thể bổ sung danh mục checklist. Tuy nhiên việc bổ sung danh mục checklist phải dựa trên cơ sở pháp lý rõ ràng.

2.3.4.2. Chuẩn bị lịch trình kiểm tra:

a) Khi xây dựng kế hoạch kiểm tra, AAT cần phải xem xét các yếu tố sau:

- Các khu vực/các hoạt động/các đơn vị được kiểm tra;

- Xác định các đối tượng cần được phỏng vấn;

- Xác định các yêu cầu của cuộc kiểm tra, bao gồm: Hội họp, phỏng vấn, xem xét hồ sơ tài liệu, kiểm tra thực tế tại cơ sở, quan sát các thao tác đối với các nhân viên khi đang thực hiện nhiệm vụ, thảo luận với nhân viên vận hành;

- Ước lượng thời gian cần thiết để hoàn thành các hoạt động được dự kiến trước.
- Lên kế hoạch họp tuyên bố và kết thúc;
- Dự phòng thời gian cho việc xem xét các hồ sơ, tài liệu không nhận được trước cuộc kiểm tra;
- Dự phòng thời gian cho việc chậm trễ và các tình huống xảy ra ngoài dự kiến.
- Chuẩn bị phương tiện, thiết bị để kiểm tra thực tế (máy ảnh, máy ghi âm, máy quay, thước đo....) và các tiêu chuẩn, quy định kèm theo.
- Chuẩn bị các tài liệu, thông tin có liên quan đến hoạt động khai thác tại CHKSB có thể tác động, ảnh hưởng đến việc xem xét đóng tạm thời công trình hoặc một phần công trình.

b) Thông báo kế hoạch kiểm tra: Trước ngày thực hiện kiểm tra, GSV thông báo cho tổ chức được kiểm tra về thời gian, địa điểm, nội dung và phạm vi của cuộc kiểm tra theo kế hoạch đã được Lãnh đạo Cục HKVN phê duyệt.

2.3.4.3. Thực hiện kiểm tra thực tế tại cảng hàng không, sân bay

2.3.4.3.1. Các thông tin có thể thu thập bằng cách:

- a) Quan sát;
- b) Xem xét tài liệu;
- c) Phỏng vấn chính thức và không chính thức.

2.3.4.3.2. Họp khai mạc

Hoạt động đầu tiên khi bắt đầu kiểm tra là việc tiến hành cuộc họp khai mạc. Mục đích của cuộc họp là để:

- a) Thiết lập sự trao đổi giữa AAT và đại diện của tổ chức được kiểm tra;
- b) Đảm bảo việc hiểu tường tận đối với mục đích của cuộc kiểm tra;
- c) Giải thích việc kiểm tra sẽ được tiến hành như thế nào;
- d) Thảo luận với tổ chức được kiểm tra về những yêu cầu của AAT;
- đ) Làm rõ và xác nhận lại về lịch trình kiểm tra;
- e) Giải quyết các vấn đề quan tâm khác.

2.3.4.3.3. Xác định bằng chứng của sự phù hợp của các quy trình khai thác với tài

liệu khai thác sân bay và các quy định đảm bảo an ninh, an toàn khác theo quy định của pháp luật

a) Tổ trưởng AAT phân công cụ thể các thành viên của đoàn kiểm tra.

b) Các thành viên AAT tiến hành kiểm tra thông qua các checklist của AAT, trong đó có sử dụng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ việc kiểm tra.

c) Ngoài các bằng chứng trên, AAT cần phải thu thập thêm các chứng cứ từ việc đánh giá từng quy trình, trang thiết bị, cơ sở vật chất thông qua việc quan sát và thảo luận để xác định việc tuân thủ đối với các yêu cầu, các quy định, các tiêu chuẩn đã được phê duyệt (nếu cần thiết).

d) Nếu thấy có sự không phù hợp thì đưa ra các cơ sở, các lập luận để chứng minh sự không phù hợp đó và lập hồ sơ về sự không phù hợp đó (gồm các chú thích trong checklist, các hình ảnh minh họa...).

đ) Khi tiến hành kiểm tra, quan sát phải đảm bảo không làm ảnh hưởng tới hoạt động của các nhân viên hàng không khác, không làm bất cứ điều gì phá vỡ tiến trình công việc, hoặc lôi kéo sự tập trung của nhân viên ra khỏi nhiệm vụ chính của họ.

e) Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn khai thác khi đóng tạm thời công trình, một phần công trình; đánh giá các giải pháp đề xuất của người đề nghị có phù hợp không.

g) GSV phải thực hiện kiểm tra theo đúng danh mục kiểm tra đã được lập, lưu giữ các thông tin quan sát được.

2.3.4.3.4. Phỏng vấn

a) Một nhân tố quan trọng khác của cuộc kiểm tra là việc phỏng vấn các nhân sự được lựa chọn từ các tổ chức hoạt động tại cảng hàng không. Vị trí và chức danh công việc của người được phỏng vấn sẽ xác định loại hình và phạm vi của các câu hỏi được đặt ra đối với người được phỏng vấn. Tốt nhất là phỏng vấn các đại diện cấp cao trước tiên, rồi sau đó là các cuộc phỏng vấn với các chức danh quản lý và các nhân sự chủ chốt như được xác định trong kế hoạch kiểm tra. Việc phỏng vấn này có thể được mở rộng đến các nhân viên riêng biệt nếu thấy cần thiết.

b) Khi phỏng vấn được hỏi bằng các câu hỏi mở dựa trên danh mục kiểm tra. Dựa vào thông tin nhận được, có thể hỏi những câu hỏi có chuyên môn sâu hơn nếu thấy cần thiết. Tránh hỏi các câu hỏi mà có thể trả lời bằng một từ đơn giản là “có” hoặc “không”. Cố gắng tập trung hỏi sâu vào những gì đang diễn ra, chứ không phải

những gì có thể xảy ra trong tương lai.

c) Các cuộc phỏng vấn chính thức cần phải được tổ chức cẩn trọng. Mục tiêu của các cuộc phỏng vấn chính thức là để tiếp xúc trực tiếp với các đại diện chủ chốt của các tổ chức hoạt động khai thác công trình để thảo luận các vấn đề hiện tại. Việc quan sát tại hiện trường thường được diễn ra trước các cuộc phỏng vấn vì thế kiểm tra viên đã thấy được tình trạng và có thể đã chú ý đến những sự sai biệt hoặc có tính chất khác thường của hệ thống. Bất kỳ sự sai khác nào cũng đều phải được đưa ra cho phía được kiểm tra biết trong các cuộc phỏng vấn sau đó. Địa điểm tổ chức cuộc phỏng vấn cũng quan trọng. Việc chọn các văn phòng của cá nhân thường là lựa chọn tốt nhất, vì việc phỏng vấn tại môi trường làm việc bình thường có thể tạo ra một bầu không khí cởi mở và làm giảm sự căng thẳng giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn. Theo nguyên tắc, GSV phải là người đi đến gặp người được kiểm tra. Điều này tốt hơn việc gặp gỡ các cá nhân tại văn phòng của kiểm tra viên và giúp tránh đi cảm giác của một cuộc thẩm vấn.

2.3.4.3.5. Họp kết thúc

Mục tiêu và các hoạt động của họp kết thúc sau khi kiểm tra là để:

- Các GSV báo cáo kết quả kiểm tra thực tế tại cuộc họp để thảo luận, thống nhất giữa AAT và đơn vị được kiểm tra.
- Đơn vị được kiểm tra giải trình, tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến.
- Trình bày sự không phù hợp (các phát hiện) trong cuộc kiểm tra;
- Các phát hiện phải được giải thích, thảo luận làm rõ;
- Thống nhất phương án đảm bảo an toàn khai thác khi đóng tạm thời công trình và thời gian để thực hiện;
- Nêu yêu cầu trong báo cáo kết luận kiểm tra cùng với khung thời gian thực thi;
- Tiếp thu, xử lý các kiến nghị, đề xuất của đơn vị được kiểm tra.
- Thảo luận, thống nhất giữa AAT và đơn vị được kiểm tra, bao gồm cả việc bảo lưu ý kiến của đơn vị được kiểm tra cũng như các thành viên của đoàn kiểm tra và lập thành Biên bản kiểm tra thực tế.
- Lưu danh sách những người tham dự cuộc họp;

2.3.5. Báo cáo Lãnh đạo Cục HKVN kết quả kiểm tra (bước 4)

2.3.5.1. Báo cáo kiểm tra là một hệ thống tài liệu chính thức nhằm báo cáo các kết quả kiểm tra đến lãnh đạo Cục HKVN. Báo cáo phải ghi nhận một cách chính xác tất cả những gì đã diễn ra trong suốt cuộc kiểm tra, nó phải phản ánh được tinh thần chung của cuộc kiểm tra và không chứa đựng điều gì sai thực tế hoặc nằm ngoài các nội dung kiểm tra, biên bản kiểm tra.

2.3.5.2. Sau khi kết thúc kiểm tra, giám sát và lập báo cáo kiểm tra, mỗi giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay phải hoàn thành, ký tên và gửi checklist kiểm tra, đánh giá của mình cho tổ trưởng AAT ngay khi kết thúc việc kiểm tra. Trường hợp kiểm tra theo từng nhóm nhiều hơn 01 giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay thì toàn bộ các giám sát viên trong nhóm đều phải ký tên trước khi gửi tổ trưởng AAT.

Báo cáo kiểm tra được tính hợp trong các checklist kiểm tra, trường hợp cần thiết các GSV có thể làm báo cáo riêng để gửi tổ trưởng AAT. Báo cáo kiểm tra phải cung cấp các đánh giá của giám sát viên về kết quả kiểm tra.

2.3.5.3. Trách nhiệm của Tổ trưởng tổ AAT là phải xây dựng báo cáo kiểm tra của tổ AAT dựa trên cơ sở sự xác nhận và thống nhất trong cuộc họp kết thúc (thông nhất bằng Biên bản cuộc họp). Tổ trưởng phải ký báo cáo và thay mặt tổ AAT báo cáo kết quả kiểm tra thực tế với Trưởng phòng QLCHKSB để thông qua nội trước khi báo cáo Lãnh đạo Cục HKVN, trong đó xác định rõ các yêu cầu và phương án đảm bảo an ninh, an toàn khai thác khi đóng tạm thời công trình.

2.3.5.4. AAT soạn thảo văn bản trình lãnh đạo Phòng QLCHKSB thông qua nội dung trước khi trình Lãnh đạo Cục HKVN thông qua kết quả kiểm tra và ra thông báo kết quả kiểm tra kèm các yêu cầu lập khắc phục tồn tại (nếu có) đến đơn vị được kiểm tra.

2.3.6. Ra Quyết định dừng khai thác tạm thời công trình hoặc một phần công trình (Bước 5)

- Tổ AAT soạn thảo văn bản/ quyết định trình Lãnh đạo Phòng QLCHKSB xem xét, trình Lãnh đạo Cục HKVN chấp thuận việc đóng tạm thời công trình hoặc một phần công trình.

- GSV phối hợp với cơ quan thông báo tin tức hàng không để thực hiện quy trình thông báo tin tức hàng không theo quy định đối với kết cấu hạ tầng thuộc danh

mục công trình phải thông báo tin tức hàng không theo quy định của Pháp luật; triển khai việc lưu trữ hồ sơ và theo dõi thời hạn đóng tạm thời công trình.

2.3.7. Lưu trữ hồ sơ kiểm tra (bước 6)

2.3.7.1. Tất cả tài liệu có liên quan đến việc đóng tạm thời công trình phải được lưu trữ tại Phòng QLCHKSB sau khi hoàn tất cuộc kiểm tra. Tối thiểu, các tài liệu phải bao gồm:

- Hồ sơ đề nghị của đơn vị.
- Kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ.
- Hồ sơ, tài liệu, kết quả kiểm tra thực tế (bao gồm đầy đủ các văn bản triển khai, checklist, các ghi nhận, các bằng chứng do đoàn kiểm tra thu thập được biên bản, báo cáo ... có liên quan)
- Phản hồi sau kiểm tra từ đơn vị được kiểm tra (nếu có).
- Văn bản chấp thuận của Cục HKVN.

2.3.7.2. GSV lưu hồ sơ liên quan đến quá trình giải quyết thủ tục đóng tạm thời công trình vào từng hồ sơ sân bay theo quy định lưu trữ chung của CAA.

2.3.7.3. GSV cập nhật Sổ đăng bạ Cảng hàng không, sân bay do Phòng QLCHKSB quản lý.

2.3.7.4. Phòng Quản lý cảng HKSB có trách nhiệm thiết lập và duy trì một cơ sở dữ liệu kiểm tra chứa đựng tất cả các phát hiện thu thập được từ các cuộc kiểm tra của tất cả các đơn vị được kiểm tra. Cơ sở dữ liệu này sẽ được sử dụng để theo dõi, giám sát liên tục đối với hoạt động khai thác tại cảng hàng không.

3. KIỂM TRA, CHẤP THUẬN VIỆC XÂY DỰNG, CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÔNG TRÌNH; BẢO TRÌ, SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH, LẮP ĐẶT, BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA THIẾT BỊ TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

3.1. Mục đích

Kiểm tra chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn khai thác tại CHKSB khi tiến hành xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay

3.2. Các trường hợp kiểm tra để chấp thuận xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay

- Các công trình thuộc cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Điều 18 Nghị định 102 khi đưa công trình vào khai thác.

- Các công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Điều 44 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT.

- Thủ tục hành chính được quy định tại Điều 44 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT.

3.3. Quy trình kiểm tra, đánh giá các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn khai thác trong quá trình xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay

3.3.1. Các bước tiến hành kiểm tra, đánh giá

- Bước 1: Kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ.

- Bước 2: Đánh giá chi tiết hồ sơ.

- Bước 3: Kiểm tra thực tế nếu cần thiết.

- Bước 4: Báo cáo Lãnh đạo Cục HKVN kết quả kiểm tra

- Bước 5: Ban hành văn bản/quyết định ngừng khai thác công trình hoặc một phần công trình.

- Bước 6: Lưu trữ hồ sơ và theo dõi kế hoạch khắc phục các tồn tại thuộc danh mục không đáp ứng nếu có.

Ghi chú:

- Trong một số trường hợp, bước 2 và bước 3 có thể được thực hiện cùng một lúc nếu xét thấy nội dung kiểm tra cần gắn với thực tế tại hiện trường và rút ngắn thời gian thẩm định, kiểm tra thực tế để đảm bảo thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

- Việc tổ chức họp rộng rãi lấy ý kiến và kết hợp kiểm tra thực tế lần thẩm định hồ sơ phải được Trưởng phòng QLCHKSB xem xét, trình Lãnh đạo Cục HKVN quyết định.

3.3.2. Kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ (bước 1) (Thực hiện theo checklist D1)

a) Giao GSV phụ trách nghiên cứu sự đầy đủ của thành phần hồ sơ, gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận;
 - Phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công;
 - Thỏa thuận phương án bảo đảm an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay với cơ quan, đơn vị liên quan. Trong bước thỏa thuận này cần lưu ý phải đảm bảo có các văn bản thỏa thuận có liên quan như:
 - + Biên bản/văn bản/hiệp đồng thống nhất với các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay,
 - + Biên bản/văn bản/hiệp đồng thống nhất với đơn vị quân sự (nếu có) đối với hạng mục công trình khi thi công làm ảnh hưởng đến quy trình, phương án khai thác chung của cảng hàng không, sân bay giữa dân dụng – quân sự; hoặc thi công trên phần đất do quân sự quản lý; hoặc thi công trên tài sản dùng chung dân dụng – quân sự do quân sự quản lý.
 - Biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời. Trong biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn cần lưu ý đảm bảo các hồ sơ gồm:
 - + Biện pháp thi công được nhà thầu thi công lập và chủ đầu tư phê duyệt.
 - + Báo cáo đánh giá sự thay đổi theo quy định về SMS sân bay.
- b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, GSV soạn thảo văn bản trình Trưởng phòng QLCHKSB xem xét, trả lời đơn vị hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, GSV chuẩn bị các nội dung tiếp theo cho cuộc kiểm tra.
- c) GSV phải hoàn thành bảng checklist đối với danh mục hồ sơ, tài liệu có liên quan.

3.3.3. Đánh giá chi tiết hồ sơ (bước 2) (thực hiện theo checklist D2):

a) Trường hợp thấy hồ sơ phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau, GSV báo cáo Lãnh đạo Phòng QLCHKSB để trình thành lập tổ AAT trực thuộc Phòng QLCHKSB nếu xét thấy sự vụ có tác động lớn đến các hãng hàng không, các đơn vị cung cấp dịch vụ khác tại sân bay hoặc vấn đề phức tạp về an toàn khai thác.

b) Trách nhiệm của các thành viên Tổ AAT:

Theo quy định phần 1 Chương IV

c) Trách nhiệm của Tổ trưởng:

Theo quy định phần 1 Chương IV

d) GSV phụ trách gửi hồ sơ cho các thành viên của tổ AAT đề nghiên cứu, đánh giá.

đ) Tổ trưởng AAT giao nhiệm vụ cho các thành viên tổ chức nghiên cứu, đánh giá; việc đánh giá thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức họp thẩm định. Việc lấy ý kiến hoặc tổ chức họp thẩm định cần mời thêm các đơn vị có liên quan như hãng hàng không, các đơn vị chịu tác động khác nếu có (các cơ quan, đơn vị quân đội, các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không ...).

e) Nội dung đánh giá chi tiết hồ sơ

Quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ tập trung vào các nội dung sau:

- Đánh giá sự chính xác của phạm vi công trình, các ảnh hưởng/tác động của công trình khi thi công đến tiêu chuẩn khai thác.

- Đánh giá sự phù hợp về phương án, biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khai thác theo những ảnh hưởng, tác động của công trình thi công đến hoạt động chung của cảng hàng không (ví dụ như phương án bố trí lại tàu bay đỗ; sơn kẻ tín hiệu, biển báo, hàng rào; sự phù hợp phương án vận hành khai thác nếu việc ngừng khai thác công trình làm tác động, thay đổi đến phương án vận hành khai thác hiện hữu...).

- Đánh giá thời gian đề nghị thi công công trình có phù hợp với quy trình thông báo tin tức hàng không.

- Đánh giá các ảnh hưởng đến năng lực khai thác chung của CHK và đưa ra giải pháp khai thác phù hợp (nếu có)

- Xem xét các nội dung trong Biên bản/văn bản/hiệp đồng thống nhất với các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, đơn vị quân sự (nếu có) có các tồn tại, khuyến cáo không và đưa ra các giải pháp khắc phục.

g) Các thành viên AAT báo cáo tổ trưởng tổ AAT kết quả đánh giá. Tổ trưởng tổ AAT có trách nhiệm tổng hợp/chỉ đạo tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ tài liệu kèm kế hoạch kiểm tra thực tế nếu cần thiết cho Lãnh đạo Phòng QLCHKS. B.

h) Lãnh đạo Phòng QLCHKS. B báo cáo Lãnh đạo Cục phê chuẩn kế hoạch của AAT.

3.3.4. Kiểm tra thực tế (bước 3)

3.3.4.1. Mục đích, yêu cầu kiểm tra thực tế

a) Mục đích của danh mục kiểm tra là giúp thành viên kiểm tra không bỏ sót các khoản mục kiểm tra; đối chiếu số liệu thông số kỹ thuật của công trình, thiết bị so với thực tế; thu thập thêm các bằng chứng để củng cố kết quả kiểm tra hồ sơ; đánh giá thực tế các điều kiện về an ninh an toàn khi ngừng khai thác công trình trong tổng thể khai thác của 01 cảng hàng không.

b) Tiêu chuẩn hóa việc tiến hành kiểm tra nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng, đáng tin cậy. Ngoài ra, điều này cũng mang đến một mức độ rõ ràng cho tất cả các tổ chức được kiểm tra.

c) Việc kiểm tra thực tế phải thực hiện theo danh mục kiểm tra. AAT chuẩn bị danh mục kiểm tra thực tế. Tùy thuộc vào hạng mục công trình, AAT có thể lựa chọn toàn bộ hoặc một phần các danh mục checklist có sẵn trong tài liệu này kèm các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho việc kiểm tra thực tế; trường hợp cần thiết, AAT có thể bổ sung danh mục checklist. Tuy nhiên việc bổ sung danh mục checklist phải dựa trên cơ sở pháp lý rõ ràng.

3.3.4.2. Chuẩn bị lịch trình kiểm tra

- a) Khi xây dựng kế hoạch kiểm tra, AAT cần phải xem xét các yếu tố sau:
- Các khu vực/các hoạt động/các đơn vị được kiểm tra;
 - Xác định các đối tượng cần được phỏng vấn nếu cần thiết;
 - Xác định các yêu cầu của cuộc kiểm tra, bao gồm: Hội họp, phỏng vấn, xem xét hồ sơ tài liệu, kiểm tra thực tế tại cơ sở;
 - Ước lượng thời gian cần thiết để hoàn thành các hoạt động được dự kiến trước.
 - Lên kế hoạch họp tuyên bố và kết thúc;
 - Dự phòng thời gian cho việc xem xét các hồ sơ, tài liệu không nhận được trước cuộc kiểm tra;
 - Dự phòng thời gian cho việc chậm trễ và các tình huống xảy ra ngoài dự kiến.
 - Chuẩn bị phương tiện, thiết bị để kiểm tra thực tế (máy ảnh, máy ghi âm, máy quay, thước đo....) và các tiêu chuẩn, quy định kèm theo.
 - Chuẩn bị các tài liệu, thông tin có liên quan đến hoạt động khai thác tại

CHKSB có thể tác động, ảnh hưởng đến việc xem xét thi công công trình hoặc một phần công trình.

b) Thông báo kế hoạch kiểm tra: Trước ngày thực hiện kiểm tra, GSV thông báo cho tổ chức được kiểm tra về thời gian, địa điểm, nội dung và phạm vi của cuộc kiểm tra theo kế hoạch đã được Lãnh đạo Cục HKVN phê duyệt.

3.3.4.3. Thực hiện kiểm tra thực tế tại cảng hàng không, sân bay

3.3.4.3.1. Các thông tin có thể thu thập bằng cách:

- a) Quan sát;
- b) Xem xét tài liệu;
- c) Phỏng vấn chính thức và không chính thức.

3.3.4.3.2. Họp khai mạc

Hoạt động đầu tiên khi bắt đầu kiểm tra là việc tiến hành cuộc họp khai mạc. Mục đích của cuộc họp là để:

- a) Thiết lập sự trao đổi giữa AAT và đại diện của tổ chức được kiểm tra;
- b) Đảm bảo việc hiểu tường tận đối với mục đích của cuộc kiểm tra;
- c) Giải thích việc kiểm tra sẽ được tiến hành như thế nào;
- d) Thảo luận với tổ chức được kiểm tra về những yêu cầu của AAT;
- đ) Làm rõ và xác nhận lại về lịch trình kiểm tra;
- e) Giải quyết các vấn đề quan tâm khác.

3.3.4.3.3. Xác định bằng chứng của sự phù hợp của các quy trình khai thác với tài liệu khai thác sân bay và các quy định đảm bảo an ninh, an toàn khác theo quy định của pháp luật

- a) Tổ trưởng AAT phân công cụ thể các thành viên của đoàn kiểm tra.
- b) Các thành viên AAT tiến hành kiểm tra thông qua các checklist của AAT, trong đó có sử dụng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ việc kiểm tra.
- c) Ngoài các bằng chứng trên, AAT cần phải thu thập thêm các chứng cứ từ việc đánh giá từng quy trình, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng thông qua việc quan sát và thảo luận để xác định việc tuân thủ đối với các yêu cầu, các quy định, các tiêu chuẩn đã được phê duyệt (nếu cần thiết).

d) Nếu thấy có sự không phù hợp thì đưa ra các cơ sở, các lập luận để chứng minh sự không phù hợp đó và lập hồ sơ về sự không phù hợp đó (gồm các chú thích trong checklist, các hình ảnh minh họa...).

đ) Khi tiến hành kiểm tra, quan sát phải đảm bảo không làm ảnh hưởng tới hoạt động của các nhân viên hàng không khác, không làm bất cứ điều gì phá vỡ tiến trình công việc, hoặc lôi kéo sự tập trung của nhân viên ra khỏi nhiệm vụ chính của họ.

e) Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn khai thác khi đóng tạm thời công trình, một phần công trình; đánh giá các giải pháp đề xuất của người đề nghị có phù hợp không.

g) GSV phải thực hiện kiểm tra theo đúng danh mục kiểm tra đã được lập, lưu giữ các thông tin quan sát được.

3.3.4.3.4. Phỏng vấn

a) Một nhân tố quan trọng khác của cuộc kiểm tra là việc phỏng vấn các nhân sự được lựa chọn từ các tổ chức hoạt động tại cảng hàng không. Vị trí và chức danh công việc của người được phỏng vấn sẽ xác định loại hình và phạm vi của các câu hỏi được đặt ra đối với người được phỏng vấn. Tốt nhất là phỏng vấn các đại diện cấp cao trước tiên, rồi sau đó là các cuộc phỏng vấn với các chức danh quản lý và các nhân sự chủ chốt như được xác định trong kế hoạch kiểm tra. Việc phỏng vấn này có thể được mở rộng đến các nhân viên riêng biệt nếu thấy cần thiết.

b) Khi phỏng vấn được hỏi bằng các câu hỏi mở dựa trên danh mục kiểm tra. Dựa vào thông tin nhận được, có thể hỏi những câu hỏi có chuyên môn sâu hơn nếu thấy cần thiết. Tránh hỏi các câu hỏi mà có thể trả lời bằng một từ đơn giản là “có” hoặc “không”. Cố gắng tập trung hỏi sâu vào những gì đang diễn ra, chứ không phải những gì có thể xảy ra trong tương lai.

c) Các cuộc phỏng vấn chính thức cần phải được tổ chức cẩn trọng. Mục tiêu của các cuộc phỏng vấn chính thức là để tiếp xúc trực tiếp với các đại diện chủ chốt của các tổ chức hoạt động khai thác công trình để thảo luận các vấn đề hiện tại. Việc quan sát tại hiện trường thường được diễn ra trước các cuộc phỏng vấn vì thế kiểm tra viên đã thấy được tình trạng và có thể đã chú ý đến những sự sai biệt hoặc có tính chất khác thường của hệ thống. Bất kỳ sự sai khác nào cũng đều phải được đưa ra cho phía được kiểm tra biết trong các cuộc phỏng vấn sau đó. Địa điểm tổ chức cuộc phỏng vấn cũng quan trọng. Việc chọn các văn phòng của cá nhân thường là lựa chọn

tốt nhất, vì việc phỏng vấn tại môi trường làm việc bình thường có thể tạo ra một bầu không khí cởi mở và làm giảm sự căng thẳng giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn. Theo nguyên tắc, GSV phải là người đi đến gặp người được kiểm tra. Điều này tốt hơn việc gặp gỡ các cá nhân tại văn phòng của kiểm tra viên và giúp tránh đi cảm giác của một cuộc thẩm vấn.

3.3.4.3.5. Họp kết thúc

Mục tiêu và các hoạt động của họp kết thúc sau khi kiểm tra là để:

- Các GSV báo cáo kết quả kiểm tra thực tế tại cuộc họp để thảo luận, thống nhất giữa AAT và đơn vị được kiểm tra.
- Đơn vị được kiểm tra giải trình, tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến.
- Trình bày sự không phù hợp (các phát hiện) trong cuộc kiểm tra;
- Các phát hiện phải được giải thích, thảo luận làm rõ;
- Thống nhất phương án đảm bảo an toàn khai thác khi thi công công trình và thời gian để thực hiện;
- Tiếp thu, xử lý các kiến nghị, đề xuất của đơn vị được kiểm tra.
- Thảo luận, thống nhất giữa AAT và đơn vị được kiểm tra, bao gồm cả việc bảo lưu ý kiến của đơn vị được kiểm tra cũng như các thành viên của đoàn kiểm tra và lập thành Biên bản kiểm tra thực tế.
- Lưu danh sách những người tham dự cuộc họp;

3.3.5. Báo cáo Lãnh đạo Cục HKVN kết quả kiểm tra (bước 4)

3.3.5.1. Báo cáo kiểm tra là một hệ thống tài liệu chính thức nhằm báo cáo các kết quả kiểm tra đến lãnh đạo Cục HKVN. Báo cáo phải ghi nhận một cách chính xác tất cả những gì đã diễn ra trong suốt cuộc kiểm tra, nó phải phản ánh được tinh thần chung của cuộc kiểm tra và không chứa đựng điều gì sai thực tế hoặc nằm ngoài các nội dung kiểm tra, biên bản kiểm tra.

3.3.5.2. Sau khi kết thúc kiểm tra, giám sát và lập báo cáo kiểm tra, mỗi giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay phải hoàn thành, ký tên và gửi checklist kiểm tra, đánh giá của mình cho tổ trưởng AAT ngay khi kết thúc việc kiểm tra. Trường hợp kiểm tra theo từng nhóm nhiều hơn 01 giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay thì toàn bộ các giám sát viên trong nhóm đều phải ký tên trước khi gửi tổ trưởng AAT.

Báo cáo kiểm tra được tính hợp trong các checklist kiểm tra, trường hợp cần thiết các GSV có thể làm báo cáo riêng để gửi tổ trưởng AAT. Báo cáo kiểm tra phải cung cấp các đánh giá của giám sát viên về kết quả kiểm tra.

3.3.5.3. Trách nhiệm của Tổ trưởng tổ AAT là phải xây dựng báo cáo kiểm tra của tổ AAT dựa trên cơ sở sự xác nhận và thống nhất trong cuộc họp kết thúc (thông nhất bằng Biên bản cuộc họp). Tổ trưởng phải ký báo cáo và thay mặt tổ AAT báo cáo kết quả kiểm tra thực tế với Trưởng phòng QLCHKSB thông qua nội dung trước khi báo cáo Lãnh đạo Cục HKVN, trong đó xác định rõ các yêu cầu và phương án đảm bảo an ninh, an toàn khai thác khi đóng tạm thời công trình.

3.3.5.4. AAT soạn thảo văn bản trình lãnh đạo phòng QLCHKSB thông qua nội dung trước khi trình Lãnh đạo Cục HKVN thông qua kết quả kiểm tra và ra thông báo kết quả kiểm tra kèm các yêu cầu lập khắc phục tồn tại (nếu có) đến đơn vị được kiểm tra.

3.3.6. Ra biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn khai thác trong quá trình xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay (Bước 5)

- Tổ AAT soạn thảo văn bản/quyết định trình Lãnh đạo phòng QLCHKSB xem xét, trình Lãnh đạo Cục HKVN chấp thuận các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn khai thác trong quá trình xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay.

- GSV phối hợp với cơ quan thông báo tin tức hàng không để thực hiện quy trình thông báo tin tức hàng không theo quy định đối với kết cấu hạ tầng thuộc danh mục công trình phải thông báo tin tức hàng không theo quy định của Pháp luật; triển khai việc lưu trữ hồ sơ và theo dõi thời hạn đóng tạm thời công trình.

3.3.7. Lưu trữ hồ sơ kiểm tra (bước 6)

3.3.7.1. Tất cả tài liệu có liên quan đến việc đóng tạm thời công trình phải được lưu trữ tại Phòng QLCHKSB khi hoàn tất cuộc kiểm tra. Tối thiểu, các tài liệu phải bao gồm:

- Hồ sơ đề nghị của đơn vị.
- Kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ.
- Hồ sơ, tài liệu, kết quả kiểm tra thực tế (bao gồm đầy đủ các văn bản triển khai, checklist, các ghi nhận, các bằng chứng do đoàn kiểm tra thu thập được biên

bản, báo cáo ... có liên quan)

- Phản hồi sau kiểm tra từ đơn vị được kiểm tra (nếu có).
- Văn bản chấp thuận của Cục HKVN.

3.3.7.2. GSV lưu hồ sơ liên quan đến quá trình giải quyết thủ tục chấp thuận biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn khai thác trong quá trình xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay vào từng hồ sơ sân bay theo quy định lưu trữ chung của CAA.

3.3.7.3. GSV cập nhật Sổ đăng bạ Cảng hàng không, sân bay do phòng QLCHKSB quản lý.

3.3.7.4. Phòng QLCHKSB có trách nhiệm thiết lập và duy trì một cơ sở dữ liệu kiểm tra chứa đựng tất cả các phát hiện thu thập được từ các cuộc kiểm tra của tất cả các đơn vị được kiểm tra. Cơ sở dữ liệu này sẽ được sử dụng để theo dõi, giám sát liên tục đối với hoạt động khai thác tại cảng hàng không.

4. KIỂM TRA, CHẤP THUẬN TÀI LIỆU KHAI THÁC SÂN BAY

4.1. Mục đích

Kiểm tra chấp thuận tài liệu khai thác sân bay trong trường hợp có sự thay đổi về nội dung của tài liệu khai thác sân bay và theo định kỳ rà soát, phê duyệt lại tài liệu.

4.2. Các trường hợp kiểm tra để phê duyệt tài liệu khai thác sân bay

- Tài liệu khai thác sân bay đã được ban hành khi cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay. Khi có sự thay đổi về nội dung, tài liệu khai thác sân bay phải được phê duyệt sửa đổi, bổ sung.

- Thủ tục hành chính được quy định tại Điều 40 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT.

4.3. Quy trình kiểm tra, đánh giá tài liệu khai thác sân bay

4.3.1. Các bước tiến hành kiểm tra, đánh giá

- Bước 1: Kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ.
- Bước 2: Đánh giá chi tiết hồ sơ.
- Bước 3: Kiểm tra thực tế nếu cần thiết.
- Bước 4: Báo cáo Lãnh đạo Cục HKVN kết quả kiểm tra

- Bước 5: Ban hành văn bản/quyết định chấp thuận tài liệu khai thác sân bay.

- Bước 6: Lưu trữ hồ sơ và theo dõi kế hoạch khắc phục các tồn tại thuộc danh mục không đáp ứng nếu có.

Ghi chú:

- Trong một số trường hợp, bước 2 và bước 3 có thể được thực hiện cùng một lúc nếu xét thấy nội dung kiểm tra cần gắn với thực tế tại hiện trường và rút ngắn thời gian thẩm định, kiểm tra thực tế để đảm bảo thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

- Việc tổ chức họp rộng rãi lấy ý kiến và kết hợp kiểm tra thực tế lần thẩm định hồ sơ phải được Trưởng phòng QLCHKSB xem xét, trình Lãnh đạo Cục HKVN quyết định.

4.3.2. Kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ (bước 1) (thực hiện theo checklist D10)

a) Giao GSV phụ trách nghiên cứu sự đầy đủ của thành phần hồ sơ, gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt;
- Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;
- Tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung;
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, GSV soạn thảo văn bản trình Trưởng phòng QLCHKSB xem xét, trả lời đơn vị hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, GSV chuẩn bị các nội dung tiếp theo cho cuộc kiểm tra.

c) GSV phải hoàn thành bảng checklist đối với danh mục hồ sơ, tài liệu có liên quan.

4.3.3. Đánh giá chi tiết hồ sơ (bước 2) (thực hiện theo checklist C6)

a) Trường hợp thấy hồ sơ phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau, GSV báo cáo Lãnh đạo Phòng QLCHKSB để trình thành lập tổ AAT trực thuộc Phòng QLCHKSB nếu xét thấy nội dung của tài liệu rộng, bao gồm nhiều vấn đề và nhiều các vấn đề phức tạp.

b) Trách nhiệm của các thành viên Tổ AAT:

Theo quy định phần 1 Chương IV

c) Trách nhiệm của Tổ trưởng:

Theo quy định phần 1 Chương IV

d) GSV phụ trách gửi hồ sơ cho các thành viên của tổ AAT để nghiên cứu, đánh giá.

đ) Tổ trưởng AAT giao nhiệm vụ cho các thành viên tổ chức nghiên cứu, đánh giá; việc đánh giá thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức họp thẩm định. Việc lấy ý kiến hoặc tổ chức họp thẩm định cần mời thêm các đơn vị có liên quan, các đơn vị chịu tác động khác nếu có (các phòng chức năng của Cục HKVN ...).

e) Nội dung đánh giá chi tiết hồ sơ

Quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ tập trung vào các nội dung trong tài liệu khai thác, cụ thể như sau:

- Đánh giá kết cấu của tài liệu khai thác sân bay; kế hoạch khẩn nguy; SMS có phù hợp với hướng dẫn xây dựng lập tài liệu khai thác sân bay, kế hoạch khẩn nguy, SMS của Cục HKVN.

- Đánh giá sự chính xác của các thông tin khai báo trong tài liệu khai thác sân bay theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan trước đó như các văn bản, quyết định đưa công trình và trang thiết bị hàng không vào khai thác, ngừng khai thác; văn bản phê duyệt thay đổi hoặc bổ sung phương án khai thác tại sân bay.

- Đánh giá sự chính xác về kết quả lập các sơ đồ, bản đồ như sơ đồ chướng ngại vật, sơ đồ bề mặt giới hạn chướng ngại vật, sơ đồ vùng ảnh hưởng của laze.

- Đánh giá các danh mục không đáp ứng và lộ trình khắc phục nêu trong tài liệu khai thác sân bay.

g) Các thành viên AAT báo cáo tổ trưởng tổ AAT kết quả đánh giá. Tổ trưởng tổ AAT có trách nhiệm tổng hợp/chỉ đạo tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ tài liệu kèm kế hoạch kiểm tra thực tế nếu cần thiết cho Lãnh đạo Phòng QLCHKSB.

h) Lãnh đạo Phòng QLCHKSB báo cáo Lãnh đạo Cục phê chuẩn kế hoạch của AAT.

4.3.4. Kiểm tra thực tế (bước 3) (thực hiện theo checklist từ C7 đến C22)

4.3.4.1. Mục đích, yêu cầu kiểm tra thực tế

a) Mục đích của danh mục kiểm tra là giúp thành viên kiểm tra không bỏ sót các khoản mục kiểm tra; đối chiếu số liệu thông số kỹ thuật của sân bay, thiết bị so với thực tế; thu thập thêm các bằng chứng để củng cố kết quả kiểm tra hồ sơ; đánh giá thực tế các điều kiện về an ninh an toàn, kế hoạch khẩn nguy, SMS trong tổng thể khai thác của 01 cảng hàng không.

b) Tiêu chuẩn hóa việc tiến hành kiểm tra nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng, đáng tin cậy. Ngoài ra, điều này cũng mang đến một mức độ rõ ràng cho tất cả các tổ chức được kiểm tra.

c) Việc kiểm tra thực tế phải thực hiện theo danh mục kiểm tra. AAT chuẩn bị danh mục kiểm tra thực tế. Tùy thuộc vào hạng mục công trình, AAT có thể lựa chọn toàn bộ hoặc một phần các danh mục checklist có sẵn trong tài liệu này kèm các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho việc kiểm tra thực tế; trường hợp cần thiết, AAT có thể bổ sung danh mục checklist. Tuy nhiên việc bổ sung danh mục checklist phải dựa trên cơ sở pháp lý rõ ràng.

4.3.4.2. Chuẩn bị lịch trình kiểm tra

a) Khi xây dựng kế hoạch kiểm tra, AAT cần phải tập trung vào các nội dung liên quan đến sự thay đổi trong tài liệu khai thác và danh mục không đáp ứng trong tài liệu, bao gồm các yếu tố sau:

- Các khu vực/các hoạt động/các đơn vị được kiểm tra;
- Xác định các đối tượng cần được phỏng vấn nếu cần thiết;
- Xác định các yêu cầu của cuộc kiểm tra, bao gồm: Hội họp, phỏng vấn, xem xét hồ sơ tài liệu, kiểm tra thực tế tại cơ sở;
- Ước lượng thời gian cần thiết để hoàn thành các hoạt động được dự kiến trước.
- Lên kế hoạch họp tuyên bố và kết thúc;
- Dự phòng thời gian cho việc xem xét các hồ sơ, tài liệu không nhận được trước cuộc kiểm tra;
- Dự phòng thời gian cho việc chậm trễ và các tình huống xảy ra ngoài dự kiến.
- Chuẩn bị phương tiện, thiết bị để kiểm tra thực tế (máy ảnh, máy ghi âm, máy quay, thước đo....) và các tiêu chuẩn, quy định kèm theo.
- Chuẩn bị các tài liệu, thông tin có liên quan đến hoạt động khai thác tại CHKSB có thể tác động, ảnh hưởng đến việc xem xét các thông số kỹ thuật khai báo,

quy trình khai thác được khai báo trong tài liệu khai thác sân bay

b) Thông báo kế hoạch kiểm tra: Trước ngày thực hiện kiểm tra, GSV thông báo cho tổ chức được kiểm tra về thời gian, địa điểm, nội dung và phạm vi của cuộc kiểm tra theo kế hoạch đã được Lãnh đạo Cục HKVN phê duyệt.

4.3.4.3. Thực hiện kiểm tra thực tế tại cảng hàng không, sân bay

4.3.4.3.1. Các thông tin có thể thu thập bằng cách:

- a) Quan sát;
- b) Xem xét tài liệu;
- c) Phỏng vấn chính thức và không chính thức.

4.3.4.3.2. Họp khai mạc

Hoạt động đầu tiên khi bắt đầu kiểm tra là việc tiến hành cuộc họp khai mạc. Mục đích của cuộc họp là để:

- a) Thiết lập sự trao đổi giữa AAT và đại diện của tổ chức được kiểm tra;
- b) Đảm bảo việc hiểu tường tận đối với mục đích của cuộc kiểm tra;
- c) Giải thích việc kiểm tra sẽ được tiến hành như thế nào;
- d) Thảo luận với tổ chức được kiểm tra về những yêu cầu của AAT;
- đ) Làm rõ và xác nhận lại về lịch trình kiểm tra;
- e) Giải quyết các vấn đề quan tâm khác.

4.3.4.3.3. Xác định bằng chứng của sự phù hợp của các quy trình khai thác với tài liệu khai thác sân bay và các quy định đảm bảo an ninh, an toàn khác theo quy định của pháp luật

- a) Tổ trưởng AAT phân công cụ thể các thành viên của đoàn kiểm tra.
- b) Các thành viên AAT tiến hành kiểm tra thông qua các checklist của AAT, trong đó có sử dụng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ việc kiểm tra.
- c) Ngoài các bằng chứng trên, AAT cần phải thu thập thêm các chứng cứ từ việc đánh giá từng quy trình, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng thông qua việc quan sát và thảo luận để xác định việc tuân thủ đối với các yêu cầu, các quy định, các tiêu chuẩn đã được phê duyệt (nếu cần thiết).
- d) Nếu thấy có sự không phù hợp thì đưa ra các cơ sở, các lập luận để chứng

minh sự không phù hợp đó và lập hồ sơ về sự không phù hợp đó (gồm các chú thích trong checklist, các hình ảnh minh họa...).

đ) Khi tiến hành kiểm tra, quan sát phải đảm bảo không làm ảnh hưởng tới hoạt động của các nhân viên hàng không khác, không làm bất cứ điều gì phá vỡ tiến trình công việc, hoặc lôi kéo sự tập trung của nhân viên ra khỏi nhiệm vụ chính của họ.

e) Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn khai thác khi đóng tạm thời công trình, một phần công trình; đánh giá các giải pháp đề xuất của người đề nghị có phù hợp không.

g) GSV phải thực hiện kiểm tra theo đúng danh mục kiểm tra đã được lập, lưu giữ các thông tin quan sát được.

4.3.4.3.4. Phỏng vấn

a) Một nhân tố quan trọng khác của cuộc kiểm tra là việc phỏng vấn các nhân sự được lựa chọn từ các tổ chức hoạt động tại cảng hàng không. Vị trí và chức danh công việc của người được phỏng vấn sẽ xác định loại hình và phạm vi của các câu hỏi được đặt ra đối với người được phỏng vấn. Tốt nhất là phỏng vấn các đại diện cấp cao trước tiên, rồi sau đó là các cuộc phỏng vấn với các chức danh quản lý và các nhân sự chủ chốt như được xác định trong kế hoạch kiểm tra. Việc phỏng vấn này có thể được mở rộng đến các nhân viên riêng biệt nếu thấy cần thiết.

b) Khi phỏng vấn được hỏi bằng các câu hỏi mở dựa trên danh mục kiểm tra. Dựa vào thông tin nhận được, có thể hỏi những câu hỏi có chuyên môn sâu hơn nếu thấy cần thiết. Tránh hỏi các câu hỏi mà có thể trả lời bằng một từ đơn giản là “có” hoặc “không”. Cố gắng tập trung hỏi sâu vào những gì đang diễn ra, chứ không phải những gì có thể xảy ra trong tương lai.

c) Các cuộc phỏng vấn chính thức cần phải được tổ chức cẩn trọng. Mục tiêu của các cuộc phỏng vấn chính thức là để tiếp xúc trực tiếp với các đại diện chủ chốt của các tổ chức hoạt động khai thác công trình để thảo luận các vấn đề hiện tại. Việc quan sát tại hiện trường thường được diễn ra trước các cuộc phỏng vấn vì thế kiểm tra viên đã thấy được tình trạng và có thể đã chú ý đến những sự sai biệt hoặc có tính chất khác thường của hệ thống. Bất kỳ sự sai khác nào cũng đều phải được đưa ra cho phía được kiểm tra biết trong các cuộc phỏng vấn sau đó. Địa điểm tổ chức cuộc phỏng vấn cũng quan trọng. Việc chọn các văn phòng của cá nhân thường là lựa chọn tốt nhất, vì việc phỏng vấn tại môi trường làm việc bình thường có thể tạo ra một bầu

không khí cởi mở và làm giảm sự căng thẳng giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn. Theo nguyên tắc, GSV phải là người đi đến gặp người được kiểm tra. Điều này tốt hơn việc gặp gỡ các cá nhân tại văn phòng của kiểm tra viên và giúp tránh đi cảm giác của một cuộc thẩm vấn.

4.3.4.3.5. Họp kết thúc

Mục tiêu và các hoạt động của họp kết thúc sau khi kiểm tra là để:

- Các GSV báo cáo kết quả kiểm tra thực tế tại cuộc họp để thảo luận, thống nhất giữa AAT và đơn vị được kiểm tra.
- Đơn vị được kiểm tra giải trình, tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến.
- Trình bày sự không phù hợp (các phát hiện) trong cuộc kiểm tra;
- Các phát hiện phải được giải thích, thảo luận làm rõ;
- Tiếp thu, xử lý các kiến nghị, đề xuất của đơn vị được kiểm tra.
- Thảo luận, thống nhất giữa AAT và đơn vị được kiểm tra, bao gồm cả việc bảo lưu ý kiến của đơn vị được kiểm tra cũng như các thành viên của đoàn kiểm tra và lập thành Biên bản kiểm tra thực tế.
- Lưu danh sách những người tham dự cuộc họp;

4.3.5. Báo cáo Lãnh đạo Cục HKVN kết quả kiểm tra (bước 4)

4.3.5.1. Báo cáo kiểm tra là một hệ thống tài liệu chính thức nhằm báo cáo các kết quả kiểm tra đến lãnh đạo Cục HKVN. Báo cáo phải ghi nhận một cách chính xác tất cả những gì đã diễn ra trong suốt cuộc kiểm tra, nó phải phản ánh được tinh thần chung của cuộc kiểm tra và không chứa đựng điều gì sai thực tế hoặc nằm ngoài các nội dung kiểm tra, biên bản kiểm tra.

4.3.5.2. Sau khi kết thúc kiểm tra, giám sát và lập báo cáo kiểm tra, mỗi giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay phải hoàn thành, ký tên và gửi checklist kiểm tra, đánh giá của mình cho tổ trưởng AAT ngay khi kết thúc việc kiểm tra. Trường hợp kiểm tra theo từng nhóm nhiều hơn 01 giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay thì toàn bộ các giám sát viên trong nhóm đều phải ký tên trước khi gửi tổ trưởng AAT.

Báo cáo kiểm tra được tính hợp trong các checklist kiểm tra, trường hợp cần thiết các GSV có thể làm báo cáo riêng để gửi tổ trưởng AAT. Báo cáo kiểm tra phải cung cấp các đánh giá của giám sát viên về kết quả kiểm tra.

4.3.5.3. Trách nhiệm của Tổ trưởng tổ AAT là phải xây dựng báo cáo kiểm tra của tổ AAT dựa trên cơ sở sự xác nhận và thống nhất trong cuộc họp kết thúc (thống nhất bằng Biên bản cuộc họp). Tổ trưởng phải ký báo cáo và thay mặt tổ AAT báo cáo kết quả kiểm tra thực tế với Trưởng phòng QLCHKSB thông qua nội dung trước khi báo cáo Lãnh đạo Cục HKVN, trong đó xác định rõ các yêu cầu và phương án đảm bảo an ninh, an toàn khai thác khi đóng tạm thời công trình.

4.3.5.4. AAT soạn thảo văn bản trình lãnh đạo phòng QLCHKSB thông qua nội dung trước khi trình Lãnh đạo Cục HKVN thông qua kết quả kiểm tra và ra thông báo kết quả kiểm tra kèm các yêu cầu lập khắc phục tồn tại (nếu có) đến đơn vị được kiểm tra.

AAT soạn thảo văn bản trình lãnh đạo phòng QLCHKSB thông qua nội dung trước khi trình Lãnh đạo Cục HKVN

4.3.6. Ra văn bản chấp thuận tài liệu khai thác sân bay

- Tổ AAT soạn thảo văn bản/quyết định trình Lãnh đạo phòng QLCHKSB xem xét, trình Lãnh đạo Cục HKVN chấp thuận sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay sau khi người khai thác cảng hàng không, sân bay .

- AAT phải rà soát, trình Lãnh đạo phòng QLCHKSB xem xét trình Lãnh đạo Cục HKVN có văn bản gửi cơ quan thông báo tin tức hàng không đề nghị công bố lại các thông số kỹ thuật sân bay trong trường hợp tài liệu khai thác sân bay có các thông số thay đổi so với thông số đã được chấp thuận trước đó và đang thông báo tin tức hàng không theo quy định hiện hành.

- GSV phụ trách phối hợp với cơ quan thông báo tin tức hàng không để thực hiện quy trình thông báo tin tức hàng không theo quy định.

4.3.7. Lưu trữ hồ sơ kiểm tra (bước 6)

4.3.7.1. Tất cả tài liệu có liên quan đến việc phê duyệt lại tài liệu khai thác sân bay được lưu trữ tại Phòng QLCHKSB sau khi hoàn tất cuộc kiểm tra. Tối thiểu, các tài liệu phải bao gồm:

- Hồ sơ đề nghị của đơn vị.
- Kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ .
- Hồ sơ, tài liệu, kết quả kiểm tra thực tế (bao gồm đầy đủ các văn bản triển khai, checklist, các ghi nhận, các bằng chứng do đoàn kiểm tra thu thập được biên

bản, báo cáo ... có liên quan)

- Phản hồi sau kiểm tra từ đơn vị được kiểm tra (nếu có).

- Văn bản chấp thuận của Cục HKVN kèm tài liệu khai thác sân bay được chấp thuận.

4.3.7.2. GSV lưu hồ sơ liên quan đến quá trình giải quyết thủ tục chấp thuận tài liệu khai thác sân bay theo quy định lưu trữ chung của CAA.

4.3.7.3. GSV cập nhật Sổ đăng bạ Cảng hàng không, sân bay do phòng QLCHKSB quản lý.

4.3.7.4. Phòng Quản lý cảng HKSB có trách nhiệm thiết lập và duy trì một cơ sở dữ liệu kiểm tra chứa đựng tất cả các phát hiện thu thập được từ các cuộc kiểm tra của tất cả các đơn vị được kiểm tra. Cơ sở dữ liệu này sẽ được sử dụng để theo dõi, giám sát liên tục đối với hoạt động khai thác tại cảng hàng không.

CHƯƠNG VII

KIỂM SOÁT, BẢO ĐẢM VIỆC TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH

1. HÀNH ĐỘNG ĐỂ KIỂM SOÁT VIỆC TUÂN THỦ QUY ĐỊNH, TIÊU CHUẨN

1.1. An toàn khai thác cảng sân bay phụ thuộc chủ yếu vào việc tuân thủ tự nguyện các yêu cầu quy định. Do đó, việc tuân thủ quy định được thúc đẩy chủ yếu thông qua giáo dục, đào tạo và tư vấn.

1.2. Khi phát hiện các sai lệch hoặc vi phạm, điều quan trọng là giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không thực hiện hành động phù hợp theo quy định và theo đúng thẩm quyền được giao tại Thông tư 17/2016/TT-BGTVT. Hành động đó có thể là hành chính hoặc pháp lý, nhưng trong mỗi trường hợp phải được tính toán hợp lý để thúc đẩy sự tuân thủ các quy định trong tương lai của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. VI PHẠM

Vi phạm phải được giải quyết một cách nhất quán, công bằng và theo đúng quy định của pháp luật, phục vụ mục đích ngăn chặn các vi phạm trong tương lai. Cụ thể

a) Tất cả các báo cáo vi phạm quy định sẽ được điều tra kịp thời và kỹ lưỡng, không chỉ khi giám sát viên an toàn khai thác CHK,SB phát hiện ra mà còn khi một nguồn thông tin cáo buộc vi phạm, ngay cả khi nó xuất hiện không đáng tin cậy hoặc thất thường. Vì lợi ích an toàn, giám sát viên an toàn khai thác CHKS B phải làm rõ vấn đề một cách khách quan, rõ ràng

b) Tất cả các giai đoạn điều tra, hành động hành chính hoặc pháp lý sẽ được hoàn thành trong một thời gian kịp thời.

c) Các báo cáo điều tra phải chứa các thông tin hoàn chỉnh về các trường hợp đã xác định các lỗi, vi phạm tiêu chuẩn khai thác, bao gồm tất cả các nguyên nhân kèm theo.

d) Các biện pháp xử lý được cân nhắc và đề xuất, báo cáo theo quy định.

3. HÀNH ĐỘNG THỰC THI

3.1. Căn cứ các quy định của pháp luật, Cục HKVN và Cảng vụ hàng không có thể đưa ra các biện pháp/hành động nhằm bảo đảm việc tuân thủ quy định

- a) Yêu cầu các đơn vị được kiểm tra báo cáo công tác khắc phục; kết hợp với việc kiểm tra lại nếu thấy cần thiết;
- b) Yêu cầu các đơn vị thực hiện công tác huấn luyện, đào tạo để đáp ứng yêu cầu theo quy định;
- c) Đưa ra các yêu cầu cụ thể về huấn luyện, cấp lại chứng chỉ đối với cơ sở, trang thiết bị và con người;
- d) Đình chỉ giấy chứng nhận, giấy phép cho đến khi công tác khắc phục được thực hiện;
- đ) Thu hồi giấy chứng nhận, giấy phép;
- e) Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

3.2. Việc lựa chọn hành động thực thi nào đối với người khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc các tổ chức có liên quan sau khi xác định các sai lệch, vi phạm sẽ được quyết định bởi các trường hợp hiện hành.

3.3. Để thúc đẩy và nâng cao ý thức an toàn, việc sử dụng hành động hành chính dưới hình thức văn bản cảnh báo và yêu cầu có hành động khắc phục kết hợp với các hành động khắc phục cụ thể không được khuyến khích. Tuy nhiên, khi cần thiết, hành động có thể bao gồm tạm ngưng hoặc thu hồi chứng chỉ hoặc hành động pháp lý phù hợp.

Hiệu quả ngăn chặn cụ thể và chung của việc thực thi pháp luật là một thành phần quan trọng của một chương trình thực thi và tuân thủ toàn diện. Trong mỗi trường hợp, điều quan trọng là việc xử phạt phải phù hợp với vi phạm và giám sát viên an toàn khai thác CHKSB đề xuất áp dụng các biện pháp xử lý có tác dụng thúc đẩy việc đảm bảo an toàn trong tương lai.

4. HÀNH ĐỘNG HÀNH CHÍNH

4.1. Hành động hành chính nhằm mục đích cung cấp các thông tin liên quan đến các tồn tại, các sai lệch so với tiêu chuẩn, quy định an toàn khai thác đến người khai thác CHKSB và yêu cầu có các hành động khắc phục kịp thời.

4.2. Hành động hành chính đơn giản có thể được thực hiện khi tất cả các thành phần sau có mặt:

- a) Không có khuyến cáo an toàn đáng kể nào tồn tại.
- b) Thiếu năng lực hoặc trình độ chuyên môn của một số bộ phận nhân sự chưa

được giải quyết.

c) Vi phạm là không đáng kể.

d) Đơn vị không có các hành vi tương tự trước đó, đồng thời có thái độ xây dựng đối với việc tuân thủ các quy định, chủ động tiếp thu và lập kế hoạch khắc phục các vi phạm, các khuyến cáo của Cục HKVN và Cảng vụ hàng không.

5. HÀNH ĐỘNG PHÁP LÝ

Hành động pháp lý thích hợp phải được thực hiện trong các trường hợp không đáp ứng tất cả các tiêu chí hành động hành chính. Khi xác định loại và biện pháp xử phạt thích hợp được áp dụng, các yếu tố sau đây sẽ được tính đến, nếu có:

a) Bản chất của hành vi vi phạm và dù có cố tình hay không;

b) Nguy cơ tiềm ẩn hoặc thực tế đối với sự an toàn khai thác được tạo ra bởi sự vi phạm;

c) Lịch sử vi phạm trước đây của người vi phạm;

d) Thái độ của người vi phạm về hành vi vi phạm, kể cả việc người vi phạm có tự nguyện tiết lộ vi phạm;

đ) Tác động của một hành động pháp lý đối với người vi phạm và giá trị của nó như là một cảnh báo đối với những đối tượng khác tương tự.

Việc xác định loại hành động pháp lý để tiến hành xử phạt, xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đến xử phạt, thu hồi hoặc huỷ các loại giấy phép.

CHƯƠNG VIII

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁM SÁT VIÊN AN TOÀN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

1. MỤC ĐÍCH:

Đào tạo giám sát viên an toàn khai thác cảng đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật Việt Nam và nâng cao kiến thức, năng lực cho giám sát viên an toàn khai thác cảng của Việt Nam ngang bằng với các tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo hoạt động hiệu quả.

2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Đào tạo giám sát viên an toàn khai thác cảng bao gồm:

- Đào tạo ban đầu
- Đào tạo thực hành
- Đào tạo định kỳ
- Đào tạo nâng cao

3. NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN ĐÀO TẠO

3.1. Đào tạo ban đầu

Mục đích của Chương trình đào tạo ban đầu của Cục Hàng không Việt Nam để cho các giám sát viên, nhân viên mới làm quen với hệ thống pháp luật hàng không dân dụng Việt Nam, các quy định và yêu cầu về an toàn hàng không.

Khóa đào tạo giám sát viên ban đầu dành cho tất cả các giám sát viên bao gồm những nội dung tối thiểu sau:

- Giới thiệu về cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt Nam.
- Quy trình giám sát an toàn và nghiệp vụ kiểm tra giám sát.
- Chương trình an toàn quốc gia, Hệ thống quản lý an toàn và quản lý chất lượng;
- Nguyên tắc về yếu tố con người; và
- Đào tạo căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể của giám sát viên, tập trung vào các lĩnh vực theo yêu cầu.

Chương trình đào tạo ban đầu cho các lĩnh vực cụ thể được nêu chi tiết tại Khung chương trình đào tạo giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay.

3.2. Đào tạo thực hành (OJT)

Sau khóa đào tạo các quy định cơ bản, Cục Hàng không Việt Nam sẽ đào tạo OJT cho các giám sát viên mới. Trong giai đoạn này, các giám sát viên mới sẽ được quan sát, tham gia và thực hành các quy trình và nhiệm vụ được đề cập trong khóa đào tạo quy định cơ bản và sẽ làm quen với các kỹ năng và nghiệp vụ kiểm tra, giám sát.

Các giám sát viên phải hoàn thành chương trình đào tạo thực hành trước khi được giao nhiệm vụ thực hiện công việc một cách độc lập

Chương trình đào tạo OJT đối với từng lĩnh vực cụ thể được nêu chi tiết tại Khung chương trình đào tạo Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay.

3.3. Đào tạo định kỳ

Các giám sát viên của Cục Hàng không Việt Nam đại diện cho nhà chức trách Cục Hàng không Việt Nam, do vậy yêu cầu phải liên tục phát triển năng lực liên quan tới lĩnh vực thuộc trách nhiệm tương ứng.

Đào tạo định kỳ được yêu cầu đối với tất cả các giám sát viên 02 năm/lần sau khi hoàn thành khóa học giám sát viên ban đầu/ cơ bản.

Chương trình đào tạo định kỳ đối với từng lĩnh vực cụ thể được nêu chi tiết tại Khung chương trình đào tạo Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay.

3.4. Đào tạo nâng cao

Giai đoạn này sẽ bao gồm các khóa học đào tạo nâng cao để đảm bảo các giám sát viên luôn cập nhật các thay đổi về công nghệ và nghiệp vụ kiểm tra, giám sát. Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay phải hoàn thành khóa đào tạo nâng cao trước khi được giao thực hiện nhiệm vụ chuyên biệt.

Chương trình đào tạo nâng cao đối với từng lĩnh vực cụ thể được nêu chi tiết tại Khung chương trình đào tạo Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Thời lượng cho các khóa học sẽ được quyết định bởi phạm vi nội dung đào tạo.

- Nội dung đào tạo theo khung đào tạo do Cục HKVN ban hành. Tất cả các khóa học sẽ có bài kiểm tra, đánh giá năng lực, kết quả học tập của nhân viên, làm cơ sở bổ nhiệm giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay.

4. GIÁO VIÊN ĐÀO TẠO

Cục HKVN chỉ định những nhân viên có trình độ, nhiều kinh nghiệm, đã được cấp các chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành các khóa học tương đương tại nước ngoài để tham gia quá trình giảng dạy.

Trường hợp cần thiết, Cục HKVN mời các chuyên gia trong và ngoài nước, các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước tham gia giảng dạy, đào tạo giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay.

5. TÀI LIỆU ĐÀO TẠO

- Cục HKVN xây dựng tài liệu đào tạo, ban hành trước khi tiến hành đào tạo.

- Trường hợp đào tạo theo các chuyên gia hoặc cơ sở đào tạo nước ngoài thì tài liệu đào tạo là tài liệu do các cơ sở đào tạo nước ngoài ban hành.

6. KHUNG ĐÀO TẠO GIÁM SÁT VIÊN AN TOÀN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

6.1. Đào tạo ban đầu

Module 1			
TT	Tên khóa học	Mã tài liệu giảng dạy	Thời gian
1	Tổng quan về Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế - Công ước Chicago - ICAO - Kiến nghị và khuyến cáo thực hành của ICAO - SARPS; các câu hỏi PQ (protocol questions) - Chương trình giám sát liên tục của ICAO (CMA) - Các Annex có liên quan	Initial M1 01	01 ngày
2	Tổng quan về hệ thống giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay của Cục HKVN; quy định về đào tạo để trở thành giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay	Initial M1 02	0,5 ngày
3	Hệ thống quản lý an toàn SSP + SMS	Initial M1 03	3 ngày

Module 2			
TT	Tên khóa học	Mã tài liệu giảng dạy	Thời gian
1	Annex 14 Volume I và quy định, hướng dẫn an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay tại Việt Nam	Initial M2 01	03 ngày
2	Cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định của ICAo và Việt Nam	Initial M2 02	01 ngày

Module 2			
TT	Tên khóa học	Mã tài liệu giảng dạy	Thời gian
3	Nguyên tắc về yếu tố con người	Initial M2 03	0,5 ngày
4	Hướng dẫn quy trình kiểm tra, giám sát của giám sát viên an toàn khai thác cảng: Aerodrome Inspection	Initial M2 04	05 ngày
5	Theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá, cập nhật, báo cáo lên hệ thống ICAO hoặc phần mềm chuyên dụng	Initial M2 05	01 ngày

6.2. Đào tạo thực tế

Đào tạo kiểm tra thực tế hoặc theo kế hoạch được Lãnh đạo Cục phê duyệt. Việc đào tạo thực tế tại sân bay sẽ do tối thiểu 01 giám sát viên an toàn khai thác cảng đã được Cục phê chuẩn và các nhân viên, học viên đang trong quá trình đào tạo.

Module 1	
TT	Tên khóa học
1	Quan sát và tham gia vào quá trình cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay
2	Quan sát và tham gia vào quá trình giám sát, kiểm tra an toàn tại cảng hàng không, sân bay
3	Quan sát và tham gia vào các đánh giá rủi ro an toàn hàng không

Module 2	
TT	Tên khóa học
1	Thực hiện quá trình cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay
2	Thực hiện quá trình kiểm tra, giám sát an toàn tại cảng hàng không, sân bay
3	Thực hiện các đánh giá rủi ro

6.3. Đào tạo định kỳ

TT	Tên khóa học	Mã tài liệu giảng dạy	Thời gian
1	Nghiệp vụ kiểm tra giám sát và quy trình thanh tra, kiểm tra của Cục HKVN	Initial M2 04	01 ngày
2	Hệ thống quản lý an toàn	Initial M1 03	01 ngày
3	Đào tạo các nguyên tắc về yếu tố con người	Initial M2 03	0,5 ngày
4	Các thay đổi liên quan đến quy định về quản lý, giám sát, kiểm tra an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay		0,5 ngày

6.4. Đào tạo nâng cao

TT	Tên khóa học
1	Thiết kế và đánh giá mặt đường sân bay
2	An toàn sân đỗ
3	Nhận diện mối nguy trong quá trình khai thác và quản lý rủi ro
4	Cứu nạn và chữa cháy
5	Quản lý chim và động vật hoang dã

TT	Tên khóa học
6	An toàn đường cất hạ cánh
7	Điều tra tai nạn/ sự cố

6.5. Ghi chú

Các chương trình đào tạo liên quan đến các nội dung trên có thể được đào tạo theo các khóa học cụ thể tại Việt Nam và nước ngoài. Ngoài các chương trình ở trên, giám sát viên còn được đào tạo theo các khóa học cụ thể tại Việt Nam hoặc nước ngoài liên quan đến:

- Airport design and construction
- Airport Operation and Maintenance
- Airport System and Planning
- Các chương trình khác theo yêu cầu và được phê duyệt của Lãnh đạo Cục HKVN.

7. HỒ SƠ TÀI LIỆU GIÁM SÁT VIÊN

Hồ sơ tài liệu giám sát viên gồm:

- Bảng cập nhật tóm tắt trình độ và quá trình đào tạo của giám sát viên (theo phụ lục E)
- Các bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận trong nước và quốc tế của giám sát viên.

8. YÊU CẦU VỀ NHÂN SỰ

Giám sát viên phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 34 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý khai thác cảng hàng không, sân bay.

Giám sát được bổ nhiệm từ nguồn nhân sự của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không khu vực.

Các yếu tố dưới đây được sử dụng để thiết lập các yêu cầu về số lượng nhân sự giám sát viên lĩnh vực an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay (đảm bảo số lượng giám sát viên cho 22 cảng hàng không).

No.	Activity	Frequency	Required man-hour/mission	Required man-hour/year	Remark
-----	----------	-----------	---------------------------	------------------------	--------

I	Establish the Aerodromes Regulation and update according to the Law on Civil Aviation of Vietnam and referring to ICAO Standards Thiết lập quy định về cảng hàng không, sân bay và cập nhật theo Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, tham chiếu các tiêu chuẩn của ICAO			600	
1	Annex 14, 19 and related Doc Phụ ước 14, 19 và các Hướng dẫn liên quan	5	40	200	
2	Civil Aviation Law, Government Decree and Ministry Circular Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Nghị định của Chính Phủ và Thông tư của Bộ	10	40	400	
II	Establish the technical guidelines related to the Airport Safety Operation and update existing document as per Aerodromes Regulation and ICAO annexes Thiết lập các hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến việc khai thác an toàn cảng hàng không, sân bay và cập nhật vào các tài liệu hiện có theo quy định về hàng không và Phụ ước của ICAO			176	
2	Aerodrome Certification Manual Sổ tay cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	2	16	32	
3	Aerodrome Inspection Manual Sổ tay Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay	2	16	32	
4	Aerodrome Inspector Training Manual Sổ tay đào tạo giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay	2	16	32	
5	Other Advisory Circulars pertaining Airport Operation and Management Các Thông tư khác liên quan đến khai thác và quản lý cảng hàng không, sân bay	5	16	80	

III	<p>Carry out all functions relating to the certification of aerodrome</p> <p>Thực hiện các chức năng liên quan đến giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay</p>			2040	01 new Int'l airport to be certified. 09 Int'l airports to be re-certified (ICVM)
1	Evaluate certification document from applicant Đánh giá hồ sơ, tài liệu từ người đề nghị	10	4	40	
2	Verify data in the Aerodrome Manual Xác minh dữ liệu trong Tài liệu khai thác sân bay	10	8	80	
3	On-side verification of aerodrome operating procedures and facilities/equipments (full compliance audit outlined in 3,4 part IV) Xác minh	10	160	1,600	
4	Certification report and certificate issuance Báo cáo về việc cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay và ban hành Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	10	24	240	
5	Review aerodrome data with AIS for publication Xem lại các dữ liệu về sân bay với AIS để công bố	10	8	80	
IV	<p>Carry out aerodrome oversight functions of all certified aerodromes as per the surveillance plan established by CAAV</p> <p>Thực hiện các chức năng giám sát cảng hàng không, sân bay đối với tất cả các cảng hàng không, sân bay đã được cấp Giấy chứng nhận khai thác theo kế hoạch giám sát do Cục Hàng không Việt Nam thiết lập</p>			6,484	22 certified airports (10 Int'l, 12 domestic airport)

1	Develop surveillance programme Xây dựng chương trình giám sát	2	16	32	
2	Verification validation the aerodrome manual	22	24	528	
3	On-site verification and technical audits/inspections of aerodrome operating procedures (CCARs , Annex 14 , ICAO Doc 9774 & Doc 9981), including: Xác minh tại chỗ và thanh tra / kiểm tra kỹ thuật quy trình khai thác sân bay (CCARs , Annex 14 , ICAO Doc 9774 & Doc 9981)		92	2640	
	<i>Aerodrome physical characteristic (DATA)</i> <i>Đặc tính vật lý của sân bay</i>	22	8	176	
	<i>Aerodrome reporting</i> <i>Báo cáo sân bay/ Thông báo các thay đổi của cảng hàng không, sân bay</i>	22	4	88	
	<i>Access to the movement area</i> <i>Tiếp cận khu vực di chuyển</i>	22	4	88	
	<i>Airport emergency plan</i> <i>Kế hoạch khẩn nguy sân bay</i>	22	8	176	
	<i>Airport Rescue and Fire Fighting Services (ARFFS)</i> <i>Dịch vụ khẩn nguy và phòng chống cháy nổ cảng hàng không, sân bay</i>	44	8	352	
	<i>Inspection of the aerodrome movement area and obstacle limitation surface</i> <i>Kiểm tra giám sát khu bay và bề mặt giới hạn chướng ngại vật</i>	22	4	88	
	<i>Visual aids and aerodrome electrical systems</i> <i>Hệ thống hỗ trợ bằng mắt và hệ thống điện;</i>	44	8	352	
	<i>Maintenance of the movement area</i> <i>Bảo trì khu bay</i>	22	4	88	
	<i>Safety during aerodrome works</i> <i>An toàn trong quá trình làm việc tại sân bay</i>	22	2	44	
	<i>Apron management</i>	22	4	88	

	<i>Quản lý sân đỗ tàu bay</i>				
	<i>Apron safety management</i>	22	4	88	
	<i>Quản lý an toàn khu vực sân đỗ tàu bay</i>				
	<i>Airside vehicle control</i>				
	<i>Kiểm soát khu vực bãi tập kết phương tiện trang thiết bị khu bay</i>	22	4	88	
	<i>Wildlife management</i>				
	<i>Quản lý chim và động vật hoang dã</i>	44	8	352	
	<i>Obstacle control</i>				
	<i>Kiểm soát chướng ngại vật</i>	44	4	176	
	<i>Removal of disabled Aircraft</i>				
	<i>Di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển</i>	22	4	88	
	<i>Handling of dangerous goods</i>				
	<i>Xử lý hàng nguy hiểm</i>	22	4	88	
	<i>Low-visibility operations</i>				
	<i>Khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế</i>	22	4	88	
	<i>Protection site for radar and navigation Aids</i>				
	<i>Khu vực bảo vệ radar và các thiết bị dẫn đường hàng không</i>	22	2	44	
	<i>Safety Management System</i>				
	<i>Hệ thống quản lý an toàn</i>	22	4	88	
4	On-site checking and testing of aerodrome facilities and equipment to verify component with the specific standards and practices in Circular		68	2,068	
	Kiểm tra tại chỗ và thử nghiệm các cơ sở vật chất và thiết bị sân bay để xác minh sự phù hợp với các tiêu chuẩn khuyến cáo thực hành đặc thù tại Thông tư có liên quan				
	<i>The dimensions and surface conditions of runways, taxiways, stopways, clearway;</i>				
	<i>Kích thước và điều kiện bề mặt của đường cất hạ cánh, đường lăn, đoạn dừng, dải quang</i>	44	8	352	

<p><i>Runway end safety areas, runway and taxiway strips, shoulders and aprons;</i></p> <p><i>Khu vực an toàn cuối đường cất hạ cánh, dải bay và dải lăn, lề đường cất hạ cánh, lề đường lăn</i></p>	44	8	352	
<p><i>Aeronautical ground lighting systems standby power;</i></p> <p><i>Hệ thống cấp điện dự phòng cho hệ thống đèn</i></p>	44	4	176	
<p><i>Landing direction indicators and wind direction indicators, aerodrome</i></p> <p><i>Thiết bị chỉ hướng hạ cánh và thiết bị chỉ hướng gió tại sân bay</i></p>	22	2	44	
<p><i>markings and markers;</i></p> <p><i>Sơn kẻ tín hiệu và các mốc</i></p>	22	4	88	
<p><i>Aerodrome lighting</i></p> <p><i>Đèn sân bay</i></p>	22	8	176	
<p><i>Guidance signs and warning signs in the movement area;</i></p> <p><i>Biển báo chỉ dẫn và biển báo cảnh báo trong khu vực di chuyển</i></p>	22	4	88	
<p><i>Aerodrome maintenance equipment;</i></p> <p><i>Thiết bị bảo trì sân bay</i></p>	22	4	88	
<p><i>disabled aircraft removal plan;</i></p> <p><i>Kế hoạch di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển</i></p>	22	4	88	
<p><i>Wildlife control equipment;</i></p> <p><i>Thiết bị kiểm soát chim và động vật hoang dã</i></p>	44	2	88	
<p><i>The presence of obstacles in obstacle limitation surfaces;</i></p> <p><i>Sự tồn tại của chướng ngại vật trong bề mặt giới hạn chướng ngại vật</i></p>	44	4	176	
<p><i>Runway visual range measuring equipment;</i></p> <p><i>Thiết bị đo tầm nhìn trên đường cất hạ cánh</i></p>	22	2	44	
<p><i>The presence of dangerous lights;</i></p>	22	2	44	

	<i>Sự tồn tại của đèn cảnh báo nguy hiểm</i>				
	<i>Rescue and fire-fighting equipment; Thiết bị tìm kiếm cứu nạn</i>	22	8	176	
	<i>Fuelling facilities; and Thiết bị tra nạp xăng dầu</i>	22	2	44	
	<i>Runway surface friction measuring equipment; Thiết bị đo hệ số ma sát trên đường cất hạ cánh</i>	22	2	44	
5	Aeronautical studies at aerodromes:conduct aeronautical studies when needed, if necessary in cooperation with other Departments. Nghiên cứu hàng không tại sân bay; quản lý (kiểm soát) nghiên cứu hàng không khi cần, phối hợp với các Phòng khác nếu cần thiết	22	16	352	
6	Prepare Audit/Inspection report Báo cáo kế hoạch thanh tra, kiểm tra	22	16	352	
7	Follow-up on corrective action Hành động khắc phục sau đó	22	8	176	
8	Maintain and manage aerodrome records Duy trì và quản lý các biên bản sân bay	22	8	176	
9	Special Audit and report Thanh tra.....	10	16	160	
VI	Assist aerodrome operator for required technical advice and certification of safety concerns Hỗ trợ người khai thác cảng trong việc đưa ra lời khuyên về các kỹ thuật được yêu cầu và các yếu tố liên quan đến an toàn khi cấp giấy chứng nhận	22	16	352	
VII	Accident/incident Investigation Điều tra tai nạn, sự cố			720	
1	Establish Investigation team, gather information Thành lập đội điều tra, thu thập thông tin	10	8	80	
2	Investigate, verify, analyse accident/incident	10	40	400	

	Điều tra, xác minh, phân tích tai nạn/ sự cố				
3	Prepare report to concerned parties Chuẩn bị báo cáo tới với các bên liên quan	10	8	80	
4	Publish report and follow up corrective action Ban hành báo cáo và đưa ra cách hành động khắc phục sau đó	10	16	160	
VII	Report			112	
I	Báo cáo				
1	Monthly Report Báo cáo tháng	12	4	48	
2	Quadrant report Báo cáo quý	4	8	32	
3	Half-year report Báo cáo 6 tháng	2	8	16	
4	Annual report Báo cáo năm	1	16	16	
IX	Other			496	
	Khác				
1	Conduct safety awareness programme Quản lý (Kiểm soát) chương trình nhận thức an toàn	2	32	64	
2	Attend safety seminars Tham gia các hội nghị (hội thảo) chuyên đề về an toàn	4	8	32	
3	Prepare for ICVM Corrective Action Plan for (AGA) Chuẩn bị cho các hành động khắc phục theo khuyến cáo ICAO trong đợt thanh tra đánh giá của ICAO	10	40	400	
X	Total		-	10,980	

06 full-time inspectors: 18 part-time inspectors

06 giám sát viên chuyên trách, 18 giám sát viên kiêm nhiệm

Full-time inspector = 1800hours/year

Giám sát viên chuyên trách = 1800 giờ/ năm

Part-time inspector = 600 hours/year

Giám sát viên kiêm nhiệm = 600 giờ/ năm



9. YÊU CẦU VỀ TẦN SUẤT KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

No.	Activity	Frequency
1	Kiểm tra các thông số kỹ thuật cảng hàng không, sân bay đảm bảo phù hợp với tài liệu khai thác quy định về an toàn khai thác trong sân bay	2 năm/1 lần
	<i>Aerodrome physical characteristic (DATA)</i> <i>Đặc tính vật lý của sân bay</i>	
	<i>Aerodrome reporting</i> <i>Báo cáo sân bay/ Thông báo các thay đổi của cảng hàng không, sân bay</i>	
	<i>Access to the movement area</i> <i>Tiếp cận khu vực di chuyển</i>	
	<i>Airport emergency plan</i> <i>Kế hoạch khẩn nguy sân bay</i>	
	<i>Airport Rescue and Fire Fighting Services (ARFFS)</i> <i>Dịch vụ khẩn nguy và phòng chống cháy nổ cảng hàng không, sân bay</i>	
	<i>Inspection of the aerodrome movement area and obstacle limitation surface</i> <i>Kiểm tra giám sát khu bay và bề mặt giới hạn chướng ngại vật</i>	
	<i>Visual aids and aerodrome electrical systems</i> <i>Hệ thống hỗ trợ bằng mắt và hệ thống điện;</i>	
	<i>Maintenance of the movement area</i> <i>Bảo trì khu bay</i>	
	<i>Safety during aerodrome works</i> <i>An toàn trong quá trình làm việc tại sân bay</i>	
	<i>Apron management</i> <i>Quản lý sân đỗ tàu bay</i>	

<p><i>Apron safety management</i> Quản lý an toàn khu vực sân đỗ tàu bay</p>	
<p><i>Airside vehicle control</i> Kiểm soát khu vực bãi tập kết phương tiện trang thiết bị khu bay</p>	
<p><i>Wildlife management</i> Quản lý chim và động vật hoang dã</p>	
<p><i>Obstacle control</i> Kiểm soát chướng ngại vật</p>	
<p><i>Removal of disabled Aircraft</i> Di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển</p>	
<p><i>Handling of dangerous goods</i> Xử lý hàng nguy hiểm</p>	
<p><i>Low-visibility operations</i> Khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế</p>	
<p><i>Protection site for radar and navigation Aids</i> Khu vực bảo vệ radar và các thiết bị dẫn đường hàng không</p>	
<p><i>Safety Management System</i> Hệ thống quản lý an toàn</p>	
<p><i>The surface conditions of runways, taxiways, stopways, clearway;</i> Điều kiện bề mặt của đường cất hạ cánh, đường lăn, đoạn dừng, dải quang</p>	
<p><i>Runway end safety areas, runway and taxiway strips, shoulders and aprons;</i> Khu vực an toàn cuối đường cất hạ cánh, dải bay và dải lăn, lề đường cất hạ cánh, lề đường lăn</p>	
<p><i>Aeronautical ground lighting systems standby power;</i> Hệ thống cấp điện dự phòng cho hệ thống đèn</p>	
<p><i>Landing direction indicators and wind direction indicators, aerodrome</i> Thiết bị chỉ hướng hạ cánh và thiết bị chỉ hướng gió tại sân bay</p>	
<p><i>markings and markers;</i> Sơn kẻ tín hiệu và các mốc</p>	
<p><i>Aerodrome lighting</i> Đèn sân bay</p>	

	<p><i>Guidance signs and warning signs in the movement area;</i> <i>Biển báo chỉ dẫn và biển báo cảnh báo trong khu vực di chuyển</i></p>	
	<p><i>Aerodrome maintenance equipment;</i> <i>Thiết bị bảo trì sân bay</i></p>	
	<p><i>disabled aircraft removal plan;</i> <i>Kế hoạch di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển</i></p>	
	<p><i>Wildlife control equipment;</i> <i>Thiết bị kiểm soát chim và động vật hoang dã</i></p>	
	<p><i>The presence of obstacles in obstacle limitation surfaces;</i> <i>Sự tồn tại của chướng ngại vật trong bề mặt giới hạn chướng ngại vật</i></p>	
	<p><i>Runway visual range measuring equipment;</i> <i>Thiết bị đo tầm nhìn trên đường cất hạ cánh</i></p>	
	<p><i>The presence of dangerous lights;</i> <i>Sự tồn tại của đèn cảnh báo nguy hiểm</i></p>	
	<p><i>Rescue and fire-fighting equipment;</i> <i>Thiết bị tìm kiếm cứu nạn</i></p>	
	<p><i>Fuelling facilities; and</i> <i>Thiết bị tra nạp xăng dầu</i></p>	
	<p><i>Runway surface friction measuring equipment;</i> <i>Thiết bị đo hệ số ma sát trên đường cất hạ cánh</i></p>	
2	Kiểm tra về công tác bảo trì sân bay	1 năm/1 lần

PHỤ LỤC A – Mẫu văn bản

PHỤ LỤC A1: MẪU VĂN BẢN TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ AN TOÀN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG SÂN BAY

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CHK-QLC
V/v kế hoạch kiểm tra đánh giá an
toàn khai thác tại Cảng hàng
không....

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi:¹

Cục Hàng không Việt Nam thông báo kế hoạch kiểm tra, đánh giá để đánh giá sự tuân thủ an toàn đối với các tiêu chuẩn an toàn khai thác và quy định của pháp luật, phục vụ công tác cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay/hoặc duy trì Giấy chứng nhận khai thác khai thác cảng hàng không, sân bay như sau:

1. Thời gian:....

2. Địa điểm:....

3. Thành phần

- Trường đoàn:

- Thành viên:

4. Yêu cầu..... chuẩn bị tài liệu báo cáo bao gồm: ²

- Điền các thông số kỹ thuật vào checklist có liên quan gửi kèm văn bản này. ³

- Tần suất khai thác hiện tại (chuyến/ngày).

- Chương trình đào tạo RFFS và đào tạo nhân viên

- Tài liệu chứng minh triển khai AEP hàng năm, bao gồm cả diễn tập khẩn nguy

- Hồ sơ kiểm tra đánh giá an toàn nội bộ trong⁴ tháng, bao gồm cả hồ sơ chứng minh việc triển khai, khắc phục các phát hiện liên quan đến an toàn khai thác CHKSB.

- Số lượng và hồ sơ liên quan đến sự cố, tai nạn.

- Hồ sơ chứng minh việc khắc phục theo danh mục không đáp ứng đã được chấp thuận.

- Các yêu cầu khác nếu có....

5. Yêu cầu về chuẩn bị nhân sự:

Tổ chức đề nghị cấp GCN/ người khai thác CHKSB có trách nhiệm bố trí làm việc với đoàn kiểm tra, đánh giá của Cục HKVN như sau:

- Bố trí Lãnh đạo tổ chức đề nghị cấp GCN/ người khai thác CHKSB làm việc trực tiếp với đoàn của Cục HKVN tại buổi khai mạc và kết thúc.

- Bố trí nhân sự chủ chốt về an toàn hoặc khai thác làm việc theo đoàn của Cục HKVN trong suốt lịch trình làm việc với đoàn công tác của Cục HKVN.

- Bố trí nhân sự có liên quan khác để làm việc với đoàn công tác của Cục HKVN.

6. Mọi thắc mắc liên quan đến kế hoạch của đoàn công tác Cục HKVN, vui lòng liên hệ ông/bà..... Mọi phản ánh, phản hồi hoặc ý kiến khác trong quá trình kiểm tra, đánh giá đoàn công tác Cục HKVN, đơn vị ghi nhận trực tiếp bằng biên bản với đoàn công tác hoặc có văn bản báo cáo Cục HKVN.

TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ CẢNG HK, SB

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Phó Cục trưởng phụ trách (để b/c);
- Các phòng có liên quan;
- Lưu: VT (10b).

PHỤ LỤC A2: VĂN BẢN CHẤP THUẬN CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TÀI LIỆU KHAI THÁC

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CHK-QLC

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v chấp thuận các nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay

Kính gửi:¹

Theo đề nghị của, Cục Hàng không Việt Nam có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận bản sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác sân bay theo đề nghị của

2. Người khai thác CHKS B có trách nhiệm phân phối Tài liệu khai thác sân bay cho các cơ quan, đơn vị có liên quan được thống kê tại tài liệu khai thác CHKS B.

TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ CẢNG HK, SB

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Phó Cục trưởng phụ trách (để b/c);
- Các phòng có liên quan;
- Lưu: VT (10b).

PHỤ LỤC B: Mẫu báo cáo kết quả kiểm tra

MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU

1.1. Thông tin chung

Cảng hàng không được kiểm tra: Cảng hàng không

Ngày kiểm tra:

Đoàn kiểm tra: Ông/Bà., Trưởng đoàn

Ông/Bà., Thành viên

Ông/Bà., Thành viên

Ông/Bà., Thành viên

1.2. Phạm vi & mục đích kiểm tra

Cuộc kiểm tra được tiến hành để kiểm tra việc tuân thủ (*điền tên quy trình, quy định, sổ tay hướng dẫn, v.v...*) của cảng hàng không/tổ chức XXX.

1.3. Thông tin hành chính của tổ chức được kiểm tra

Ban giám đốc của Cảng hàng không XXX, đại diện cho nhà khai thác sân bay, gồm:

Ông/Bà.....,

Ông/Bà.....,

Ông/Bà.....,

1.4. Những tài liệu cần xem xét

Những tài liệu sau đây cần được xem xét trước và trong suốt quá trình kiểm tra:

- *Liệt kê tài liệu*
- *Liệt kê tài liệu*
- *Liệt kê tài liệu*

1.5. Những người được phỏng vấn

Những người sau đây sẽ được phỏng vấn/chất vấn trong quá trình kiểm tra:

Ông/Bà.,

Ông/Bà.,

1.6. Hợp khai mạc

Cuộc họp khai mạc cho đợt kiểm tra được tổ chức vào ngày tại địa điểm Cuộc họp này do Trưởng đoàn kiểm tra, ông/bà chủ trì, ông/bà phổ biến kế hoạch và nội dung kiểm tra, tham dự cuộc họp có các thành phần sau:

(Liệt kê tên người tham dự)

1.7. Hợp kết thúc

Cuộc họp kết thúc đợt kiểm tra được tổ chức vào ngày _____ tại địa điểm _____. Cuộc họp này do Trưởng đoàn kiểm tra, ông/bà chủ trì, tham dự cuộc họp có các thành phần sau:

(Liệt kê tên người tham dự)

1.8. Phân phối báo cáo

Báo cáo sẽ được gửi cho Giám đốc Cảng hàng không Giám đốc Cảng hàng không có trách nhiệm đảm bảo việc phân phối các kết luận và phát hiện được ghi trong báo cáo đến được với những người thích hợp trong tổ chức được đánh giá.

2. TÓM TẮT CÔNG VIỆC ĐÃ KIỂM TRA

Nêu ngắn gọn những hoạt động chính của cuộc kiểm tra và các phát hiện chính trong đợt kiểm tra.

3. TÓM TẮT CÁC PHÁT HIỆN

Bản tóm tắt liệt kê tất cả các phát hiện theo thứ tự ưu tiên.

4. QUAN SÁT VÀ PHÁT HIỆN

4.1. Mô tả mỗi phát hiện trong quá trình quan sát được.

4.1.1. Phát hiện: Mô tả các thiếu sót và hành động khắc phục, cùng với những yêu cầu bắt buộc và những bằng chứng liên quan về việc không tuân thủ đúng quy định.

4.1.2. Tình trạng: Phân loại phát hiện

4.1.3. Thời gian: Thời hạn khắc phục

4.2. Theo dõi: Ghi lại các nhận xét

Khi ghi lại các phát hiện sau một cuộc kiểm tra, cần tuân theo các hướng dẫn sau:

- Không đợi đến phút cuối cùng mới soạn thảo các tài liệu; phải điền các phát hiện vào trong quá trình theo dõi, quan sát nhằm duy trì mức độ khách quan, thỏa đáng;

- Bản báo cáo cuối cùng phải được soạn trong thời gian nhanh nhất sau khi cuộc kiểm tra hoàn tất;
- Tất cả các chi tiết phải rõ ràng, cô đọng, dễ hiểu;
- Câu từ phải ngắn gọn, dễ hiểu;
- Việc phân loại khuyến cáo phải được thực hiện một cách khách quan và trung thực.

5. KẾ HOẠCH KHẮC PHỤC

Liệt kê tất cả những hoạt động khắc phục trong Mẫu Kế hoạch Khắc phục theo thứ tự ưu tiên. (Xem Bảng 1)

Bảng 1 : Kế hoạch khắc phục

Tài liệu Tham chiếu	Phát hiện	Phân loại phát hiện	Hoạt động khắc phục của tổ chức được kiểm tra	Trách nhiệm cá nhân	Thời hạn

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC C: Danh mục các checklist kiểm tra cấp giấy chứng nhận khai thác sân bay

KÝ HIỆU CHECKLIST	TÊN CHECKLIST
C1	CHECKLIST KIỂM TRA QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC SÂN BAY
C2	CHECKLIST QUY TRÌNH SỬA ĐỔI GCN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
C3	CHECKLIST QUY TRÌNH CẤP LẠI GCN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
C4	CHECKLIST QUY TRÌNH THU HỒI GCN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
C5	CHECKLIST KIỂM TRA DANH MỤC HỒ SƠ CẤP GCN KHAI THÁC CHK,SB
C6	DANH MỤC KIỂM TRA KẾT CẤU, NỘI DUNG TÀI LIỆU KHAI THÁC SÂN BAY
C6.1	CHECKLIST KIỂM TRA KẾT CẤU, NỘI DUNG TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN (SMS)
C6.2	CHECKLIST KIỂM TRA KẾT CẤU, NỘI DUNG TÀI LIỆU KẾ HOẠCH KHẨN NGUY SÂN BAY
C7	CHECKLIST KIỂM TRA THÔNG TIN CHUNG VÀ HỆ THỐNG SÂN ĐƯỜNG SÂN BAY
C8	KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG THI CÔNG TRONG SÂN BAY
C9	CHECKLIST KIỂM TRA AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG THI CÔNG
C10	CHECKLIST KIỂM TRA KẾ HOẠCH KHẨN NGUY SÂN BAY
C11	KIỂM TRA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT KHU VỰC DI CHUYỂN MẶT ĐẤT
C12	CHECKLIST KIỂM TRA VIỆC QUẢN LÝ SÂN ĐỒ TÀU BAY
C13	CHECKLIST KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN TRÊN MẶT ĐẤT
C14	CHECKLIST KIỂM TRA QUY TRÌNH QUẢN LÝ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ
C15	CHECKLIST KIỂM TRA QUẢN LÝ CHƯỚNG NGẠI VẬT
C16	CHECKLIST KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ĐỘ MA SÁT ĐƯỜNG CHC
C17	VISUAL AIDS CHECKLIST

C18	CHECKLIST KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ DANH MỤC KHÔNG ĐÁP ỨNG
C19	CHECKLIST KIỂM TRA KHẨN NGUY CỨU HỎA
C20	CHECKLIST KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA NHÂN VIÊN CỨU HỎA
C21	CHECKLIST KIỂM TRA HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN HÀNG KHÔNG
C22	CHECKLIST KHAI THÁC TRONG ĐIỀU KIỆN TẦM NHÌN HẠN CHẾ



check list C.rar

PHỤ LỤC D: Danh mục các checklist kiểm tra các điều kiện đảm bảo an toàn hoạt động thi công, đưa công trình vào khai thác

KÝ HIỆU CHECKLIST	TÊN CHECKLIST
D1	CHECKLIST KIỂM TRA THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN PHƯƠNG ÁN ĐẢM BẢO AN NINH, AN TOÀN, PCCC, VỆ SINH MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG
D2	CHECKLIST ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN ĐẢM BẢO AN NINH, AN TOÀN, PCCC, VỆ SINH MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG CÔNG TRÌNH
D3	CHECKLIST KIỂM TRA THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐƯA HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀO KHAI THÁC (áp dụng đối với công trình đường CHC, đường lăn, sân đỗ tàu bay)
D4	CHECKLIST KIỂM TRA NỘI DUNG HỒ SƠ ĐƯA HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀO KHAI THÁC (áp dụng đối với công trình đường CHC, đường lăn, sân đỗ tàu bay)
D4.1	CHECKLIST KIỂM TRA THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐƯỜNG CÁT HẠ CÁNH ĐƯA VÀO KHAI THÁC
D4.2	CHECKLIST KIỂM TRA THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐƯỜNG LĂN ĐƯA VÀO KHAI THÁC
D4.3	CHECKLIST KIỂM TRA THÔNG SỐ KỸ THUẬT SÂN ĐỖ TÀU BAY ĐƯA VÀO KHAI THÁC
D5	CHECKLIST KIỂM TRA THỰC TẾ ĐƯA VÀO KHAI THÁC ĐƯỜNG CHC
D6	CHECKLIST KIỂM TRA THỰC TẾ ĐƯA VÀO KHAI THÁC ĐƯỜNG ĐƯỜNG LĂN
D7	CHECKLIST KIỂM TRA THỰC TẾ ĐƯA VÀO KHAI THÁC SÂN ĐỖ TÀU BAY
D8	CHECKLIST KIỂM TRA THÀNH PHẦN HỒ SƠ TẠM NGỪNG KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
D9	CHECKLIST KIỂM TRA NỘI DUNG HỒ SƠ TẠM NGỪNG KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
D10	CHECKLIST THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI BỔ SUNG TÀI LIỆU KHAI THÁC SÂN BAY

PHỤ LỤC E: Chương trình đào tạo giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay – Bản tóm tắt kinh nghiệm

BẢN TÓM TẮT KINH NGHIỆM

THÔNG TIN CÁC NHÂN

Họ và tên:.....

Vị trí bổ nhiệm:

Số thẻ giám sát viên:.....

Ngày cấp:

NĂNG LỰC KINH NGHIỆM

Người được bổ nhiệm làm giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không sân bay phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau:

Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành kỹ thuật dân dụng hoặc kỹ sư điện và các bằng đại học tương đương.

Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thiết kế, xây dựng, quy hoạch, khai thác và bảo trì cảng hàng không, sân bay.

Được đào tạo và hiểu rõ về Phụ ước 14, Volume I/II và các tài liệu Hướng dẫn liên quan của ICAO.

Được đào tạo và hiểu rõ về các văn bản quy phạm pháp luật và các tài liệu hướng dẫn về cảng hàng không, sân bay

(1a) Trình độ đào tạo / chuyên môn			
Thời gian	Tên cơ sở đào tạo (Đại học / Học viện....)	Hình thức đào tạo	Ghi chú



**SỔ TAY HƯỚNG DẪN
GIÁM SÁT AN TOÀN KHAI THÁC
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

Ký hiệu: AC001
Lần ban hành: 02
Ngày hiệu lực:

(1b) Quá trình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát

Thời gian	Địa điểm	Nội dung	Ghi chú